

CHAPTER II INITIATION DEFINED

The question anent initiation is one that is coming more and more before the public. Before many centuries pass the old mysteries will be restored, and an inner body will exist in the Church — the Church of the period, of which the nucleus is already forming — wherein the first initiation will become exoteric, in this sense only, that the taking of the first initiation will, before so very long, be the most sacred ceremony of the Church, performed exoterically as one of the mysteries given at stated periods, attended by those concerned. It will also hold a similar place in the ritual of the Masons. At this ceremony those ready for the first initiation will be publicly admitted to the Lodge by one of its members, authorised to do so by the great Hierophant Himself.

CHƯƠNG II

ĐỊNH NGHĨA ĐIỂM ĐẠO

Điểm đạo là một vấn đề ngày càng được công chúng biết đến nhiều hơn. Chẳng còn mấy thế kỷ nữa, các bí nhiệm thời cổ sẽ được phục hồi, và một tổ chức nội môn sẽ tồn tại trong Giáo Hội – Giáo Hội của thời kỳ mà hạt nhân của nó đã đang thành hình – trong đó cuộc điểm đạo thứ nhất trở nên công truyền; chỉ theo ý nghĩa này, là chẳng bao lâu nữa cuộc điểm đạo thứ nhất sẽ là thánh lễ cao nhất của Giáo Hội, được thực hiện ở ngoại môn, như là một trong các bí nhiệm được truyền đạt vào những thời kỳ nhất định, với sự tham dự của những người có liên quan. Nó cũng sẽ giữ vai trò tương tự trong nghi thức của các hội viên Tam Điểm. Trong cuộc lễ này, những người đã sẵn sàng cho cuộc điểm đạo lần thứ nhất sẽ được công khai nhận vào Huyền Giai (Lodge) bởi một trong các thành viên của Huyền Giai, được chính Đấng Điểm Đạo ủy quyền cho làm như thế.

The Tibetan Teacher offers a great promise, the seeds of which are already germinating in our modern civilization. Public interest in the rites of initiation will only grow in depth and power in the centuries ahead. Those organizations which have guided the spiritual life of many human beings will, before long, be directly connected with the Spiritual Hierarchy of our planet and, within the inner sanctuaries of these organizations, the first initiation (the first degree) will be publicly conferred by a Hierarch or Hierophant Who is a member of the Hierarchy.

Chân sư Tây Tạng đưa ra một lời hứa tuyệt vời, mà những hạt giống của nó đã nảy mầm trong nền văn minh hiện đại của chúng ta. Mối quan tâm của công chúng đến các nghi thức điểm đạo sẽ chỉ phát triển về chiều sâu và sức mạnh trong những thế kỷ tới. Những tổ chức đã hướng dẫn đời sống tinh thần của nhiều người chẳng bao lâu nữa sẽ được kết nối trực tiếp với Huyền giai tinh thần của hành tinh chúng ta và

trong các khu vực tôn nghiêm bên trong của các tổ chức này, cuộc điếm đạo đầu tiên (cấp độ đầu tiên) sẽ được công khai bởi một Hierarch hoặc Đấng điếm đạo (Hierophant), Đấng vốn là thành viên của Thánh đoàn.

If the present dispensation does not change, it seems probable that this Hierophant will be (at least at first) the Christ, Himself. Once certain basic transmutations and transformations have been effected in the Church and Masonry, the Christ will find it possible to associate Himself directly with the inner knowers in both groups.

Nếu hệ thống tôn giáo hiện tại không thay đổi, dường như Đấng Điếm đạo này (ít nhất là lúc đầu) sẽ chính là Đức Christ. Một khi những sự biến đổi và chuyển hóa cơ bản nhất định đã được thực hiện trong Giáo hội và Hội Tam điếm, thì Đức Christ có thể liên kết trực tiếp chính Ngài với những vị hiểu biết bên trong ở cả hai nhóm.

Christians might find it strange that the Christ could associate Himself with Masonry, but the Masonic Fraternity is a faithfully symbolic expression of the Mysteries of Initiation, and its destiny during the New Age is of real spiritual significance. As well, the various esoteric schools and organizations will present their candidates to the Initiator. Thus, from three different disciplines — Masonry on the first ray, the Church on the second ray and the esoteric schools and organizations, essentially on the third ray — preparation for initiation will go forward.

Các tín đồ Cơ đốc giáo có thể thấy kỳ lạ khi Đức Christ có thể liên kết chính Ngài với Hội Tam điếm, nhưng Hội Tam điếm là một biểu hiện trung thực mang tính biểu tượng của Huyền nhiệm Điếm đạo, và vận mệnh của nó trong Kỷ nguyên Mới có ý nghĩa thực sự về mặt tâm linh. Đồng thời, các trường học và tổ chức bí truyền khác nhau sẽ tiến cử các ứng viên của họ cho Đấng Điếm đạo. Do đó, từ ba truyền thống khác nhau — Hội Tam điếm ở cung một, Giáo hội ở cung hai và các trường học và tổ chức bí truyền, về cơ bản ở cung ba — sự chuẩn bị cho việc điếm đạo sẽ tiếp tục

There were many "Mystery Schools" in olden days. The lore concerning them is now being recovered. Not all of the "Mysteries" need to be resurrected, for their time is past, and humanity has moved beyond the substance of their teaching, but the essential platform of the Mysteries (preserved in Masonry, for instance) must be brought forward into the New Age and readapted to the modern civilization with its modern mind. For yet a while this adaptation will proceed both within Masonry and the Church. We are clearly in a transition period, and no thoroughly re-conceived and Aquarian presentation of the Mysteries yet exists in the modern world.

Ngày xưa có rất nhiều "Trường Nội môn". Truyền thuyết liên quan đến chúng hiện đang được phục hồi. Không phải mọi "Huyền Nhiệm" đều cần phải hồi sinh, vì thời của chúng đã qua, và nhân loại đã vượt ra ngoài bản chất của giáo lý của chúng, nhưng nền tảng thiết yếu của các Huyền Nhiệm (chẳng hạn như được bảo tồn trong Hội Tam điếm) phải được đưa vào Kỷ nguyên mới và sẵn sàng cho nền văn minh hiện đại với trí tuệ hiện đại của nó. Trong một thời gian nữa, sự thích nghi này sẽ

diễn ra cả trong hội Tam điểm và Giáo hội. Rõ ràng là chúng ta đang ở trong một giai đoạn chuyển tiếp, và chưa có một biểu hiện của Huyền Nhiệm nào được tái hiện kỹ lưỡng theo kiểu Bảo Bình tồn tại trong thế giới hiện đại.

With the Restoration of the Mysteries comes great hope for humanity. Since Mercury is the One Who “leads into the Mysteries” (Esoteric Astrology 549), it can be concluded that during the second seven hundred years of the Aquarian Age when Mercury is most in power (because it rules the second decanate — ten degree section — of Aquarius), the Mysteries Schools of Initiation will truly flourish.

We have before us many years of preparation and experimentation. However, a beginning is now being made. We must not lose patience. The New Dispensation cannot appear overnight. The foundation must be firmly laid which means that an understanding of the principles which govern the Mysteries must be assimilated.

The emergence of the various school experiments in different parts of the world are related to the re-emergence of the Ancient/Ageless Mysteries ... This Tradition must be resurrected and adapted to and reinterpreted within the context of modern culture and civilization. It will be a great work and facilitate the emergence of the *soul* of the nations.

Sự Phục hồi của các Huyền Nhiệm mang lại hy vọng lớn cho nhân loại. Vì Thủy tinh là Đấng “dẫn lối vào các Huyền Nhiệm” (Chiêm tinh học nội môn, 549), nên có thể kết luận rằng trong suốt bảy trăm năm giai đoạn thứ hai của Kỷ nguyên Bảo bình khi Thủy tinh nắm quyền nhiều nhất (vì nó cai quản phần thập độ thứ hai — phần mười độ — của Bảo Bình), các Trường Điểm đạo Bí truyền sẽ thực sự phát triển mạnh mẽ.

Chúng ta có nhiều năm để chuẩn bị và thử nghiệm. Tuy nhiên, một sự bắt đầu đang được thực hiện. Chúng ta không được mất kiên nhẫn. Sự Sắp đặt Mới không thể xuất hiện trong một sớm một chiều. Nền tảng phải được đặt vững chắc có nghĩa là sự thấu hiểu về các nguyên tắc chi phối các Huyền Nhiệm phải được đồng hóa.

Sự xuất hiện của các thử nghiệm trường học khác nhau ở các khu vực khác nhau trên thế giới có liên quan đến sự tái xuất hiện của các Huyền Nhiệm Cổ đại/Ngàn đời... Truyền thống này phải được phục hồi, thích nghi và được giải thích lại trong bối cảnh văn hóa và văn minh hiện đại. Nó sẽ là một công việc vĩ đại và tạo điều kiện cho sự xuất hiện *linh hồn* của các quốc gia.

Four words defined.

When we speak of Initiation, of wisdom, of knowledge, or of the probationary Path, what do we mean? We use the words so glibly, without due consideration of the meaning involved. Take, for instance, the word first mentioned. Many are the definitions, and many are the explanations to be found as to its scope, the preparatory steps, the work to be done between initiations, and its result and effects. One thing before all else is apparent to the most superficial student, and

that is, that the magnitude of the subject is such that in order to deal with it adequately one [Page 10] should be able to write from the viewpoint of an initiate; when this is not the case, anything that is said may be reasonable, logical, interesting, or suggestive, but not conclusive.

Định Nghĩa Bốn Thuật Ngữ

Chúng ta muốn nói đến điều gì khi đề cập đến Điểm Đạo, đến minh triết, đến tri thức và đến con đường Dự Bị? Chúng ta dùng các từ này quá đối hời hợt mà không xem xét đúng mức ý nghĩa của chúng. Chẳng hạn, hãy chọn thuật ngữ được đề cập trước tiên. Có biết bao nhiêu định nghĩa và giải thích đã được đưa ra về phạm vi, các bước chuẩn bị, về công việc phải làm giữa các cuộc điểm đạo, với các kết quả và hiệu quả. Điều trước hết, mà một môn sinh dù tầm thường nhất cũng thấy rõ, là vấn đề này rộng lớn đến nỗi muốn bàn về nó một cách thỏa đáng [10] thì cần phải có khả năng viết theo quan điểm của một điểm đạo đồ; nếu không thì bất cứ điều gì nói ra, dù hữu lý, hợp lý, thú vị, hoặc nhiều gợi ý, vẫn không đủ sức thuyết phục.

The Tibetan offers a most interesting thought: *conclusive* pronouncements upon the subject of initiation requires that the pronouncements be the work of an initiate. D.K. is, of course, an initiate of quite high degree (and for us, of *very* high degree). He is a Master of the Wisdom, a fifth degree initiate — neither “young” or “old”, as He, Himself, says. Those who have studied His writings seriously recognize them to be the work of an initiate, though He, Himself, is not interested in having people speak of them as such. Rather, He wants us to use our own minds and powers of discrimination.

Chân Sư Tây Tạng đưa ra một tư tưởng thú vị nhất: những tuyên bố *kết luận* về chủ đề điểm đạo đòi hỏi rằng nó [những tuyên bố đó] phải là công việc của một điểm đạo đồ. Chân sư D.K. tất nhiên là vị điểm đạo đồ cấp độ khá cao (và đối với chúng ta, cấp độ *rất* cao). Ngài là một Chân sư Minh triết, một điểm đạo đồ bậc năm —không “trẻ” cũng không “già”, như chính Ngài đã nói. Những người đã nghiên cứu các tác phẩm của Ngài nghiêm túc công nhận chúng là tác phẩm của một điểm đạo đồ, mặc dù chính Ngài không quan tâm đến việc mọi người nói về chúng như vậy. Đúng hơn, Ngài muốn chúng ta sử dụng trí tuệ và sức mạnh của chính mình để phân biệt.

If His writings appeal to our intuition and are confirmed by it as well as through the Law of Correspondences (a more exacting form of the Law of Analogy), then we are at liberty to accept, provisionally, what He has said. At least, it would be proper for us to *experiment*, hypothetically with His statements. But if our intuition and our sense of inner confirmation fail to respond, then we are encouraged not to accept what He has said. This seems fair and wise.

Nếu các tác phẩm của Ngài thu hút trực giác của chúng ta, được xác nhận bởi trực giác cũng như thông qua Luật Tương ứng (một hình thái đòi hỏi khắt khe hơn của Luật Tương đồng), thì chúng ta có quyền tạm thời chấp nhận những gì Ngài đã nói. Ít nhất, sẽ là thích hợp để chúng ta *thử nghiệm*, theo giả thuyết với những tuyên bố của Ngài. Nhưng nếu trực giác và cảm giác xác nhận bên trong của chúng ta không đáp ứng được, thì chúng ta được khuyến khích không chấp nhận những gì Ngài đã nói. Điều này có vẻ công bằng và khôn ngoan.

We and most others who will read what Master D.K. has said are not initiates of His high degree. We may not even be initiates at all. Perhaps it is safest for us to think of ourselves as *disciples* — those who earnestly seek to learn the Esoteric Doctrine and to apply what we learn in service of the race. Therefore, what we say and think *cannot* be conclusive. At best it can “reasonable, logical, interesting or suggestive” — and these qualities will have to suffice until we, too, are confirmed Masters of the Wisdom. The whole subject should be approached with humility — an “adjusted sense of right proportion” (DINA I 95), which will prevent us from exaggerating or minimizing the Teaching, and ourselves as students and exponents of that Teaching.

Chúng ta và hầu hết những người đọc những gì Chân Sư D.K. đã nói không phải là các điểm đạo đồ trình độ cao như Ngài. Chúng ta thậm chí có thể không phải là điểm đạo đồ. Có lẽ an toàn nhất là chúng ta nên nghĩ mình là *đệ tử* — những người tha thiết tìm hiểu Giáo lý Nội môn và áp dụng những gì chúng ta học được để phụng sự cho nhân loại. Vì vậy, những gì chúng ta nói và nghĩ *không thể* là kết luận. Tốt nhất nó chỉ có thể là “hợp lý, logic, thú vị hoặc mang tính gợi ý” — và những phẩm chất này sẽ là đủ cho đến khi chúng ta cũng được công nhận là các Chân sư Minh triết. Toàn bộ chủ đề nên được tiếp cận với sự khiêm tốn — một “ý thức được điều chỉnh về tỷ lệ phù hợp” (DINA I 95), điều này sẽ ngăn chúng ta phóng đại hoặc giảm thiểu Giáo lý, và bản thân chúng ta là học viên và những người diễn giải Giáo lý đó.

We are embarking upon a study which will occupy us for many lives. We are now learning only the ABC's of a stupendous subject, but even these ABC's are so different from our normal modes of thinking that they will require all we have of intelligence, intuition and appreciative love if they are to be even partially assimilated and applied. So, we are embarked on a *great spiritual adventure*.

Chúng ta đang bắt tay vào một nghiên cứu sẽ khiến chúng ta bận rộn trong nhiều kiếp sống. Bây giờ chúng ta chỉ học những điều ABC của một chủ đề độc đáo, nhưng thậm chí những điều ABC này rất khác với các phương thức tư duy bình thường của chúng ta đến mức chúng ta sẽ đòi hỏi tất cả trí thông minh, trực giác, và tình thương cao quý mà chúng ta có, dù là chúng ta thậm chí chỉ được đồng hóa và áp dụng một phần. Vì vậy, chúng ta đang dấn thân vào một *cuộc phiêu lưu tinh thần tuyệt vời*.

The word Initiation comes from two Latin words, in, into; and ire, to go; therefore, the making of a beginning, or the entrance into something. It posits, in its widest sense, in the case we are studying, an entrance into the spiritual life, or into a fresh stage in that life. It is the first step, and the succeeding steps, upon the Path of Holiness. Literally, therefore, a man who has taken the first initiation is one who has taken the first step into the spiritual kingdom, having passed out of the definitely human kingdom into the superhuman. Just as he passed out of the animal kingdom into the human at individualisation, so he has entered upon the life of the spirit, and for the first time has the right to be called a "spiritual man" in the technical significance of the word. He is entering upon the fifth or final stage in our present fivefold evolution. Having groped his way through the Hall of Ignorance during many ages, and having gone to school in the Hall of Learning, he is now entering into the university, or the Hall of Wisdom. When he has passed through that school he will graduate with his degree as a Master of Compassion.

Từ Điểm Đạo (Initiation) do hai từ La tinh, in, là nhập vào, và ire, là đi; do đó, nó có nghĩa là khởi sự, hay nhập vào một điều gì. Trong trường hợp chúng ta đang nghiên cứu, nó biểu thị nghĩa rộng nhất là việc nhập vào đời sống tinh thần, hay nhập vào một giai đoạn mới của cuộc sống này. Đó là bước đầu tiên, và những bước tiếp theo trên Thánh đạo. Thế nên, theo sát nghĩa, một người đã được điểm đạo lần thứ nhất là người đã thực hiện bước đầu tiên vào giới tinh thần, đã dứt khoát ra khỏi giới nhân loại để nhập vào giới siêu nhân loại. Giống như y đã chuyển từ giới động vật sang giới nhân loại vào lúc biệt ngã hóa, cũng thế, y đã nhập vào cuộc sống tinh thần, và lần đầu tiên y có quyền được gọi là một "người tinh thần" theo nghĩa chuyên môn của từ này. Y đang đi vào giai đoạn thứ năm hay giai đoạn cuối cùng của cuộc tiến hóa năm giai đoạn của chúng ta hiện nay. Sau khi đã lần mò tìm đường đi qua phòng Vô Minh trong nhiều thời đại, và đã học hỏi trong Phòng Học Tập, nay y đang đi vào đại học, hay Phòng Minh Triết. Khi y đã trải qua trường này, y sẽ tốt nghiệp với trình độ là một Chân Sư Từ Bi.

Because the word, "initiation" is based upon Latin words which means "a beginning, or entrance into something", we can see, immediately, that the initiation process is fundamentally related to the astrological sign, Aries — the first sign of the zodiac and a sign, preeminently, of *commencement*. From another perceptive, Capricorn (the major sign of initiation ...) is also a sign of commencement as well as of culmination. When we are engaged in the process of initiation (and, please note, that it is more a *process* than an *event*), we are making a "fresh start" in spiritual living. Always new opportunity within a new spiritual environment will be offered; the acquisition of new spiritual potencies will result and with it an ability to be more potent and effective in service to the human race.

Bởi vì từ "điểm đạo" được dựa trên các từ Latinh có nghĩa là "một sự bắt đầu, hoặc bước vào một cái gì đó", ngay lập tức chúng ta có thể thấy rằng quá trình điểm đạo về cơ bản liên quan đến dấu hiệu chiêm tinh, Bạch Dương — dấu hiệu đầu tiên của hoàng đạo, và một dấu hiệu đặc biệt của *sự khởi đầu*. Theo một cách nhìn nhận khác, Ma Kết (dấu hiệu chính của điểm đạo...) cũng là dấu hiệu của sự khởi đầu cũng như của đỉnh cao. Khi chúng ta tham gia vào quá trình điểm đạo (và, xin lưu ý rằng đó là một *quá trình* hơn là một *sự kiện*), chúng ta đang thực hiện một "sự bắt đầu mới mẻ" trong đời sống tinh thần. Luôn luôn có cơ hội mới trong một môi trường tinh thần mới; việc đạt được những sức mạnh tinh thần mới sẽ dẫn đến kết quả và cùng với nó là khả năng phụng sự nhân loại mạnh mẽ và hiệu quả hơn.

We are all treading the Path of Holiness, which means not only that we are seeking to become *pure*, that that we are seeking to become "whole". That Path leads to the highest dimensions upon our planet, thence to other planets, thence to our Sun, to other stars and constellations and beyond. But, one thing at a time — we certainly cannot yet think in "galactic" terms when we, as a race, can barely control our emotional responses.

Tất cả chúng ta đều đang đi trên Con đường Thánh thiện, điều đó không chỉ có nghĩa là chúng ta đang tìm cách trở nên *thuần khiết*, mà chúng ta đang tìm cách trở thành "toàn thể". Con đường đó dẫn đến các chiều kích cao nhất trên hành tinh chúng ta, rồi tới các hành tinh khác, rồi đến Mặt trời của chúng ta, đến các ngôi sao, chòm sao khác và hơn thế nữa. Tuy nhiên, tại một thời điểm — chúng ta chắc chắn vẫn chưa thể nghĩ theo các thuật ngữ "thiên hà" khi chúng ta, với tư cách là nhân loại, mới chỉ vừa đủ kiểm soát phản ứng cảm xúc của mình.

A sense of proportion (also known in the Agni Yoga Teaching as "co-measurement") is indispensable for the safe and sane treading of the Path of Holiness. Without co-measurement, one may indeed tread a path, but where will it lead? Only into glamor and illusion, resulting in a great waste of time, delaying true unfoldment and effective expression in service.

Ý thức về tỷ lệ (hay còn được gọi trong giáo lý Agni Yoga là "sự đo lường đồng thời") là điều không thể thiếu để bước đi an toàn và lành mạnh trên Con đường Thánh thiện. Nếu không có sự đo lường đồng thời, người ta có thể thực sự đi trên *một* con đường, nhưng nó sẽ dẫn đến đâu? Chỉ dẫn đến ảo cảm và ảo tưởng, dẫn đến lãng phí lớn thời gian, trì hoãn sự biểu lộ thực sự và hiệu quả trong phụng sự.

Initiation is of such great importance because, in fact, it signals a *change of kingdom*. The human being is a member of the fourth kingdom of nature. The Kingdom of Souls is the fifth kingdom, and through its portals the rites of initiation admit the properly prepared candidate. When the animal man of Lemuria became human, it was a momentous planetary event.

Việc điếm đạo có tầm quan trọng lớn như vậy vì trên thực tế, nó báo hiệu một *sự thay đổi của giới*. Con người là một thành viên của giới thứ tư của tự nhiên. Giới Linh hồn là giới thứ năm, và các nghi thức điếm đạo sẽ thừa nhận ứng viên được chuẩn bị thích hợp đi qua các cổng của nó. Khi người thú của thời Lemuria trở thành con người, đó là một sự kiện quan trọng của hành tinh.

When millions of men and women of the modern age become *more than strictly human* (by entering the fifth kingdom of nature, through the process of initiation) it will *also* be a momentous planetary event. For that transition we are now preparing, though *not all* human beings are presently prepared to make the change, nor will be for ages to come. 'Graduation' comes for each at the appropriate hour — that hour to be determined by the Solar Angel and the Master Who has the candidate under supervision.

Khi hàng triệu người nam và nữ ở thời hiện đại trở thành *hơn cả con người đích thực* (bằng cách bước vào giới thứ năm của tự nhiên, thông qua quá trình điếm đạo), đó *cũng* sẽ là một sự kiện quan trọng của hành tinh. Chúng ta hiện đang chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi đó, mặc dù hiện tại *không phải tất cả* nhân loại đều chuẩn bị sẵn sàng cho sự thay đổi, cũng không phải cho các thời đại sau này. 'Việc Tốt nghiệp' đến với mỗi người vào lúc thích hợp — thời điểm này sẽ được xác định bởi Đấng Thái dương Thiên thần và Chân sư giám sát ứng viên đó.

Initiated man is "spiritual man". Our present planetary curriculum is *fivefold* — though other, higher divisions loom ahead. The advanced human being is poised to enter the fifth and final phase of his/her *present* potential development. The incentives for entering the fifth kingdom of nature are very great, but they must never be understood selfishly. In fact, no one can truly enter that kingdom who is still selfishly motivated. As many of our motivations are still unconscious, we must search our hearts diligently to make sure that our motives are as selfless and service-oriented as possible. The achievement of selflessness increases the farther we 'travel' upon the Path of Holiness.

Người được điếm đạo là "con người tinh thần". Chương trình phát triển trên hành tinh hiện tại của chúng ta có *5 mức* — mặc dù các cấp bậc cao hơn vẫn còn ở phía trước. Con người tiến hóa đã sẵn sàng bước vào giai đoạn thứ năm và là giai đoạn cuối cùng của sự phát triển tiềm năng *hiện tại* của họ. Những động lực để bước vào giới thứ năm của tự nhiên là rất lớn, nhưng không bao giờ được hiểu chúng một cách ích kỷ. Trên thực tế, không ai có thể thực sự bước vào giới này mà vẫn còn đang bị thúc đẩy bởi sự ích kỷ. Vì nhiều động lực của chúng ta vẫn còn ở mức vô thức, chúng ta phải siêng năng tìm kiếm trong trái tim mình để đảm bảo rằng động cơ của chúng ta là vô kỷ và hướng đến phụng sự nhất có thể. Thành tựu của sự vô kỷ tăng trưởng khiến chúng ta 'đi' xa hơn trên Con đường Thánh thiện.

The following analogy from the process of education is of the utmost importance and should help to clarify the entire process of initiation from an educational perspective:

“Having groped his way through the Hall of Ignorance during many ages, and having gone to school in the Hall of Learning, he is now entering into the university, or the Hall of Wisdom. When he has passed through that school he will graduate with his degree as a Master of Compassion.”

Sự tương đồng sau đây từ quá trình giáo dục là quan trọng hàng đầu và sẽ giúp làm rõ toàn bộ quá trình điểm đạo từ quan điểm giáo dục:

“Đã mò mẫm theo con đường của mình qua Phòng Vô minh trong nhiều thời đại, và đã học trong Phòng Học tập, giờ đây y đang bước vào trường đại học, hay còn gọi là Phòng Minh triết. Khi y đậu vào trường đó, y sẽ tốt nghiệp với bằng Chân sư Từ bi”.

Notice that during his/her passage through the Hall of Ignorance (by far the *longest* human experience), the human being is ‘blind’ or barely sighted and, thus, *gropes*. He/she cannot really think, but can only *sense* and *feel* his/her way. The Hall of Ignorance is the first phase of the Path of Evolution.

By the time the third petal (of twelve petals) of the egoic lotus is functioning sufficiently, the human being can *think* somewhat, and is ready to enter the Hall of Learning. The purpose of experience in this Hall is the acquisition of knowledge. This knowledge is not yet Wisdom (the acquisition of which requires many incarnations of experience). From a certain practical perspective, Wisdom is the right application of knowledge based upon experience. There are obviously other and higher definitions.

Lưu ý rằng trong khi đi qua Phòng Vô minh (cho đến nay là trải nghiệm *dài nhất* của con người), con người bị ‘mù’ hoặc hầu như không nhìn thấy gì và do đó, *mò mẫm*. Anh ấy/cô ấy thực sự không thể suy nghĩ, mà chỉ có thể *cảm thấy* và *cảm nhận* theo cách của mình. Phòng Vô minh là giai đoạn đầu tiên của Con đường Tiến hóa.

Trước thời điểm cánh hoa thứ ba (trong số mười hai cánh) của hoa sen chân ngã hoạt động đầy đủ, con người có thể *suy nghĩ* được phần nào và sẵn sàng bước vào Phòng Học tập. Mục đích của trải nghiệm trong Phòng này là thu nhận kiến thức. Kiến thức này chưa phải là Minh triết (để có được nó đòi hỏi nhiều kinh nghiệm nhập thế). Từ một góc độ thực tế nào đó, Minh triết là sự vận dụng đúng đắn kiến thức dựa trên kinh nghiệm. Rõ ràng là có những định nghĩa khác và cao hơn.

The curriculum of initiation is taught in the Hall of Wisdom (which includes all those processes and experiences which lead an individual through the normal five initiations until Mastership is attained). Whereas the personality is principally an instrument of *knowledge*, the soul is an organ of *wisdom*. Wisdom involves the functioning of the heart chakra (at least), and can never come to full flower unless love is also present.

Chương trình điểm đạo được giảng dạy trong Phòng Minh triết (bao gồm tất cả những quá trình và kinh nghiệm dẫn dắt một cá nhân vượt qua năm cuộc điểm đạo thông thường cho đến khi đạt được quả vị Chân sư). Trong khi phạm ngữ về cơ bản là một công cụ của *kiến thức*, thì linh hồn là một cơ quan của *minh triết*. Minh triết liên quan đến cách thức hoạt động của luân xa tim (ít nhất), và không bao giờ có thể khai mở trọn vẹn trừ khi tình thương cũng hiện diện.

It might be of benefit to us also if we studied first the difference or the connection between **Knowledge, Understanding, and Wisdom**. Though in ordinary parlance they are frequently interchanged, as used technically they are dissimilar.

Tưởng cũng hữu ích nếu trước hết chúng ta nghiên cứu sự khác biệt hay sự liên quan giữa **Kiến Thức, Hiểu biết, và Minh triết**. Dù rằng trong ngôn ngữ thông thường, chúng thường được dùng thay đổi lẫn nhau, nhưng chúng không giống nhau khi dùng theo nghĩa chuyên môn.

Some technical definitions now follow. As we study the processes on the Path of Initiation, we must use the fifth ray of concrete knowledge to define our terms. The fifth ray is a ray indispensable to the achievement of *true* initiation. The first true and real initiation (from the perspective of the Hierarchy) is the *third* initiation (the Initiation of Transfiguration) and is expressive of the fifth ray — wielded by the One Initiator (Sanat Kumara). The earlier two initiations are considered “Initiations of the Threshold”. They are preparatory.

Bây giờ có một số định nghĩa kỹ thuật tiếp theo. Khi chúng ta nghiên cứu các quá trình trên Con đường Điểm đạo, chúng ta phải sử dụng cung năm kiến thức cụ thể để định nghĩa các thuật ngữ của chúng ta. Cung năm là cung không thể thiếu để đạt được điểm đạo *chính thức*. Cuộc điểm đạo chính thức và thực sự đầu tiên (theo quan điểm của Thánh đoàn) là cuộc điểm đạo *thứ ba* (Cuộc Điểm đạo Biến dung) và là biểu hiện của cung năm — sử dụng bởi Đấng điểm đạo (Sanat Kumara). Hai lần điểm đạo trước đó được coi là “Điểm đạo Ngưỡng”. Chúng là các cuộc Điểm đạo dự bị.

Knowledge is the product of the Hall of Learning. It might be termed the sumtotal of human discovery and experience, that which can be recognised by the five senses, and be correlated, diagnosed, and defined by the use of the [Page 11] human intellect. It is that about which we feel mental certitude, or that which we can ascertain by the use of experiment. It is the compendium of the arts and sciences. It concerns all that deals with the building and developing of the form side of things. Therefore it concerns the material side of evolution, matter in the solar systems, in the planet, in the three worlds of human evolution, and in the bodies of men.

Kiến Thức (Knowledge) là sản phẩm của Phòng Học Tập. Có thể định nghĩa từ này là toàn thể những phát minh và kinh nghiệm của con người, những gì có thể được nhận biết bằng năm giác quan, có thể dùng [11] trí năng của con người để liên hệ, giải đoán và định nghĩa. Đó là những điều mà ta cảm thấy chắc chắn trong trí và có thể biết được qua thí nghiệm. Đó là toàn bộ các nghệ thuật và khoa học, bao gồm tất cả những gì liên quan đến việc kiến tạo và phát triển phương diện hình tướng của sự vật. Vì thế kiến thức liên quan đến khía cạnh vật chất của cuộc tiến hóa, vật chất trong thái dương hệ, trong hành tinh này, trong ba cõi tiến hóa của nhân loại, và trong các thể của con người.

A definition of knowledge is here given. It is the concrete mind which is involved in the acquisition of knowledge. A mental vehicle composed of the substances of the lower four subplanes of the mental plane is the instrument used in this acquisition. There is no possibility of true knowledge for a mind that is untrained. It seems to take hundreds of thousands, perhaps, even millions of years to train a mind so that it may use the five senses in such a way as to acquire accurate knowledge.

Một định nghĩa về kiến thức được đưa ra ở đây. Đó là cái trí cụ thể liên quan đến việc tiếp thu kiến thức. Thể trí bao gồm vật chất của 4 cõi phụ thấp của cõi trí là công cụ được sử dụng trong quá trình thu nhận này. Không thể có kiến thức thực sự cho một cái trí chưa được đào tạo. Dường như phải mất hàng trăm nghìn, có lẽ, thậm chí hàng triệu năm rèn luyện một cái trí để nó có thể sử dụng năm giác quan thu nhận kiến thức chính xác.

Modern, intelligent humanity has now reached the point where the acquisition of knowledge is very rapid, and we are experiencing what has been called an "information explosion". This explosion has its dangers unless the wisdom of 'heart-mind' accompany the absorption of knowledge.

Correct knowledge is one of the bases of a stable psyche. If we are unsure of the "facts of life", we can only proceed tentatively, hesitatingly through life experience, and many mistakes (some retarding or even disastrous) will be made. All of us have had such unhappy experiences based on ignorance — many of them long forgotten — mercifully.

Nhân loại thông minh hiện đại, giờ đây đã đạt đến điểm mà việc tiếp thu kiến thức diễn ra rất nhanh chóng, và chúng ta đang trải qua điều được gọi là "bùng nổ thông tin". Sự bùng nổ này có những nguy hiểm trừ khi minh triết của 'trái tim-trí tuệ' đồng hành với sự hấp thụ kiến thức.

Kiến thức chính xác là một trong những cơ sở của một tâm lý ổn định. Nếu chúng ta không chắc chắn về "những sự thật của đời sống", chúng ta chỉ có thể tiến hành một cách tạm thời, do dự thông qua kinh nghiệm sống, và nhiều sai lầm (gây chậm trễ hoặc thậm chí tai hại) sẽ xảy ra. Tất cả chúng ta đều đã có những trải nghiệm

không vui như vậy do vô minh — nhiều trong số những trải nghiệm đó đã bị lãng quên từ lâu — thật may mắn.

The pursuit of knowledge, then, is the pursuit of mental certainty which will allow the human being to cease being a victim of life processes and enter more confidently upon the road to Mastery. The concept of the *truth* enters when we consider the nature and acquisition of knowledge.

When the human being is focussed in the emotional body, truth matters little and desires (and their fulfillment) matter much. But desires (unguided by the “truth of things”) lead only to misery and delay. Eventually the human being seeks to know the nature of the larger context in which he/she is, perforce, immersed. The real is to be separated from the unreal, so that the long period of deluded living may end. The acquisition of *correct, accurate* knowledge is a major *spiritual* developmental step.

Vì vậy, việc theo đuổi kiến thức là theo đuổi sự chắc chắn về trí tuệ sẽ cho phép con người không còn là nạn nhân của các quá trình sống và tự tin hơn trên con đường tới Chân sư. Khái niệm *chân lý* đi vào khi chúng ta xem xét bản chất và việc tiếp thu kiến thức.

Khi con người tập trung vào thể cảm xúc, chân lý thì ít quan trọng còn ham muốn (và sự hoàn thành chúng) quan trọng hơn nhiều. Nhưng ham muốn (không được hướng dẫn bởi “chân lý của sự vật”) chỉ dẫn đến khốn khổ và trì hoãn. Cuối cùng, con người tìm cách biết bản chất của bối cảnh rộng lớn hơn mà họ đang đắm chìm trong đó. Cái thực là phải tách khỏi cái không thực, để thời gian dài sống trong lừa dối có thể chấm dứt. Việc tiếp thu kiến thức *đúng đắn, chính xác* là một bước phát triển *tinh thần* chính.

Some participants in spiritual approaches minimize the value of knowledge and the mind. While it is true that the mind can be the “slayer of the real”, it can become and must become the “revealer of the real”. There can be no initiation for those with insufficient factual knowledge. However, there can be no initiation for those whose knowledge has not been sufficiently transmuted into wisdom.

Một số người tham gia các phương pháp tiếp cận tâm linh đánh giá thấp giá trị của kiến thức và trí tuệ. Mặc dù đúng là cái trí có thể là “kẻ giết chết sự thực”, nó có thể trở thành và phải trở thành “kẻ tiết lộ sự thực”. Không thể có điểm đạo cho những người không có đủ kiến thức thực tế. Tuy nhiên, cũng không thể có điểm đạo cho những người mà kiến thức của họ chưa được chuyển hóa đầy đủ thành minh triết.

The organ of knowledge is the lower mental vehicle, which is associated principally with the throat center (ruled by the planetary potencies of Saturn and the Earth). The fifth ray of science and concrete knowledge is particularly needed for the acquisition and application of practical knowledge. The seventh ray (working in close

cooperation with the fifth and closely related to the third) is also involved in practical and well-timed application.

If knowledge is related principally to *form*, and thus to the personality, wisdom is related to formlessness and to the soul (and higher dimensions including spirit). Many lives may pass in the pursuit of knowledge. During this time of strictly mental acquisition, emotional values and soul values may be de-emphasized and the inquiring individual may seem one-sided or unbalanced. But the balance of any internal psyche cannot be determined from the evidence of one life alone.

Cơ quan của kiến thức là thể hạ trí, được liên kết chủ yếu với luân xa cổ họng (được cai quản bởi các hành tinh Sao Thổ và Trái đất). Cung năm của khoa học và kiến thức cụ thể là đặc biệt cần thiết cho việc tiếp thu và áp dụng kiến thức thực tế. Cung bảy (hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với cung năm và liên quan chặt chẽ với cung ba) cũng tham gia vào ứng dụng thực tế và đúng lúc.

Nếu kiến thức chủ yếu liên quan đến *hình tượng*, và do đó liên quan đến phạm ngã, thì minh triết liên quan đến vô hình tượng và linh hồn (và các chiều kích cao hơn bao gồm cả tinh thần). Nhiều kiếp sống có thể trôi qua trong quá trình theo đuổi kiến thức. Trong thời gian tiếp thu nghiêm ngặt về mặt trí tuệ này, các giá trị cảm xúc và giá trị linh hồn có thể không được chú trọng và cá nhân đang tìm hiểu có vẻ như phiến diện hoặc không cân bằng. Nhưng sự cân bằng của bất kỳ linh hồn bên trong nào không thể được xác định từ bằng chứng của một kiếp sống.

A greater picture must be seen, and really, only the soul consciousness and the consciousness of the Master see it. Sometimes a life of tremendous, apparently unbalanced focus upon a specific pursuit may be just what is needed to restore a greater balance to the whole. It is best not to judge concerning matters of balance and imbalance unless we can see with the “eyes of the soul”.

Eventually, however, and under the influence of the planet Venus, knowledge is transmuted into wisdom, and there supervenes the development of what we might call ‘loving mind’. This is a mental process imbued with a sense of ‘appreciative warmth’. It is a mental process which has come under the influence of the over-lighting soul.

Một bức tranh lớn hơn phải được nhìn thấy, và thực sự là, chỉ có tâm thức linh hồn và tâm thức của Chân sư mới nhìn thấy nó. Đôi khi một kiếp sống với sự tập trung to lớn, dường như không cân bằng, vào một mục tiêu cụ thể có thể chỉ là những gì cần thiết để khôi phục sự cân bằng hơn cho toàn bộ. Tốt nhất là không nên phán xét những vấn đề về cân bằng và mất cân bằng, trừ khi chúng ta có thể nhìn bằng “con mắt của linh hồn”.

Tuy nhiên, cuối cùng, và dưới ảnh hưởng của Kim tinh, kiến thức được chuyển hóa thành minh triết và ở đó nâng cao sự phát triển của cái mà chúng ta có thể gọi là ‘trí tuệ bác ái’. Đây là một quá trình trí tuệ thấm đẫm một cảm giác ‘ám áp biết ơn’. Đó là một quá trình trí tuệ chịu ảnh hưởng của linh hồn soi sáng.

Wisdom is the product of the Hall of Wisdom. It has to do with the development of the life within the form, with the progress of the spirit through those ever-changing vehicles, and with the expansions of consciousness that succeed each other from life to life. It deals with the life side of evolution. Since it deals with the essence of things and not with the things themselves, it is the intuitive apprehension of truth apart from the reasoning faculty, and the innate perception that can distinguish between the false and the true, between the real and the unreal.

Minh triết (Wisdom) là sản phẩm của Phòng Minh triết. Nó liên quan đến sự phát triển của sự sống bên trong hình thể, đến sự tiến bộ của tinh thần thông qua các vận cụ vô thường, và đến những sự mở rộng tâm thức nối tiếp nhau từ kiếp này sang kiếp khác. Nó liên quan đến khía cạnh sự sống của sự tiến hóa. Vì nó liên quan đến bản thể của sự vật chứ không phải với chính sự vật, nên nó là sự thấu hiểu chân lý bằng trực giác, độc lập với khả năng lý luận, và là nhận thức bẩm sinh có thể phân biệt đúng với sai, chân với giả.

A beautiful description of wisdom is here given, distinguishing it from knowledge. Knowledge is acquired in the Hall of Learning; wisdom in the Hall of Wisdom. If knowledge is related principally to form, then wisdom is related more to the life aspect. Wisdom deals with the “real man” — the true being behind the ever-changing forms. Wisdom is as much related to spirit (monad) as to soul.

Ở đây đưa ra một mô tả đẹp đẽ về minh triết, phân biệt nó với kiến thức. Kiến thức được tiếp thu trong Phòng Học tập; minh triết trong Phòng Minh triết. Nếu kiến thức chủ yếu liên quan đến hình tướng, thì minh triết liên quan nhiều hơn đến khía cạnh sự sống. Minh triết đối phó với “con người thực” — con người thực sự đằng sau những hình tướng luôn thay đổi. Minh triết liên quan nhiều đến chân thần (monad) cũng như linh hồn.

Consciousness is continually expanding from life to life. Knowledge will also grow from life to life, but the *growth of knowledge* is not the same as the *expansion of consciousness* (which is, in a way, a growth of *sensitivity* and the ability to register that which previously escaped registration).

True wisdom is pursued by the philosopher — one who *loves wisdom* (philo-sophia). The philosopher considers things “in general” — not so much “in themselves” and “in particular”. The wise perspective sees the patterning-life ‘behind’ and ‘within’ the form. Wisdom deals with “essence” and is focussed beyond the mind (mind as normally understood). Wisdom is also defined as “buddhi”, which is equivalent to the faculty of *intuition* — apprehension through “straight knowledge” without the necessity of utilizing the laborious faculty of reasoning.

Tâm thức được mở rộng liên tục từ kiếp này sang kiếp khác. Kiến thức cũng sẽ phát triển từ đời này sang đời khác, nhưng *sự phát triển của kiến thức* không giống như *sự mở rộng của tâm thức* (theo một cách nào đó, là sự tăng trưởng về *tính nhạy bén* và khả năng ghi nhận cái mà trước đây đã bỏ qua không ghi nhận).

Minh triết thực sự được theo đuổi bởi triết gia — một người *yêu thích* minh triết (philosophia). Triết gia coi mọi thứ là “nói chung” — không quá nhiều về “bản thân chúng” và “nói riêng về chúng”. Quan điểm minh triết nhìn thấy khuôn mẫu-cuộc sống ‘đằng sau’ và ‘bên trong’ hình tướng. Minh triết làm việc với “bản chất” và được tập trung vượt lên trên cái trí (tâm trí theo cách hiểu thông thường). Minh triết cũng được định nghĩa là “bồ đề”, tương đương với khả năng *trực giác* — hiểu biết thông qua “kiến thức trực tiếp” mà không cần sử dụng đến khả năng suy luận một cách cần mẫn.

Reasoning is useful in the acquisition of knowledge and can prepare the way for the intuition, but is transcended in the truly intuitive response. However, the intuition (the ‘organ’ of wisdom) has also been called “pure reason” — which does not involve the process of logical reasoning. “Pure reason” and conventional “reasoning” are fundamentally different — and this should be noted.

Suy luận rất hữu ích trong việc tiếp thu kiến thức và có thể chuẩn bị con đường cho trực giác, nhưng lại bị vượt lên trên nhờ phản ứng thực sự của trực giác. Tuy nhiên, trực giác (‘cơ quan’ của minh triết) còn được gọi là “lý trí thuần khiết” — vốn không liên quan đến quá trình suy luận logic. “Lý trí thuần khiết” và “suy luận” thông thường về cơ bản là khác nhau — và điều này cần được lưu ý.

Wisdom is innate within the human being, and is a quality of the spiritual triad, and, of course, the monad. The human monad is possessed of a spiritual triad long before individualization has occurred — thus long before the human monad has become a human being (i.e., a self-conscious member of the fourth kingdom of nature) that human monad is immersed in wisdom — though it is a wisdom of the higher spheres which cannot be immediately applied to the lower worlds without the development of the individualized soul.

Minh triết là bẩm sinh bên trong con người, và là một tính chất của tam nguyên tinh thần, và tất nhiên, là của chân thần. Chân thần con người bị chiếm hữu bởi tam nguyên tinh thần từ rất lâu trước khi sự biệt ngã hóa xảy ra — do đó rất lâu trước khi chân thần con người trở thành một con người (tức là một thành viên tự ý thức của giới thứ tư của tự nhiên), chân thần con người đó được đắm chìm trong minh triết — mặc dù đó là minh triết của những cõi giới cao hơn không thể áp dụng ngay lập tức cho những cõi giới thấp hơn nếu không có sự phát triển của linh hồn biệt ngã hóa.

It should not be hoped that we can fully develop the intuition (and with it, wisdom) before we have developed the knowledge-acquiring and knowledge-ascertaining faculties of the mind. Knowledge is a necessary step on the path to wisdom. Those

who attempt to skip this step are laying up trouble for themselves in the future, for they will not be able successfully to interpret and communicate that which the intuition apprehends, and thus there will be a gap between “straight knowledge” (direct, intuitive apprehension of truth) and its presentation to and communication in the world.

Không nên hy vọng rằng chúng ta có thể phát triển đầy đủ trực giác (và cùng với nó, minh triết) trước khi chúng ta phát triển khả năng thu nhận kiến thức và xác định kiến thức của thể trí. Kiến thức là một bước cần thiết trên con đường dẫn đến minh triết. Những người cố gắng bỏ qua bước này sẽ gây ra rắc rối cho chính họ trong tương lai, vì họ sẽ không thể giải thích và truyền đạt thành công những gì trực giác nắm bắt được, và do đó sẽ có một khoảng cách giữa “kiến thức trực tiếp” (lĩnh hội trực giác, trực tiếp về chân lí) và sự trình bày và giao tiếp của nó với thế giới.

The question arises: “how can one tell the false from the true”? On the Path of Knowledge, one can gather evidence and seek to establish proofs of the rectitude of one’s conclusions. When the evidence is sufficiently replicable and conclusive, one may say that one *knows*. But, perhaps, one does not know with certainty. Perhaps, one simply *decides* that the knowledge acquired is sufficiently true and accurate to suspend doubt, and then proceeds on the assumption that such knowledge is true.

Câu hỏi đặt ra: “Làm thế nào người ta có thể phân biệt điều sai với sự thật”? Trên Con đường Kiến thức, người ta có thể thu thập bằng chứng và tìm cách thiết lập bằng chứng về độ chính xác của kết luận của một người. Khi bằng chứng đủ khả năng tái tạo và kết luận, người ta có thể *nói* rằng người ta *biết*. Nhưng, có lẽ, người ta không biết chắc chắn. Có lẽ, người ta chỉ đơn giản *quyết định* rằng kiến thức thu được là đủ đúng và chính xác để loại bỏ nghi ngờ, và sau đó tiếp tục với giả định rằng kiến thức đó là đúng.

True intuition or “straight knowledge” is akin to certainty. When this faculty is functioning, there arises an inner conviction or certainty which is *not dependent upon external evidence*. Such evidence is only confirmatory. The certainty comes from a direct and unmediated registration of the “truth of things”. Einstein was possessed of such intuition. He *knew* the truth of his Theory of Relativity, and no dissenting report from the world of fifth ray experimental science would be able to dim his certainty. Fortunately, experimental science only confirmed (on the basis of experimentally derived evidence), that of which Einstein was entirely certain.

Trực giác thực thụ hay “kiến thức trực tiếp” gần giống với sự chắc chắn. Khi năng lực này hoạt động, nảy sinh một niềm tin hoặc sự chắc chắn bên trong mà không phụ thuộc vào bằng chứng bên ngoài. Bằng chứng như vậy chỉ là xác nhận. Sự chắc chắn đến từ việc ghi nhận trực tiếp và không qua trung gian về “sự thật của sự vật”. Einstein sở hữu trực giác như vậy. Ông biết sự thật về Thuyết tương đối của mình, và không có báo cáo bất đồng nào từ thế giới khoa học thực nghiệm cùng năm có thể làm mờ đi sự chắc chắn của ông. May mắn thay, khoa học thực nghiệm

chỉ xác nhận (trên cơ sở bằng chứng thu được từ thực nghiệm), điều mà Einstein hoàn toàn chắc chắn.

Probably it is impossible to speak meaningfully of intuitive conviction with another unless those discussing the matter have *both* experienced it. It is, however, sufficient to 'know' ('evidently') that it exists (as many have testified to it), and to deepen our knowledge until it becomes something greater, wiser and more intuitive. There is a point at which the mind will become silent and intuition will take over — revealing a hidden wisdom.

Có lẽ không thể nói một cách đầy đủ ý nghĩa về sự xác tín trực giác với người khác trừ khi những người thảo luận về vấn đề này *đều* đã trải qua điều đó. Tuy nhiên, điều đó là đủ để 'biết' ('hiển nhiên') rằng nó tồn tại (như nhiều người đã làm chứng cho điều đó), và đào sâu kiến thức của chúng ta cho đến khi nó trở thành một cái gì đó vĩ đại hơn, sáng suốt hơn và trực giác hơn. Có một thời điểm mà thể trí sẽ trở nên yên lặng và trực giác sẽ tiếp quản—tiết lộ một minh triết tiềm ẩn.

It is more than that, for it is also the growing capacity of the Thinker to enter increasingly into the mind of the Logos, to realise the true inwardness of the great pageant of the universe, to vision the objective, and to harmonise more and more with the higher measure. For our present purpose (which is to study somewhat the Path of Holiness and its various stages) it may be described as the realisation of the "Kingdom of God within," and the apprehension of the "Kingdom of God without" in the solar system. Perhaps it might be expressed as the gradual blending of the paths of the mystic and the occultist, — the rearing of the temple of wisdom upon the foundation of knowledge.

Minh triết còn hơn thế, bởi vì đó cũng là khả năng của Chủ Thể Tư Tưởng có thể ngày càng thâm nhập vào thể trí của Thượng Đế, nhận thức ý nghĩa sâu sắc đích thực của hoạt cảnh vĩ đại của vũ trụ, hình dung được mục tiêu, và ngày càng hài hòa với mức độ cao hơn. Đối với mục đích hiện nay của chúng ta (là nghiên cứu phần nào về Thánh đạo và các giai đoạn khác nhau trong đó), có thể mô tả minh triết là sự nhận thức về "Thiên Giới ở nội tâm" ("Kingdom of God within") và sự hiểu biết về "Thiên Giới ở ngoại cảnh" ("Kingdom of God without") trong thái dương hệ. Cũng có thể nói đó là sự dần dần hòa hợp các đường lối của nhà thần bí và nhà huyền bí—là việc xây dựng ngôi đền minh triết trên nền tảng kiến thức.

Wisdom, however, is said to be more than just the intuition, and some beautiful words are here offered to describe this "more". Through wisdom we can enter into the Thought of God (as that thought is generated upon the atmic plane — the plane on which the Divine Plan is conceived). In the description above, the Tibetan is relating the faculty of atma to wisdom, just as previously He related the intuitive faculty — buddhi.

Tuy nhiên, minh triết được cho là nhiều hơn là chỉ riêng trực giác, và một số từ đẹp để được đưa ra ở đây để mô tả cái "nhiều hơn" này. Nhờ minh triết, chúng ta có thể

đi vào Tư tưởng của Thượng đế (vì tư tưởng đó được tạo ra trên cõi atma — cõi mà Thiên cơ được hình thành). Trong phần mô tả ở trên, CS Tây Tạng liên hệ năng lực của atma với minh triết, giống như trước đây Ngài liên hệ năng lực trực giác — bồ đề.

It is clear that wisdom, fully developed, will reveal not only the Divine Plan but something of the Divine Purpose. In the Hall of Wisdom, classes are taught in many grades. The later and higher classes offer perspectives which are vast and deep.

Note that the wise one is called the “Thinker”. When one functions as a soul, one is a “Thinker”. The true definition of man is “Manas” — to be understood as thought, the Thinker and the Mind. We realize that the intuition (pursuing wisdom) is a more *inwardly oriented faculty* than is the mind (pursuing knowledge). Whereas the senses (and also superphysical senses) can reveal knowledge to the mind, the acquisition of wisdom is not dependent upon such senses.

Rõ ràng là minh triết, được phát triển đầy đủ, sẽ không chỉ tiết lộ Thiên cơ mà còn tiết lộ một cái gì đó của Thiên Ý. Trong Phòng Minh triết, các lớp học được giảng dạy ở nhiều cấp độ. Các cấp độ sau và cao hơn cung cấp những quan điểm rộng lớn và sâu sắc.

Lưu ý rằng người uyên bác được gọi là “Người suy tưởng”. Khi một người hoạt động như một linh hồn, người đó là một “Người suy tưởng”. Định nghĩa thực sự của con người là “Trí tuệ” (Manas) — được hiểu là tư tưởng, Người suy tưởng và Trí tuệ. Chúng ta nhận ra rằng trực giác (theo đuổi minh triết) là một *năng lực hướng nội* hơn là cái trí (theo đuổi kiến thức). Trong khi các giác quan (và cả các giác quan siêu vật lý) có thể tiết lộ kiến thức cho cái trí, việc thu nhận minh triết không phụ thuộc vào các giác quan đó.

Thus, the faculty which leads to the acquisition of wisdom is more *subtle* than the faculty leading to the acquisition of knowledge. On the Path of Initiation, the consciousness is gradually refined; the “esoteric sense” develops, and the true inner, causative patterns are revealed to consciousness. These revelations will occur in the Hall of Wisdom, the commencement of which is the first initiation.

Do đó, năng lực dẫn đến việc thu nhận minh triết thì *vi tế* hơn là năng lực dẫn đến việc tiếp thu kiến thức. Trên Con đường Điểm đạo, tâm thức dần dần được tinh luyện; “giác quan huyền bí” phát triển, và các hình mẫu nguyên nhân bên trong thực sự được tiết lộ cho tâm thức. Những sự mặc khải này sẽ xảy ra trong Phòng Minh triết, mà bắt đầu của nó là cuộc điểm đạo đầu tiên.

Wisdom is the science of the spirit, just as knowledge is the science of matter. Knowledge is separative and objective, whilst wisdom is synthetic and subjective. Knowledge divides; wisdom unites. Knowledge differentiates [Page 12] whilst wisdom blends. What, then, is meant by the understanding?

Minh triết là khoa học về tinh thần, giống như kiến thức là khoa học về vật chất. Kiến thức thì có tính phân cách và khách quan, trong khi minh triết thì có tính tổng hợp và chủ quan. Kiến thức thì chia ra, còn minh triết thì thống nhất. Kiến thức thì phân hóa [12] trong khi minh triết thì hợp nhất. Vậy thì từ *hiểu biết* (understanding) có ý nghĩa gì?

Here the dichotomies becomes distinct, indeed. These distinctions (though simplifications) are good to remember. Clearly, the Tibetan is seeking to help us leave behind the pursuit of knowledge as an end in itself. If the acquisition of knowledge serves the growth and expression of wisdom, then all is well and good. Otherwise, the continual acquisition of unassimilated and unapplied knowledge is a menace to spiritual development.

Ở đây, sự phân đôi trở nên khác biệt thực vậy. Những sự phân biệt này (mặc dù là những phân biệt đơn giản) rất tốt để ghi nhớ. Rõ ràng, Chân Sư Tây Tạng đang tìm cách giúp chúng ta bỏ lại phía sau việc theo đuổi kiến thức như một mục đích cuối cùng. Nếu việc thu nhận kiến thức phục vụ cho sự phát triển và thể hiện minh triết, thì tất cả đều tốt đẹp. Bằng không, việc tiếp thu liên tục những kiến thức chưa được tổng hợp và chưa được áp dụng là một mối đe dọa đối với sự phát triển tinh thần

Note that the Tibetan speaks of wisdom as a “science”, not an art. Wisdom, in its own way, is as exacting as knowledge — indeed, more exacting. In the matter of art some subjective imprecision is to be found. There is fundamentally *one truth* — though the perspective must be correct if it is to be apprehended. Some say that truth is relative; one could say that *relative truths are relative*. *The Truth* is that which is apprehended by the One Eye which sees *all* from the ultimate perspective.

Lưu ý rằng Chân Sư Tây Tạng nói về minh triết như một "khoa học", không phải là một nghệ thuật. Minh triết, theo cách riêng của nó, cũng đòi hỏi khắt khe như kiến thức — đương nhiên còn khắt khe hơn. Trong vấn đề nghệ thuật, có thể tìm thấy một số mơ hồ chủ quan. Về cơ bản, chỉ có *một Chân lí* — mặc dù quan điểm phải đúng nếu nó được hiểu rõ. Một số người nói rằng Chân lí là tương đối; người ta có thể nói rằng *chân lí tương đối là tương đối*. *Chân lí* là cái được nắm bắt bởi Con Mắt Duy Nhất *nhìn tất cả* từ quan điểm tối thượng. .

If the throat center/chakra and (to a certain extent) the ajna centers are centers of *knowledge*, then the heart and the heart-in-the-head chakras are chakras pertaining to the growth of wisdom within consciousness. For real wisdom to be apprehended and expressed, all these chakras must be harmoniously blended. Not only must Venus be active in the life, but Jupiter as well (relating to the intuition and the expansion of consciousness). Neptune, also, relating to the intuition of the buddhic plane is needed.

Interestingly these three planets — Venus, Jupiter and Neptune — are all involved at the second initiation, at which time, through the development of the “rainbow

bridge” or “antahkarana”, the intuition can begin to mean something real to the aspiring individual.

Nếu trung tâm/luân xa cổ họng và (ở một mức độ nhất định) luân xa ajna là trung tâm của *kiến thức*, thì các luân xa tim và luân xa-tim-trong-đầu là những luân xa liên quan đến sự phát triển của minh triết trong tâm thức. Để minh triết thực sự được thông hiểu và biểu lộ, tất cả các luân xa này phải được kết hợp hài hòa. Không chỉ Kim tinh phải tích cực trong đời sống mà cả Mộc tinh cũng thế (liên quan đến trực giác và sự mở rộng của tâm thức). Ngoài ra, Hải Vương tinh, liên quan đến trực giác của cõi bồ đề cũng cần như vậy.

Điều thú vị là ba hành tinh này — Kim tinh, Mộc tinh và Hải Vương tinh — đều tham gia vào lần điểm đạo thứ hai, tại thời điểm đó, thông qua sự phát triển của “cầu vòng” hay “antahkarana”, trực giác có thể bắt đầu có ý nghĩa là điều gì đó có thật đối với cá nhân tràn đầy khát vọng.

The **understanding** may be defined as the faculty of the Thinker in Time to appropriate knowledge as the foundation for wisdom, that which enables him to adapt the things of form to the life of the spirit, and to take the flashes of inspiration that come to him from the Hall of Wisdom and link them to the facts of the Hall of Learning. Perhaps the whole idea might be expressed in this way:

Có thể định nghĩa **thông hiểu** là năng lực của Chủ Thể Tư Tưởng trong Thời Gian để hoạch đắc kiến thức làm nền tảng cho minh triết, giúp y có thể làm cho các sự vật sắc tướng thích ứng với sự sống tinh thần, có thể đón nhận các chớp lóe của sự cảm hứng đến với y từ Phòng Minh triết, và liên kết chúng với các sự kiện của Phòng Học Tập. Toàn bộ ý niệm này có thể được diễn đạt như sau:

An important definition of “understanding” is given. It is, from the Tibetan’s perspective, a *linking* faculty. Note that wisdom does not relate to time but, rather, to eternal verities. Understanding takes into consideration the time equation, which it must do if wisdom is to be properly, and ‘understandingly’ applied.

Một định nghĩa quan trọng về “thông hiểu” được đưa ra. Theo quan điểm của CS Tây Tạng, nó là một năng lực *liên kết*. Lưu ý rằng minh triết không liên quan đến thời gian mà đúng hơn, liên quan đến những chân lí vĩnh cửu. Sự thông hiểu xem xét phương trình thời gian, điều mà nó phải dùng nếu muốn minh triết được áp dụng một cách ‘thông hiểu’ và đúng cách. .

Understanding is an *adaptive* faculty, relating spirit to matter and matter to spirit. Notice that knowledge is the “foundation for wisdom”, but without understanding, is unrelated to that which the intuition reveals from the world of wisdom. Note that, with respect to wisdom, it often comes in “flashes of inspiration”. These “flashes” signal

that the 'rapid' planets Mercury and Uranus are both involved in the transmission of wisdom to the normal consciousness.

Thông hiểu là một năng lực *thích ứng*, liên hệ tinh thần với vật chất và vật chất với tinh thần. Lưu ý rằng kiến thức là “nền tảng cho minh triết”, nhưng nếu không có sự thông hiểu, thì không liên quan đến cái mà trực giác tiết lộ từ thế giới của minh triết. Lưu ý rằng, với minh triết, nó thường đến trong “những tia chớp cảm hứng”. Những “tia chớp” này báo hiệu rằng các hành tinh “nhanh” Thủy tinh và Thiên Vương tinh đều tham gia vào việc truyền minh triết tới tâm thức thông thường.

Understanding then, is neither fully a product of the Hall of Learning or of the Hall of Wisdom. Being a bridge between the two, it is perhaps related to the second ray of Love-Wisdom — a *bridging* ray. Wisdom, then, would be related to the first ray and knowledge, generically, to the third (considering, in this case, the fifth ray of knowledge as a subrays of the third).

Khi đó, sự thông hiểu không phải là sản phẩm hoàn toàn của Phòng Học tập hay Phòng Minh triết. Là một cầu nối giữa hai bên, có lẽ nó liên quan đến cung hai của Bác ái-Minh triết — cung *cầu nối*. Khi đó, minh triết sẽ liên quan đến cung một và kiến thức, nói chung, với cung ba (xét trong trường hợp này, cung năm tri thức như một cung phụ của cung ba).

Wisdom concerns the one Self, knowledge deals with the not-self, whilst the understanding is the point of view of the Ego, or Thinker, or his relation between them.

Minh triết liên quan đến Đại Ngã duy nhất, còn kiến thức thì liên quan đến phi ngã, trong khi sự thông hiểu là quan điểm của Chân Ngã hay Chủ Thể Tư Tưởng, hay là mối quan hệ giữa chúng.

Here we find an excellent epitome. We want to have some useful definitions which will bring clarity and stability to the mental process. The “Self” is none other than the spirit, the monad. The soul is not the Self, except temporarily and in a relative sense. Matter is the “not-Self” (though from a radical perspective) there is no “not-Self”. Understanding, then, is of the soul and relates to the “Ego” or the “Thinker”.

Ở đây chúng ta tìm thấy một sự tóm tắt tuyệt vời. Chúng ta muốn có một số định nghĩa hữu ích mang lại sự rõ ràng và ổn định cho quá trình trí tuệ. The “Self” “Bản Thể” không gì khác chính là tinh thần, chân thần. Linh hồn không phải là Bản Thể, ngoại trừ tạm thời và theo nghĩa tương đối. Vật chất là cái “phi-Ngã” (mặc dù theo quan điểm cấp tiến không có cái “phi Ngã”). Vì vậy, sự thông hiểu là của linh hồn và liên quan đến “Chân ngã” hoặc “Chủ thể tư tưởng”.

Of course, it is said that the soul has wisdom and knowledge, but it may be most revealing to think of the soul as characterized by what has been called “loving-

understanding” — a distinct quality of the second ray. All souls are archetypally upon the second ray regardless of the ray of the soul (which may be any one of the seven).

Tất nhiên, người ta nói rằng linh hồn có minh triết và kiến thức, nhưng có thể diễn tả rõ ràng nhất khi nghĩ về linh hồn như được đặc trưng bởi cái được gọi là “thông hiểu yêu thương” — một phẩm chất riêng biệt của cung hai. Về mặt nguyên mẫu, tất cả các linh hồn đều thuộc cung hai bất kể cung linh hồn có thể là cung gì (có thể là bất kỳ một trong bảy cung).

Let us examine our lives. What do we *know* or think we *know*? Why do we think we know it? What does *wisdom* reveal? When and in what respects are we functioning in relation to the Energy of Wisdom? What, then, do we know about the soul and spirit? What do we intuit about the eternal verities of life? Finally, what do we *understand*? In what manner do we exercise the (ND: Faculty) of loving-understanding, and how could we do so more successfully?

Chúng ta hãy kiểm tra cuộc sống của mình. Điều gì chúng ta *biết* hoặc nghĩ rằng chúng ta *biết*? Tại sao chúng ta nghĩ rằng chúng ta biết điều đó? *Minh triết* tiết lộ điều gì? Chúng ta đang hoạt động khi nào và theo những khía cạnh nào liên quan đến Năng lượng của Minh triết? Vậy thì, chúng ta biết gì về linh hồn và tinh thần? Chúng ta trực nhận gì về những chân lí vĩnh cửu của cuộc sống? Cuối cùng, chúng ta *thấu hiểu* gì? Chúng ta rèn luyện khả năng thông hiểu - yêu thương theo cách nào, và làm thế nào chúng ta có thể làm như vậy thành công hơn?

To *understand* requires a just appreciation of the form as presently conditioned. Wisdom is more absolute and reveals the perspective of God, regardless of form. Understanding takes into consideration both the perspectives of God and man. Wisdom is that which is ultimately (and even ‘absolutely’) desirable; understanding reveals the best and most form-respecting path to that ultimately desirable state.

Để *thông hiểu* yêu cầu phải đánh giá đúng về hình tướng như bị quy định hiện giờ. Minh triết là tuyệt đối hơn và tiết lộ quan điểm của Thượng đế, bất kể hình tướng. Sự thông hiểu xem xét cả quan điểm của Thượng đế và con người. Minh triết là điều cuối cùng (và thậm chí là ‘toàn bộ’) đáng mơ ước; sự thông hiểu tiết lộ con đường tốt nhất và tôn trọng hình tướng nhất dẫn đến trạng thái đáng mơ ước cuối cùng.

At length, wisdom must be applied with full understanding to situations in relation to which full knowledge exists. How successfully do we blend the three? As we (aspirants on the Way of Life) prepare ourselves to tread the Path of Discipleship that leads to the Path of Initiation, let us find occasions to blend the three, thus blending the worlds of spirit, soul and body.

Về lâu dài, minh triết phải được áp dụng với sự thông hiểu đầy đủ về các tình huống liên quan đến việc có đầy đủ kiến thức. Làm thế nào để chúng ta kết hợp thành công cả ba điều này? Khi chúng ta (những người chí nguyện trên Con đường Sự

sống) chuẩn bị cho bản thân để bước trên Con đường Đệ tử dẫn đến Con đường Điểm đạo, chúng ta hãy tìm cơ hội để kết hợp cả ba, do đó hòa trộn thế giới của tinh thần, linh hồn và thể xác.

In the Hall of Ignorance the form controls, and the material side of things has the predominance. Man is there polarised in the personality or lower self. In the Hall of Learning the higher self, or Ego, strives to dominate that form until gradually a point of equilibrium is reached where the man is controlled entirely by neither. Later the Ego controls more and more, until in the Hall of Wisdom it dominates in the three lower worlds, and in increasing degree the inherent divinity assumes the mastery.

Trong Phòng Vô Minh, thì hình hài kiểm soát, và phương diện vật chất của các sự vật có ưu thế. Ở đó con người được an trụ trong phạm ngã hay bản ngã thấp. Trong Phòng Học Tập, Chân Nhân hay Chân Ngã phấn đấu để thống trị hình tướng cho đến khi dần dần đạt được một mức thăng bằng, khi đó con người hoàn toàn không còn bị bên nào kiểm soát. Về sau, Chân Nhân ngày càng chế ngự, cho đến khi, trong Phòng Minh triết, nó thống trị trong ba cõi thấp, và trong mức độ ngày càng tăng, thiên tính vốn có nắm lấy quyền làm chủ.

Yet another important perspective is offered anent the controlling agencies within the three Halls. Beginning ignorantly in Aries, the form of the newly individualized man is in control. Much later, in Libra, a point of balance between spirit and matter (or rather, between soul and personality) is reached and neither of the pairs of opposites controls. On the Path of Wisdom, soul, the higher self, or the true Ego finally gains increasing control, and dominates the form and the matter composing the form.

Tuy nhiên, một quan điểm quan trọng khác được đưa ra liên quan đến các trung gian kiểm soát trong ba Phòng. Bắt đầu một cách vô minh ở Bạch Dương, hình tướng của con người mới biệt ngã hóa dần được kiểm soát. Mãi về sau, ở Thiên Bình, người ta mới đạt được điểm cân bằng giữa tinh thần và vật chất (hay nói đúng hơn là giữa linh hồn và phạm ngã) và không có cặp đối cực nào kiểm soát. Trên Con đường Minh triết, linh hồn, cái ngã cao hơn, hay Chân ngã thực sự cuối cùng cũng có được quyền kiểm soát ngày càng tăng, và thống trị hình tướng cũng như vật chất vốn tạo nên hình tướng.

Where do we stand? Surely we are not fully wise or we would be Masters of the Wisdom, having no need for such studies as these with which we are now engaged. Nor are we entirely dominated by the form, or we would not aspire to know more about the Mysteries. Somewhere *between* we stand — somewhere in the struggle between soul and form.

Chúng ta đứng ở đâu? Chắc chắn là chúng ta không hoàn toàn minh triết, nếu không thì chúng ta đã là những Chân sư Minh triết, không cần đến những nghiên cứu mà chúng ta đang tham gia như thế này. Chúng ta cũng không hoàn toàn bị chi phối bởi hình tướng, nếu không chúng ta sẽ không khao khát biết thêm về những Huyền Nhiệm. Chúng ta đang đứng đâu đó ở giữa — đâu đó trong cuộc đấu tranh giữa linh hồn và hình tướng.

May our studies of the Path of Initiation tip the scales toward soul control, soul dominance and eventual mastery by the spirit. The Mysteries of Initiation were meant to facilitate this process of the gradual mastery of the personality by the soul, and the gradual mastery of the soul by the spirit. We as personalities (now committed to learn and apply what we learn regarding the Mysteries) must learn to cooperate with the higher Powers by learning to keep the Rules and obey the Laws which lead into consciousness and life upon the higher planes — *all* for the purpose of service to humanity and to this planet *on the lower planes*, under the guidance of the Spiritual Hierarchy — all graduates of School of Initiation leading to Mastership.

Mong rằng những nghiên cứu của chúng ta về Con đường Điểm đạo sẽ nghiêng cán cân về phía linh hồn kiểm soát, linh hồn thống trị, và cuối cùng được làm chủ bởi tinh thần. Bí ẩn của Điểm đạo nhằm tạo điều kiện cho quá trình linh hồn dần dần làm chủ phàm ngã, và dần dần tinh thần làm chủ linh hồn. Chúng ta, với tư cách là những phàm ngã (hiện đã cam kết học hỏi và áp dụng những gì chúng ta học liên quan đến các Huyền Nhiệm), phải học cách hợp tác với các Quyền năng cao hơn bằng cách học cách tuân thủ các Quy Luật và tuân theo các Định Luật dẫn đến tâm thức và cuộc sống trên các cõi cao hơn — *tất cả* đều vì mục đích phụng sự cho nhân loại và cho hành tinh này *tại các cõi thấp hơn*, dưới sự hướng dẫn của Huyền giai Tinh thần — tất cả các học viên tốt nghiệp từ Ngôi trường Điểm đạo cho đến quả vị Chân sư.

The sphere towards which we aspire is not the sphere in which we are called to serve. We “look above”; we “help below”. For this reason we seek to become initiate. No other reason, except this selfless, service-oriented reason, will suffice to bring us into the Presence of the first Hierophant — the Christ.

Khu vực mà chúng ta khao khát không phải là khu vực mà chúng ta được kêu gọi phụng sự. Chúng ta “nhìn lên trên”; chúng ta “giúp kẻ dưới”. Vì lý do này, chúng ta tìm cách trở thành điểm đạo đồ. Không có lý do nào khác, ngoại trừ lý do vị tha, hướng đến sự phụng sự này, sẽ đủ để đưa chúng ta tới trước sự Hiện diện của Đấng Điểm đạo đầu tiên — Đấng Christ.

Aspects of initiation

Initiation, or the process of undergoing an expansion of consciousness, is part of the normal process of evolutionary development, viewed on a large scale, and not from the standpoint of the individual. When viewed from the individual standpoint it

has come to be narrowed down to the moment wherein the evolving unit definitely apprehends that (by dint of his own effort, aided by the advice and suggestions of the watching Teachers of the race) he has reached a point wherein a certain range of knowledge of [Page 13] a subjective nature, from the physical plane point of view, is his. It is in the nature of that experience wherein a pupil in a school realises suddenly that he has mastered a lesson, and that the rationale of a subject, and the method of procedure, are his to use intelligently. These moments of intelligent apprehension follow the evolving Monad throughout his long pilgrimage. What has been misinterpreted somewhat at this stage of comprehension is the fact that at various periods the emphasis is laid on different grades of expansion, and always the Hierarchy endeavours to bring the race to the point where its units will have some idea of the next step to be taken.

Các Khía Cạnh Của Điểm Đạo

Điểm Đạo, hay quá trình của việc trải qua sự mở rộng tâm thức, là một phần của diễn trình phát triển tiến hóa bình thường, được xem xét trên một qui mô lớn. Khi được xem xét từ quan điểm cá nhân, nó đã bị thu hẹp xuống tới thời khắc mà trong đó đơn vị tiến hóa hiểu rõ ràng (nhờ nỗ lực của chính y và nhờ những lời khuyên bảo, gợi ý của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại), y đã có một phạm vi kiến thức có [13] một bản chất nội tâm, theo quan điểm cõi trần. Điều đó có bản chất của kinh nghiệm mà trong đó một học sinh trong một trường học thành linh nhận thức rằng y đã làm chủ một bài học, đã có cơ sở hợp lý của chủ đề và phương pháp của tiến trình, để sử dụng một cách thông minh. Những khoảnh khắc nhận thức sáng suốt này đi theo Chân Thần đang tiến hóa trong suốt cuộc hành hương lâu dài của nó. Điều đã bị diễn giải có phần sai lầm ở giai đoạn ý thức này là, vào các thời kỳ khác nhau, sự chú trọng được đặt vào những trình độ mở rộng khác nhau, và Thánh Đoàn luôn luôn cố gắng đưa nhân loại đến mức mà các đơn vị của nhân loại sẽ có một ý tưởng nào đó về bước kế tiếp cần thực hiện.

1. Initiation is a *natural* process applicable to all beings. It is usually understood as pertinent to the individual human unit, but embraces (if properly understood) all the members of all the kingdoms on Earth — and presumably, in all places and dimensions of the universe.

1. Điểm đạo là một quá trình *tự nhiên* áp dụng cho tất cả chúng sinh. Nó thường được hiểu là phù hợp với từng đơn vị con người, nhưng bao gồm (nếu hiểu đúng) tất cả các thành viên của tất cả các giới trên Địa cầu — và có lẽ là ở tất cả các địa điểm và chiều kích của vũ trụ.

2. In these studies, we are particularly interested in that phase of the initiation process which concerns the individual human unit and the advancing groups

of which that individual unit may be a part — for just as there is *individual* initiation, there is *group* initiation and many of same rules and laws apply.

2. Trong những nghiên cứu này, chúng ta đặc biệt quan tâm đến giai đoạn của quá trình điểm đạo liên quan đến đơn vị con người cá nhân và các nhóm tiến bộ mà đơn vị cá nhân đó có thể là một phần — vì, cũng như có sự điểm đạo cá nhân, cũng có sự điểm đạo nhóm và nhiều quy tắc và luật như nhau được áp dụng.

3. Initiation is an “expansion of consciousness”. That expansion occurs gradually over many years, and often over many lives. Thus, initiation is a *process*.
4. There comes a time, however, when the results of that gradual expansion are suddenly recognized or acknowledged. It is for this reason that initiation can also be considered an *event* — though the formal initiatory event is really a *confirmation* and *stabilization* of that which has been developing for many years.

3. Điểm đạo là một “sự mở rộng của tâm thức”. Sự mở rộng đó diễn ra dần dần trong nhiều năm, và thường trong nhiều kiếp. Vì vậy, điểm đạo là một *quá trình*.

4. Tuy nhiên, sẽ có lúc kết quả của sự mở rộng dần dần đó đột nhiên được công nhận hoặc thừa nhận. Chính vì lý do đó mà việc điểm đạo cũng có thể được coi là một *sự kiện* — mặc dù sự kiện điểm đạo chính thức thực sự là một sự *xác nhận* và *ổn định* của điều đã phát triển trong nhiều năm.

5. It is important to realize the following: *the initiate is always initiate before he is initiated*. He has achieved and somewhat stabilized a state of subjective awareness and potency which the initiation ceremony sponsored by the Hierarchy confirms and further stabilizes — rendering it an indelible part of his nature, and preventing, through the application of the initiatory fire, any easy retrogression or ‘back-sliding’ — though, because of the ascendancy of the principle of freewill, retrogression is always possible at any stage of unfoldment.

5. Điều quan trọng cần nhận ra là *điểm đạo đó bao giờ cũng là điểm đạo đó trước khi y được điểm đạo*. Y đã đạt được và phần nào ổn định trạng thái nhận thức chủ quan và năng lực mà lễ điểm đạo do Thánh Đoàn xác nhận và củng cố hơn nữa — khiến nó trở thành một phần không thể xóa nhòa trong bản chất của y, thông qua việc áp dụng ngọn lửa điểm đạo, ngăn chặn bất kỳ sự dễ thoái lui hoặc ‘trượt lùi’ — mặc dù, do uy lực của nguyên tắc tự do ý chí, sự thoái lui luôn có thể xảy ra ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình khai mở .

6. Initiation is really a kind of *revelation*. In most cases, the dawning light of the revelation has been intensifying gradually; the recognition of this

intensification may or may not be gradual; it can come suddenly. In such a case, the individual thinks that he/she has been *suddenly* enlightened or *suddenly* initiated, often ignoring the long period of the growing light.

6. Điểm đạo thực sự là một loại *mặc khải*. Trong hầu hết các trường hợp, ánh sáng rạng rỡ của sự mặc khải tăng dần lên; việc nhận biết sự tăng cường này có thể đến dần dần hoặc không; nó có thể đến đột ngột. Trong trường hợp như vậy, cá nhân nghĩ rằng mình đã được chứng ngộ *đột ngột* hoặc *đột ngột* được điểm đạo, thường bỏ qua giai đoạn dài của ánh sáng đang tăng trưởng.

7. There is a clear analogy. The flowering of any plant is long-prepared by other processes within the plant; the visible flowering, itself, may, however, appear to occur “almost overnight”.
8. We can understand that it is not spiritually profitable to prepare for the *event* of initiation. It *is* profitable to attend to the building process which, *inevitably*, will lead to the realization, the revelation, the flowering we call initiation.

7. Có một sự tương ứng rõ ràng. Sự ra hoa của bất kỳ loại cây nào cũng đều được chuẩn bị từ lâu bởi các quá trình khác bên trong cây; tuy nhiên, chính sự nở hoa có thể trông thấy được, có vẻ xảy ra “gần như chỉ qua một đêm”.

8. Chúng ta có thể hiểu rằng việc chuẩn bị cho *sự kiện* điểm đạo không mang lại lợi ích về mặt tinh thần. Sẽ *là* có lợi khi tham gia vào quá trình xây dựng mà *chắc chắn* sẽ dẫn đến sự nhận ra, sự mặc khải, sự nở hoa mà chúng ta gọi là điểm đạo.

9. The long career of the monad is punctuated by these periods of the “intelligent apprehension” of progress. Much attention has been given to speculations concerning the formal initiations involving the personnel of the Spiritual Hierarchy. The individualistic (and sometimes egoistic) mind of man has fastened upon these events, and their attainment has become (in some esoteric circles) almost a status symbol. The long preparatory process which should be the focus of developing students is somewhat ignored, and the sometimes spiritually ambitious aspirant struggles within himself (and subtly with others) to see whether or not he has “made the grade”. He/she may often attempt some final fulfillments to convince himself/herself that a given initiation may soon be conferred. This is certainly “putting the cart before the horse”, as the old saying goes. The initiation event is an *inevitability* if right attention has been given to the process — always to be pursued *with the motivation of service* — a fact often forgotten.

9. Sự nghiệp lâu dài của Chân thần được nhấn mạnh bởi những giai đoạn của sự tiếp nhận “thông minh” của sự phát triển. Nhiều chú ý đã được dành cho những suy xét về cuộc điểm đạo chính thức liên quan đến nhân sự của Thánh đoàn Tinh thần. Cái trí theo chủ nghĩa cá nhân (và đôi khi vị kỷ) của con người

đã gắn chặt vào những sự kiện này, và sự thành tựu của họ đã trở thành gần như một biểu tượng địa vị (trong một số nhóm bí truyền). Quá trình chuẩn bị lâu dài vốn nên là trọng tâm của các môn sinh đang phát triển phần nào đó đã bị lơ đãng, và đôi khi người chí nguyện đầy tham vọng về tinh thần tự đấu tranh trong chính bản thân mình (và một cách tế vi với những người khác) để xem liệu mình có “đạt được cấp độ đó” hay chưa. Anh ấy / cô ấy thường có thể cố gắng thực hiện một số đáp ứng cuối cùng để thuyết phục bản thân rằng một cuộc điếm đạo nhất định có thể sớm được ban cho. Đây chắc chắn là “đặt cổ xe trước con ngựa” (ND: cầm đèn chạy trước ô tô), như người xưa vẫn nói. Sự kiện điếm đạo là một điều *chắc chắn xảy ra* nếu sự quan tâm đúng mức đã được dành cho quá trình — luôn được theo đuổi *với động lực phụng sự* — một sự thật thường bị lãng quên.

10. Initiation is wisely held out as an incentive to the aspiring aspirant and disciple, but the real value of initiation must be firmly held in mind: that value is *the opportunity to serve the human race and the planet more effectively.*
11. When the motivation is correct the subtle, almost unwholesome ‘competition’ between spiritually ambitious students of spirituality will cease, and the building-in of qualities and abilities which ensure effective service will become the primary focus of consciousness. When this approach has been established, the actual initiatory event will occur all the sooner.

10. Điếm đạo được sử dụng một cách khôn ngoan như một sự khích lệ đối với người chí nguyện và đệ tử, nhưng giá trị thực sự của việc điếm đạo phải được ghi nhớ một cách chắc chắn: giá trị đó là *cơ hội để phụng sự nhân loại và hành tinh một cách hiệu quả hơn.*

11. Khi động cơ là đúng đắn, sự ‘cạnh tranh’ vi tế, hầu như không lành mạnh giữa các môn sinh có tham vọng tâm linh về tinh thần sẽ chấm dứt, và việc xây dựng các phẩm chất và năng lực đảm bảo việc phụng sự hiệu quả sẽ trở thành trọng tâm chính của tâm thức. Khi cách tiếp cận này đã được thiết lập, sự kiện điếm đạo thực tế sẽ xảy ra sớm hơn.

Each initiation marks the passing of the pupil in the Hall of Wisdom into a higher class, marks the clearer shining forth of the inner fire and the transition from one point of polarisation to another, entails the realisation of an increasing unity with all that lives and the essential oneness of the self with all selves. It results in a horizon that continuously enlarges until it includes the sphere of creation; it is a growing capacity to see and hear on all the planes. It is an increased consciousness of God's plans for the world, and an increased ability to enter into those plans and to further them. It is the effort in the abstract mind to pass an examination. It is the honour class in the Master's school, and is within the attainment of those souls whose karma permits and whose efforts suffice to fulfil the aim.

Mỗi cuộc điểm đạo đánh dấu việc người môn sinh chuyển đến một lớp cao hơn trong Phòng Minh triết, đánh dấu một sự chói rạng hơn của ngọn lửa nội tâm, và chuyển từ một điểm an trụ này đến một điểm an trụ khác, bao gồm sự nhận thức về một sự hợp nhất ngày càng tăng với mọi chúng sinh, và tính duy nhất căn bản của bản ngã với mọi bản ngã. Nó mang lại một chân trời không ngừng rộng mở, cho đến khi nó bao gồm phạm vi sáng tạo; đó là một năng lực ngày càng tăng để thấy và nghe trên mọi cõi. Đó là một ý thức tăng dần về Thiên Cơ cho thế giới, và một khả năng ngày càng đi vào các kế hoạch đó và xúc tiến chúng. Đó là nỗ lực trong trí tưởng tượng để vượt qua một kỳ thi. Đó là một lớp danh dự trong trường của Chân Sư, ở trong tầm thành đạt của những linh hồn nào mà nghiệp quả của họ cho phép, và có đủ nỗ lực để hoàn tất mục tiêu.

1. Here the Tibetan describes the fruits of initiation, and they are indeed magnetic and appealing for any aspiring soul.
2. The Tibetan is writing primarily upon the second ray, and so He continues to employ the easily comprehensible analogy to the normal educational process. The scholars are graded by their light, and continue to advance into higher "classes" for higher forms of instruction.

1. Ở đây, CS Tây Tạng mô tả những thành quả của việc điểm đạo, và chúng thực sự có từ tính và hấp dẫn đối với bất kỳ linh hồn đang khao khát nào.

2. CS Tây Tạng chủ yếu viết dựa trên cung hai, và vì vậy Ngài tiếp tục sử dụng phép tương ứng dễ hiểu đối với quá trình giáo dục thông thường. Các môn sinh được phân loại theo ánh sáng của họ, và tiếp tục tiến vào "các lớp học" cao hơn cho các hình thức giáo huấn cao hơn.

3. The "inner fire" which shines forth is both the fire of substance and the fire of the soul, as well as the two combined. As the initiation process proceeds the various 'matters' of the lunar vehicles are refined and their light radiating potential is enhanced. The many forms of matter built into the personality vehicles become less opaque and more translucent.

3. "Ngọn lửa bên trong" tỏa sáng vừa là ngọn lửa của vật chất vừa là ngọn lửa của linh hồn, cũng như cả hai kết hợp lại. Khi quá trình điểm đạo tiến hành, những 'vật chất' khác nhau của các vận cụ nguyệt tinh quân được tinh chỉnh và khả năng phát xạ ánh sáng của chúng được tăng cường. Nhiều dạng vật chất được gắn vào trong các vận cụ phàm ngã trở nên bớt đục và trong trẻo hơn.

4. As well, and most importantly, the light of the soul originating from the higher mental plane and anchored within the personality, intensifies and radiates with greater potency throughout the personality. The advancing initiate becomes a kind of 'miniature sun'. The celebrated "halo" may appear.

4. Ngoài ra, và quan trọng nhất, ánh sáng của linh hồn bắt nguồn từ cõi thượng trí và neo đậu bên trong phạm ngã, tăng cường và phát xạ với sức mạnh lớn hơn trong toàn bộ phạm ngã. Điểm đạo đồ tiến bộ trở thành một loại 'mặt trời thu nhỏ'. "Vàng hào quang" trứ danh có thể xuất hiện.

5. The point of polarization or what we might call 'the fixed focus of consciousness' is persistently elevated during the process of initiation. The focus of consciousness rises from subplane to subplane, and plane to plane. We may have a fairly accurate notion of whether we are generally astrally or mentally polarized, but the question of polarization is more complex and involves the possibility of consciousness-fixation upon a number of subsidiary levels (subplanes) within the major planes. As polarization gradually rises, so do our capacities for more and more subtle registrations of impression and the acquisition of more subtle forms of knowledge.

5. Điểm phân cực hay cái mà chúng ta có thể gọi là 'điểm trụ của tâm thức' được nâng cao liên tục trong suốt quá trình điểm đạo. Điểm trụ của tâm thức tăng lên từ cõi phụ này sang cõi phụ khác, và từ cõi này đến cõi khác. Chúng ta có thể có một khái niệm khá chính xác về việc chúng ta nói chung là phân cực về mặt cảm dục hay trí tuệ, nhưng câu hỏi về sự phân cực phức tạp hơn và liên quan đến khả năng cố định tâm thức trên một số cõi phụ trong các cõi chính. Khi sự phân cực dần tăng lên, khả năng của chúng ta ngày càng tăng lên đối với những ghi nhận ngày càng tinh vi hơn về ấn tượng và sự hoạch đắc những dạng kiến thức tế vi hơn.

6. One of the major fruits of the initiatory process is the realization of unity and, eventually, of oneness. This realization cannot be forced by repeating barely comprehended mantrams about unity and oneness. The realization comes as impediments to realized oneness are removed through purification. The causes of the many separate "things" within the field of consciousness are seen, and the sense of separation of one thing from another is resolved through an understanding of the origin (in fact, the *common origin*) of those things. All things are understood to be derived from One Thing, which is the *essence* of the thing derived and the *Common Essence* of all things.

6. Một trong những thành quả chính của quá trình điểm đạo là nhận thức được sự hợp nhất và cuối cùng là tính duy nhất/nhất nguyên. Không thể ép buộc nhận thức này bằng cách lặp lại những câu mantram mà hầu như không hiểu về sự hợp nhất và duy nhất. Sự nhận thức đến khi những trở ngại đối với sự nhận biết về cái duy nhất đã được loại bỏ thông qua thanh lọc. Nguyên nhân của nhiều "sự vật" tách biệt trong lĩnh vực tâm thức đã được thấy, và ý thức tách rời sự vật này với sự vật khác được giải quyết thông qua sự hiểu biết về nguồn gốc (trên thực tế là *nguồn gốc chung*) của những thứ đó. Mọi sự vật đều được hiểu là bắt nguồn từ Nhất Thể, là nơi *bản chất* của sự vật bắt nguồn và là *Bản chất Chung* của mọi sự vật.

7. Sometimes the intense presence of a higher-than-usual energy will move the consciousness towards the apprehension of unity and the sense of oneness. When the energy fades, however, the consciousness it induced may fade as well. At least, the aspiring individual may be left with an impression of states of consciousness far 'above' his customary ones, and, thereby, his aspiration may quickened and strengthened.

7. Đôi khi sự hiện diện mãnh liệt của một năng lượng-cao-hơn bình thường sẽ thúc đẩy tâm thức hướng tới sự lĩnh hội về sự hợp nhất và ý thức về cái duy nhất. Tuy nhiên, khi năng lượng mất dần, tâm thức mà năng lượng đó đem lại cũng có thể phai nhạt đi. Ít nhất, người chí nguyện cá nhân có thể còn lại một ấn tượng về các trạng thái tâm thức "vượt xa" những trạng thái thông thường của y, và do đó, khát vọng của y có thể nhanh chóng được củng cố và tăng cường.

8. During the initiatory process the senses are refined and the inner senses awakened. The capacity "to see and hear on all planes" develops. The amazing, intelligently interlocking complexity of the subtle worlds is revealed, and the individual begins to realize how very responsible he/she is for the kind of impressions radiated into these worlds. Thus, generally, is a process of the thinning and gradual lifting of the "veils" which prevent the registration of subtle impression.

8. Suốt quá trình điếm đạo, các giác quan được tinh luyện và các giác quan bên trong được đánh thức. Năng lực "thấy và nghe trên tất cả các cõi" phát triển. Sự phức tạp đáng kinh ngạc, đan xen vào nhau một cách thông minh của các thế giới vi tế được tiết lộ, và cá nhân bắt đầu nhận ra mình phải chịu trách nhiệm như thế nào đối với các loại ấn tượng phát ra trong các thế giới này. Như vậy, nói chung, đó là một quá trình làm mỏng và nâng dần các "tấm màn" ngăn cản việc ghi nhận ấn tượng tế vi.

9. For most of us the Divine Plan is simply a generality. For the advancing initiate, the Plan becomes something specific and the detail of the process is revealed, as well as the type of contribution which the initiate may best offer. Thus, the knowledgeable, intuitively alive initiate is more accurately fitted into the process of the Divine Plan than will be the uninitiated aspirant or disciple.

9. Đối với hầu hết chúng ta, Thiên Cơ chỉ đơn giản là một sự tổng quát. Đối với điếm đạo đồ tiến bộ, Thiên Cơ trở thành một cái gì đó cụ thể và chi tiết của quá trình được tiết lộ, cũng như kiểu đóng góp mà điếm đạo đồ có thể cung hiến tốt nhất. Do đó, điếm đạo đồ có hiểu biết, có trực giác sống động thì phù hợp với tiến trình của Thiên Cơ một cách chính xác hơn là người chí nguyện hoặc đệ tử chưa được điếm đạo.

10. The Tibetan tells us of the initiation process that "it is the effort in the abstract mind to pass an examination". It is interesting, is it not, that initiation does not

intimately concern the *concrete* mind. The whole process is transpiring in the dimensional region of the causal body or Egoic Lotus (a center of power, consciousness and intelligence which is 'located' upon the subplanes which constitute the abstract mind). In the initiation process we are specifically concerned with the central subplane of the abstract mind — the second — where the causal body of the initiate of the first two degrees is focussed. The causal body of the non-initiate is focussed on the third and lowest subplane, whereas the causal body of the higher initiate may focus upon the first subplane.

10. Chân sư Tây Tạng nói với chúng ta về quá trình điểm đạo rằng “đó là nỗ lực trong trí trừu tượng để vượt qua một bài kiểm tra”. Thật là thú vị phải không, điểm đạo không liên quan mật thiết đến trí *cụ thể*. Toàn bộ quá trình đang diễn ra trong chiều kích của thể nguyên nhân hay Hoa sen Chân ngã (một trung tâm quyền lực, tâm thức và trí thông tuệ ‘ngụ’ trên các cõi phụ vốn tạo thành trí trừu tượng). Trong quá trình điểm đạo, chúng ta đặc biệt có liên quan đến cõi phụ trung tâm của trí trừu tượng — cõi phụ thứ hai — nơi tập trung thể nguyên nhân của điểm đạo ở hai cấp độ đầu tiên. Thể nguyên nhân của người chưa điểm đạo tập trung vào cõi phụ thứ ba và là thấp nhất, trong khi thể nguyên nhân của điểm đạo ở cao hơn có thể tập trung vào cõi phụ thứ nhất.

11. What is the nature of this “examination” and when does it occur? Well, it does *not* occur during the enactment of that inner event we usually call initiation. That inner event is simply a confirmation that the examination *has already been passed*. All during the testing phase prior to initiation, the examination is under way. Passing the examination is evidenced by a certain amount of control of the lower worlds by means of the higher consciousness. We call this “soul control”.

11. Bản chất của “bài kiểm tra” này là gì và nó xảy ra khi nào? Vâng, nó *không* xảy ra trong việc tuyên bố sự kiện bên trong mà chúng ta thường gọi là điểm đạo. Sự kiện bên trong đó chỉ đơn giản là một xác nhận rằng bài kiểm tra *đã được vượt qua*. Bài kiểm tra đã bắt đầu trong suốt giai đoạn thử thách trước khi điểm đạo. Việc vượt qua bài kiểm tra được chứng minh bằng một mức độ nhất định việc kiểm soát các cõi giới thấp hơn bởi tâm thức cao hơn. Chúng ta gọi điều này là “sự kiểm soát của linh hồn”

12. The principal method of passing the examination is through occult mediation and service. The first opens the personality consciousness to impression from the soul upon the higher mental plane. The latter ensures that the energy contacted through impression is built into the functioning of the three personality vehicles. Service exercises these vehicles in the right way, and ensure that the vehicles will function to some extent according to soul-pattern. Through service, soul-infusion inevitably increases, as does the radiation of the soul through the personality and into the environment.

12. Phương pháp chính để vượt qua bài kiểm tra là thông qua tham thiền huyền môn và phụng sự. Tham thiền huyền môn mở tâm thức phàm ngã để nhận ấn tượng từ linh hồn trên cõi thượng trí. Phụng sự đảm bảo rằng năng lượng kết nối thông qua ấn tượng được tích hợp vào hoạt động của ba vận cụ phàm ngã. Việc phụng sự rèn luyện những vận cụ này theo đúng cách và đảm bảo rằng những vận cụ đó sẽ hoạt động ở một mức độ nhất định theo khuôn mẫu của linh hồn. Thông qua việc phụng sự, sự thấm nhập của linh hồn chắc chắn sẽ gia tăng, sự phát xạ của linh hồn thông qua phàm ngã vào môi trường cũng vậy

13. Apparently there are many “classes” in the Master’s school, and all aspirants, disciples and initiates are enrolled. Classes for prospective initiates are intensely focussed, as such pupils are on the verge of a major ‘change of vibratory state’ and are in need of specialized training to assist them with the often difficult transition.

14. Those on the verge of one initiation or another have cultivated their inner life to the point where its quality is relatively pure and strong compared with those not yet in such a high class. For this reason the Tibetan calls classes for initiates, “honour classes”.

13. Rõ ràng có nhiều “lớp học” trong trường của Chân sư, và tất cả những người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đều được ghi danh. Các lớp học dành cho những điểm đạo đồ tương lai được tập trung với cường độ cao, vì những môn sinh như vậy đang ở bên bờ của một ‘sự thay đổi trạng thái rung động’ chính và cần được đào tạo chuyên biệt để hỗ trợ họ trong quá trình chuyển đổi thường là khó khăn này.

14. Những người bên bờ của một cuộc điểm đạo này hay khác đã trau dồi đời sống nội tâm của họ đến mức chất lượng của nó tương đối thuần khiết và mạnh mẽ so với những người chưa thuộc lớp cao như vậy. Vì lý do này, CS Tây Tạng gọi các lớp học dành cho điểm đạo đồ là “lớp học danh dự”.

15. Following the initiation, however, the honor class finds itself, once again, in a regular or ordinary class, slowly building towards the next initiation. Gradually, as learning occurs, the advancing students prove themselves worthy of participation in yet another and higher “honour class”, and so the end becomes the beginning which, again, becomes a non-terminal end.

15. Tuy nhiên, sau khi điểm đạo, lớp học danh dự lại tự thấy mình, một lần nữa, trong một lớp phổ thông hoặc bình thường, đang chậm chạp xây dựng hướng tới cuộc điểm đạo tiếp theo. Dần dần, khi việc học diễn ra, những môn sinh tiến bộ chứng tỏ mình xứng đáng lại được tham gia vào một “lớp học danh dự” khác và cao hơn, và vì vậy phần kết thúc trở thành phần bắt đầu, một lần nữa, trở thành kết thúc không có điểm cuối.

16. In order for initiation to be possible, karma must allow and individual effort suffice. There are some lives when the “clearing of the decks” or the paying

of past karma is a process too intense and absorbing to allow time and energy for the specialized training which passing an initiation demands. In every other respect such a student may be worthy of initiation, but debts must be paid and promises fulfilled. As an analogy, one has from time to time seen people of tremendous artistic or scientific talent confined to the home for the fulfillment of pressing domestic duties. Their talent is no less than those who have made successful artistic or scientific careers, but the karmic obligations were different. The point is, the karmic situation must be free enough for the would-be initiate to engage in the final intensive training and tests which precede the conferral of any initiation.

16. Để việc điểm đạo có thể thực hiện được, nghiệp quả phải cho phép và nỗ lực cá nhân phải đủ. Có một số kiếp khi việc “dọn đường” hoặc trả nghiệp quá khứ là một quá trình quá khốc liệt và đeo bám, không thể dành thời gian và năng lượng cho việc luyện tập chuyên biệt mà việc điểm đạo đòi hỏi. Trong mọi khía cạnh khác, một môn sinh như vậy có thể đáng được điểm đạo, nhưng nợ thì phải trả và lời hứa phải được hoàn thành. Như một phép tương đồng, đôi khi người ta thấy những người có tài năng nghệ thuật hoặc khoa học lớn lao bị hạn chế trong nhà để hoàn thành các nghĩa vụ cấp bách trong gia đình. Tài năng của họ không kém gì những người đã thành công trong sự nghiệp nghệ thuật hoặc khoa học, nhưng nghĩa vụ của nghiệp quả thì khác. Vấn đề là, tình huống nghiệp quả phải đủ tự do để người sắp điểm đạo tham gia vào khóa huấn luyện và kiểm tra chuyên sâu cuối cùng trước khi thực hiện bất kỳ cuộc điểm đạo nào.

17. The requirements related to individual *effort* are obvious. Initiation is a strenuous and in many cases a relatively ‘vertical’ process. It requires a ‘climb’ and concentrated action taken against ‘gravity’. Many people with real ability are not willing to make the sacrifices which such a ‘climb’ entails. One can see how the energies of Saturn and Mars (respectively the ruler and exalted planet in Capricorn — the sign of the “Mountain of Initiation”) are necessary for those who seek to first *initiate themselves so that they may be initiated by the Hierarchy*.

17. Các yêu cầu liên quan đến *nỗ lực* cá nhân là điều hiển nhiên. Điểm đạo là một quá trình vất vả và trong nhiều trường hợp là một quá trình tương đối ‘thẳng đứng’. Nó yêu cầu một hành động ‘leo lên’ và tập trung được thực hiện để chống lại ‘trọng lực’. Nhiều người có năng lực thực sự nhưng không sẵn sàng hy sinh mà việc “leo lên” đó đòi hỏi. Người ta có thể thấy năng lượng của Sao Thổ và Sao Hỏa (tương ứng là hành tinh cai quản và hành tinh được đề cao trong Ma Kết — dấu hiệu của “Ngon núi Điểm đạo”) cần thiết như thế nào đối với những người tìm cách trước tiên *tự điểm đạo để rồi có thể được điểm đạo bởi Thánh đoàn*.

18. The Tibetan’s clear statements about initiation, certainly present the process and the effects of the resultant event from a number of illuminative points of view. Any misconceptions we may have entertained concerning the process should begin quickly to evaporate.

18. Những tuyên bố rõ ràng của Chân sư Tây Tạng về điểm đạo trình bày một cách chắc chắn về quá trình và các tác động của sự kiện xảy ra theo một số quan điểm sáng tỏ. Bất kỳ quan niệm sai lầm nào mà chúng ta có thể nuôi dưỡng về quá trình này sẽ nhanh chóng biến mất.

Initiation leads to the mount whence vision can be had, a vision of the eternal Now, wherein past, present, and future exist as one; a vision of the pageant of the races with the golden thread of pedigree carried through the many types; a vision of the golden sphere that holds in unison all the many evolutions of our system, deva, human, animal, vegetable, mineral, and elemental, and through which the pulsating life can be clearly seen beating in regular rhythm; [Page 14] a vision of the Logioic thoughtform on the archetypal plane, a vision that grows from initiation to initiation until it embraces all the solar system.

Điểm Đạo đưa đến ngọn núi mà nhờ đó có thể có được linh thị, một linh thị về Hiện Tại vĩnh cửu, trong đó, quá khứ, hiện tại và tương lai tồn tại như là một; một linh thị về diễn trình các giống dân với sợi chỉ vàng tộc hệ xuyên suốt nhiều mẫu người; một linh thị về khối cầu vàng kết hợp mọi cuộc tiến hóa của thái dương hệ chúng ta, là thiên thần, con người, động vật, thực vật, khoáng chất và tinh linh, và qua đó chúng ta có thể thấy rõ sự sống rung động đang đập theo nhịp điệu đều đặn; [14] một linh thị về hình tư tưởng của Thượng Đế trên cõi nguyên hình, một linh thị tăng trưởng từ cuộc điểm đạo này đến cuộc điểm đạo khác cho đến khi nó bao trùm toàn bộ thái dương hệ.

1. Here the Tibetan deals with visions which can be expected to dawn during the initiation process. In fact, He seems to be dealing with the visions which pertain to some of the higher initiations. Even in the initiations of the threshold (the first and second initiations), great revelations may dawn, but they are often forgotten by the personality consciousness — at least the details are not often or always remembered — for the revelation occurred upon the higher mental plane within the casual body.

1. Ở đây Chân sư Tây Tạng đề cập đến những linh thị có thể được mong đợi bắt đầu lộ ra trong quá trình điểm đạo. Trên thực tế, dường như Ngài đang đề cập đến những linh thị liên quan đến một số cuộc điểm đạo cao hơn. Ngay cả trong những cuộc điểm đạo ngưỡng (cuộc điểm đạo thứ nhất và thứ hai), những mặc khải vĩ đại có thể lộ dạng, nhưng chúng thường bị tâm thức phàm ngã lãng quên — ít nhất là những chi tiết, không thường xuyên hoặc không luôn luôn được ghi nhớ — vì sự mặc khải xảy ra trên cõi thượng trí trong thể nguyên nhân.

2. The visions referenced in this paragraph refer in large measure to the Transfiguration initiation — the third degree. The Eternal Now is met upon

the “Mountain where on form dies” (at that transition point where higher mind becomes the intuition capable of perceiving wholeness).

2. Các linh thị được đề cập đến trong đoạn này liên quan nhiều đến cuộc điếm đạo Biến hình — cấp độ thứ ba. Hiện tại Vĩnh cửu được gặp ở “Ngọn núi nơi hình tướng chết đi” (tại điểm chuyển tiếp nơi thượng trí trở thành trực giác vốn có khả năng nhận thức được cái toàn thể).

3. The relatively rare apprehension of the Eternal Now is certainly something other than one of our normal space-time, rather sequential apprehensions. The words concerning the union of past, present and future often mean little and are repeated glibly, but *do*, at least, point in a direction whither one may be guided by a developing intuition. Saturn, as Lord of Time, is overcome in such a state of Eternal Nowness. Uranus, ‘Lord of Simultaneity’, and Neptune ‘Dissolver of Boundaries’, lend their rays, and time-perception alters altogether. The consciousness has disengaged itself from the ‘tyranny of sequence’. Although sequence continues to be observed and understood, it is observed and understood from a pinnacle which simultaneously negates its reality; sequentiality is seen to be a lower order of reality.

3. Sự linh hội tương đối hiếm về Hiện tại Vĩnh cửu chắc chắn là một cái gì đó khác với một trong những linh hội về không gian-thời gian bình thường của chúng ta vốn theo trình tự. Những từ liên quan đến sự hợp nhất của quá khứ, hiện tại và tương lai thường không có nhiều ý nghĩa, và được lặp đi lặp lại như một con vẹt (ND), nhưng ít nhất cũng chỉ ra một hướng mà người ta có thể được hướng dẫn bởi một trực giác đang phát triển. Thổ tinh, với tư cách là Chúa tể của Thời gian, bị vượt qua trong trạng thái Hiện tại Vĩnh cửu như vậy. Thiên Vương tinh, "Chúa tể của sự Đồng thời" và Hải Vương tinh "Kẻ hủy diệt Ranh giới", thêm vào các cung của chúng và nhận thức thời gian thay đổi hoàn toàn. Tâm thức đã tự thoát ra khỏi 'sự chuyên chế của trình tự'. Mặc dù trình tự tiếp tục được quan sát và hiểu, nó được quan sát và được hiểu từ một đỉnh cao đồng thời phủ định thực tại của nó; tính trình tự được coi là một trật tự thấp hơn của thực tại.

4. The “Pageant of the Races” has been presented exoterically by Madame Blavatsky in *The Secret Doctrine*. Some idea of the vast history of our planet unfolds through a careful reading of that masterpiece. To the initiate, that history is comprehended and, as it were, ‘contained within the understanding’. The consciousness of the initiate *feels* its participation in the pageant. He/she *was* there, and, in a way, *is* there. The golden thread of pedigree (i.e., the thread of soul presence) runs through it all. The history of the pageant is brought forward into the now; vast periods of history are perceptually collapsed. The initiate has a different ‘feel for time’, and is able to embrace processes so lengthy which, for others, cannot be grasped, comprehended or ‘contained.’

4. “Cuộc trình diễn của các Giống dân” đã được Bà Blavatsky trình bày một cách công khai trong *Giáo lí Bí nhiệm*. Một số ý tưởng về lịch sử rộng lớn của hành tinh chúng ta lộ ra khi đọc kỹ kiệt tác đó. Đối với điểm đạo đồ, lịch sử đó được hiểu và, như nó vốn đã 'nằm trong sự thông hiểu'. Tâm thức của điểm đạo đồ *cảm thấy* sự tham gia của nó trong diễn trình lịch sử. Anh ấy / cô ấy *đã ở đó*, và theo một cách nào đó, *đang ở đó*. Sợi chỉ vàng của hệ tộc (tức là sợi chỉ của sự hiện diện linh hồn) xuyên suốt tất cả. Lịch sử cuộc diễn trình này được mang đến ngày nay; các giai đoạn lịch sử rộng lớn bị sụp đổ về mặt nhận thức. Điểm đạo đồ có một "cảm giác về thời gian" khác và có thể nắm bắt các quá trình dài đến mức, đối với những người khác, không thể nắm bắt, hiểu được hoặc "chứa" được.

5. Depth and breadth of perception depend upon one's point of view. Ordinary consciousness has not attained sufficient 'altitude' to permit of the kinds of perceptions that are here discussed. But the initiate consciousness is elevated to a point of perception where it can see widely and contain greatly.

5. Chiều sâu và chiều rộng của nhận thức phụ thuộc vào góc nhìn của mỗi người. Tâm thức bình thường chưa đạt được đủ 'độ cao' để cho phép các loại nhận thức được thảo luận ở đây. Nhưng tâm thức điểm đạo được nâng lên đến một điểm nhận thức mà ở nơi đó nó có thể nhìn một cách rộng rãi và bao phủ rộng lớn.

6. One should attempt to rise into such states — even though the way for each is *uncharted*. The building of the antahkarana or “Rainbow Bridge of Light” traverses this uncharted way. Somehow a path is found into the high abstract places from which vantage point *the many can be seen as One*.

6. Người ta nên cố gắng vươn lên trong những trạng thái như vậy — mặc dù con đường cho mỗi trạng thái vẫn chưa được *khám phá*. Việc xây dựng cầu antahkarana hay "Cầu vồng Ánh sáng" vượt qua con đường chưa được khám phá này. Bằng cách nào đó, một con đường được tìm thấy đi vào những nơi trừu tượng cao siêu, mà từ điểm thuận lợi đó, cái *nhiều* (sự đa dạng) *có thể được thấy như là Một*.

7. The Tibetan offers a beautiful vision of a “Golden Sphere” containing all the orders of life, and animated by a pulsating heart of life. For some this may be an actual vision. Others can imagine it and sense the beauty and reality of that which it suggests. It be appreciated that *unitive visions* will begin to dawn as the initiation process advances.

7. Chân sư Tây Tạng mang đến một linh thị tuyệt đẹp về một “Quả cầu vàng” chứa đựng mọi trật tự của cuộc sống, và được sinh động bởi một trái tim của sự sống đang đập. Đối với một số người, đây có thể là một linh thị thực sự. Những người khác có thể tưởng tượng linh thị đó và cảm nhận được vẻ đẹp và thực tế

mà nó gợi ý. Chúng ta đánh giá cao rằng các linh thị thống nhất sẽ bắt đầu xuất hiện khi quá trình điểm đạo tiến triển.

8. There is a Logocic Thoughtform on the archetypal plane — perhaps the monadic plane. The fullest possible perception of it would be (for man, at least) an aspect of monadic awareness, for the monad is, in a way, a part of an emanation or aspect of the Solar Logos. There is a “Fixed Design” behind all the varying arrangements of beings and their many processes. The World of Being sub stands the more fluid World of Becoming. The process of initiation progressively reveals the nature of this Divine Thoughtform, and with it a clarifying understanding of the Divine Purpose which motivates the more adaptable Divine Plan.

8. Có một Hình tư tưởng của Thượng đế trên cõi nguyên hình — có lẽ là cõi Chân thần. Nhận thức đầy đủ nhất khả dĩ về nó sẽ là (ít nhất là với con người) một khía cạnh của nhận thức chân thần, vì chân thần, theo một cách nào đó, là một phần của sự phát xạ hoặc một khía cạnh của Thái dương Thượng đế. Có một “Thiết kế cố định” đằng sau tất cả các sắp xếp khác nhau của các thực thể và nhiều quy trình của chúng. Thế giới Bản Thể ở phía sau Thế giới Trở thành vốn linh hoạt hơn. Quá trình điểm đạo dần dần tiết lộ bản chất của Hình Tư tưởng Thiêng liêng này, và cùng với nó là sự hiểu biết rõ ràng về Mục đích Thiêng liêng thúc đẩy Thiên cơ thích ứng hơn.

9. Such a vision and understanding are a great reward of the initiatory process, and brings assurance, stability and a growing spiritual maturity to the advancing initiate consciousness.

10. The incentives offered to those who wisely tread the Path of Initiation are very beautiful, are they not. Perhaps there is something inherent in the student of these words which can already dimly apprehend the truth of what is written. Indeed, something in us is already ‘there’ — in the ‘Realm of Realization’.

9. Tâm nhìn và sự hiểu biết như vậy là phần thưởng to lớn của quá trình điểm đạo, và mang lại sự đảm bảo, ổn định và một sự trưởng thành về tâm linh ngày càng tăng cho tâm thức điểm đạo đồ tiến bộ.

10. Những phần thưởng dành cho những ai khôn ngoan bước đi trên Con đường Điểm đạo là rất đẹp, phải không? Có lẽ, có điều gì đó của những từ này đã có sẵn trong môn sinh, để y có thể lờ mờ hiểu ra sự thật của những gì được viết. Thật vậy, một phần trong chúng ta đã từng ở ‘nơi đó’ — trong ‘Lãnh Vực của Nhận Thức’.

Initiation leads to the stream that, once entered, sweeps a man onward until it carries him to the feet of the Lord of the World, to the feet of his Father in Heaven, to the feet of the three-fold Logos.

Điểm Đạo đưa đến một dòng suối mà một khi đã nhập vào, nó cuốn một người tiến tới trước, cho đến khi nó mang y đến chân của vị Chúa Tể Hoàn cầu, tới chân của Cha của y trên Trời, tới chân của Thượng Đế Ba Ngôi.

1. The image of the “stream” is an important one in the initiatory process. Technically, to “enter the stream” signifies the taking of the second initiation.
2. That “stream” flows with a power of its own, and bears the initiate forward and onward to his/her goal. It is a beneficent ‘current’ which adds its strength to that expressed by the initiate, assisting achievement most significantly.

1. Hình ảnh của “dòng chảy” là một hình ảnh quan trọng trong quá trình điểm đạo. Về mặt kỹ thuật, “Nhập Lưu” báo hiệu lần điểm đạo thứ hai.

2. “Dòng chảy” đó chảy với một sức mạnh của riêng nó, và đưa điểm đạo đồ tiến tới mục tiêu của mình. Đó là một ‘dòng chảy’ có lợi, bổ sung thêm sức mạnh của nó vào sức mạnh thể hiện bởi điểm đạo đồ, hỗ trợ thành tựu đáng kể nhất.

3. In an ocean there are currents which may sweep one out to sea, but others which may speed a swimmer or a boat to the goal.
4. Over years of experience on the “Seas of Life”, whirlpools and calms are experienced which have required the initiate-swimmer propel himself forward according to the measure of his/her own strength.

3. Trong đại dương, có những dòng chảy có thể cuốn một người ra biển, nhưng những dòng chảy khác có thể đẩy nhanh một người bơi hoặc một con thuyền đến mục tiêu.

4. Trải qua nhiều năm kinh nghiệm trên “Biển Đời”, trải nghiệm những xoáy nước và sự tĩnh lặng, đòi hỏi người bơi-điểm đạo đồ phải tự đẩy mình về phía trước tùy theo sức mạnh của bản thân.

5. The great stream or current here discussed, can, however, be conceived of as the “protection of the Ashram”. This protection is afforded by ‘currents’ of thought from the Ashram which, tending in the correct direction, bear the swimmer up and onward. To be assisted by such currents is the reward of much aspiration and spiritual achievement. Further, it is the reward of many years of selfless service.

5. Tuy nhiên, dòng chảy lớn hoặc dòng được thảo luận ở đây có thể được coi là “sự bảo vệ của Đạo viện”. Sự bảo vệ này được tạo ra bởi ‘các dòng’ tư tưởng từ Đạo viện, có xu hướng đi đúng hướng, đưa người bơi đi lên và đi về phía trước. Được hỗ trợ bởi những dòng chảy như vậy là phần thưởng của nhiều khát vọng và thành tựu tinh thần. Xa hơn, đó là phần thưởng của nhiều năm phụng sự quên mình.

6. All this points to the fact that the would-be initiate (though he/she must struggle valiantly against the counterforce within and without) need not do *everything* by himself or herself. There is a beneficence which assists those who are proven worthy of assistance.
7. For more about the "stream", one should acquire the book by H.P.B. called *The Voice of the Silence*. It is the translation and interpretation of *The Golden Precepts* — a treasured Buddhist manual which instructs concerning the initiatory process.

6. Tất cả điều này chỉ ra thực tế rằng người sẽ là điểm đạo đồ (mặc dù anh ta / cô ta phải đấu tranh dũng cảm chống lại phản lực bên trong và bên ngoài) không cần phải tự mình làm *mọi thứ*. Có một sự thuận lợi hỗ trợ những người được chứng minh là xứng đáng được hỗ trợ.

7. Để biết thêm về "dòng chảy", người ta nên tìm cuốn sách của H.P.B. được gọi là *Tiếng nói Vô thanh* (The Voice of the Silence). Đó là bản dịch và diễn giải của *Giới luật Vàng* — một cuốn cẩm nang Phật giáo quý giá hướng dẫn về quá trình điểm đạo.

Initiation leads to the cave within whose circumscribing walls the pairs of opposites are known, and the secret of good and evil is revealed. It leads to the Cross and to that utter sacrifice which must transpire before perfect liberation is attained, and the initiate stands free of all earth's fetters, held by naught in the three worlds. It leads through the Hall of Wisdom, and puts into a man's hands the key to all information, systemic and cosmic, in graduated sequence. It reveals the hidden mystery that lies at the heart of the solar system. It leads from one state of consciousness to another. As each state is entered the horizon enlarges, the vista extends, and the comprehension includes more and more, until the expansion reaches a point where the self embraces all selves, including all that is "moving and unmoving," as phrased by an ancient Scripture.

Điểm Đạo đưa đến hang động sâu thẳm, bên trong các bức tường bao bọc nó, chúng ta biết được các cặp đối lập, và bí mật của điều thiện và điều ác được tiết lộ. Nó dẫn tới Thập Giá và đến sự hy sinh hoàn toàn vốn phải xảy ra trước khi đạt mức giải thoát hoàn bích, và điểm đạo đồ thoát khỏi mọi ràng buộc của thế gian, và không còn gì giữ y lại trong ba cõi thấp. Điểm Đạo đưa y đi qua Phòng Minh triết và tuần tự đặt vào tay y chìa khóa của mọi hiểu biết về thái dương hệ và vũ trụ. Nó tiết lộ bí nhiệm che giấu ở tâm của thái dương hệ. Nó đưa y từ một trạng thái tâm thức này đến trạng thái tâm thức khác. Mỗi lần đi vào một trạng thái thì chân trời mở rộng, tầm mắt mở mang, và sự thông hiểu bao gồm ngày càng nhiều, cho đến khi sự mở rộng đạt đến một mức mà bản ngã bao trùm mọi bản ngã, kể cả mọi thứ "vận động hoặc không vận động" như được diễn đạt trong một Thánh Kinh cổ xưa.

1. The image of the “cave of initiation” is a familiar one. That cave is not a cavern hewn in rock (although caves of initiation on the physical plane have been employed to facilitate the effectiveness and privacy of the initiatory process).
2. Physiologically, the cave is a region within the etheric brain through which entrance and exit may be made into and from higher planes. The student is advised to ponder on the disk of indigo blue which can be seen by the meditator in the center of the head.

1. Hình ảnh “hang động điểm đạo” là một hình ảnh quen thuộc. Hang động đó không phải là một hang động được đục trong đá (mặc dù các hang động điểm đạo trên cõi hồng trần đã được sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho hiệu quả và sự riêng tư của quá trình điểm đạo).

2. Về mặt sinh lý, hang động đó là một vùng nằm trong não bộ dĩ thái, qua đó lối vào và lối ra có thể được tạo ra để đi vào và ra các cõi cao hơn. Môn sinh được khuyến nên suy ngẫm về cái đĩa màu xanh chàm mà thiên sinh có thể nhìn thấy ở trung tâm đầu.

3. We are learning that initiation is not only an *expansion*, but requires a circumscription in which the sources of human limitation can be understood.
4. The origin of good and evil (though frequently a source of speculation) is indeed a mystery to the average mind. It has much to do with what might be called the “fixation of consciousness”. When consciousness is circumscribed and rotary, there is a propensity towards evil. Evil arises from ‘identification with the familiar’ — which is, for practical purposes, that which is “lunar”.

3. Chúng ta đang học rằng điểm đạo không chỉ là một sự *mở rộng*, mà còn đòi hỏi một địa hạt trong đó các nguồn giới hạn con người có thể hiểu được. .

4. Nguồn gốc của thiện hảo và tà ác (mặc dù thường là một nguồn suy đoán) thực sự là một bí ẩn đối với cái trí bình thường. Nó liên quan nhiều đến cái có thể được gọi là “sự cố định của tâm thức”. Khi tâm thức bị giới hạn và quay vòng, đó là một xu hướng hướng tới tà ác. Tà ác phát sinh từ việc ‘đồng nhất với cái quen thuộc’— vì mục đích thực dụng, đó là “nguyệt tinh”.

5. Suffice it to say that we will all come to our own understanding of the pairs of opposites and their relation to good and evil. What initiation offers is a fundamental understanding of the nature of spirit and matter, and the levels of identification which pertain to both.

5. Chỉ cần nói rằng tất cả chúng ta sẽ tự hiểu ra các cặp đối lập và mối quan hệ của chúng với cái thiện và cái ác. Những gì điểm đạo mang lại là sự hiểu biết cơ bản về bản chất của tinh thần và vật chất, và các mức độ đồng hóa liên quan đến cả hai.

6. Why must initiation lead to the “Cross”? — a symbol of imprisonment within the four directions rather than freedom at the point where the four lines meet. Perhaps one must learn to *give all to the life crucified in form* in order to be free from that form. To pass through the “needles eye” is to center consciousness within the point (the point which has generated the Cross). Giving all *upon* the Cross and *to* the Cross, the initiate of the fourth degree nevertheless finds the way into and through “needle’s eye” or the “point”. The life of the fourth degree initiate may seem extraordinarily bound, but inwardly it is extraordinarily free.

6. Tại sao việc điểm đạo phải dẫn đến “Thập giá”? — một biểu tượng của sự giam cầm trong bốn hướng chứ không phải là tự do tại điểm mà bốn đường giao nhau. Có lẽ người ta phải học cách *cống hiến tất cả cho sự sống bị đóng đinh trong hình tượng* để thoát khỏi hình tượng đó. Để đi qua “mắt kim” là hướng tâm thức vào trong điểm (điểm đã tạo ra Thập giá). Cho tất cả *trên* Thập giá và *cho* Thập giá, điểm đạo đồ bậc 4 vẫn tìm thấy con đường vào và qua “mũi kim” hoặc “điểm”. Cuộc sống của điểm đạo đồ bậc 4 có vẻ như bị ràng buộc một cách phi thường, nhưng bên trong lại vô cùng tự do.

7. Only *great contribution* will release from the Cross. The empty nail-marked hands give all. Contrarily, the desire for acquisition holds one to the Cross. Through the process of crucifixion, one demonstrates that one *asks nothing* from the world (symbolized by the Cross), but seeks only to *give to* that world. Thus one earns one’s freedom and reverses the magnetism which normally holds the consciousness imprisoned on the Cross.

7. Chỉ có *sự cống hiến vĩ đại* mới giải phóng khỏi Thập giá. Bàn tay bị đóng đinh không mang theo bất cứ thứ gì, cho đi tất cả. Ngược lại, ham muốn hoạch đắc giữ chặt một người trên Thập giá. Qua quá trình đóng đinh, một người chứng tỏ rằng y không *đòi hỏi gì* từ thế giới (biểu tượng bởi Thập giá), mà chỉ tìm cách *ban* cho thế giới đó. Do đó, y đạt được tự do của mình và đảo ngược từ tính (ND: sức hấp dẫn) — vốn thường giữ tâm thức bị giam cầm trên Thập giá.

8. Several times the Tibetan uses the phrase “utter sacrifice” to indicate that which must be rendered up if a full (and relatively final) freedom is to be achieved. Although the initiation process is a program leading to freedom, the process of liberation will necessarily be painful to the personality, and this must be endured — by everyone who would be free.

8. Một vài lần Chân sư Tây Tạng sử dụng cụm từ “hy sinh hoàn toàn” để chỉ ra điều gì phải được dâng hiến nếu một sự tự do toàn vẹn (và tự do cuối cùng một cách tương đối) đạt được. Mặc dù quá trình điểm đạo là một chương trình dẫn đến tự do, nhưng quá trình giải phóng nhất thiết sẽ gây đau khổ cho phàm ngã, và điều này phải được chịu đựng — tất cả những ai muốn được tự do.

9. As the Tibetan's description continues, it describes attainments characteristic of the higher initiations. All planetary knowledge eventually will come to the initiate; between the third and fourth initiations, the acquisition of knowledge is said to be exceedingly rapid. Such a period is a time when the "synthesis petals" of the Egoic Lotus are in the process of opening.

9. Như sự diễn tả tiếp theo của Chân sư Tây Tạng, nó mô tả các thành tựu đặc trưng của các cuộc điểm đạo cao hơn. Tất cả kiến thức về hành tinh cuối cùng sẽ đến với điểm đạo đồ; giữa cuộc điểm đạo thứ ba và thứ tư, việc thu đạt kiến thức được cho là cực kỳ nhanh chóng. Khoảng thời gian như vậy là khoảng thời gian mà "những cánh hoa tổng hợp" của Hoa sen Chân ngã đang trong quá trình mở ra.

10. What can be the "hidden mystery that lies at the heart of the solar system"? Anything we might say would be the merest educated guess. Probably, it is the initiate of the seventh degree (such as the Christ and Buddha are now becoming) Who is in a position to discover the nature of this mystery.

11. Surely, however, it has something to do with Divine Love-Wisdom (the Energy which is the focus of the seventh and climactic degree — climactic for this planet), and with a relationship to the Cosmic Christ — in this case, the Being informing the star Sirius (though there are other and greater ways to conceive of the Cosmic Christ).

12. The Tibetan closes the paragraph with a most inclusive vision:

10. Điều gì có thể là "bí ẩn ẩn giấu nằm ở trái tim của Thái dương hệ"? Bất cứ điều gì chúng ta có thể nói sẽ chỉ là phỏng đoán mang tính học thuật. Có thể, đó là điểm đạo đồ bậc bảy (chẳng hạn như Đấng Christ và Đức Phật hiện đang trở thành, ở một vị thế để khám phá bản chất của bí ẩn này).

11. Tuy nhiên, chắc chắn là nó có chút gì đó liên quan đến Bác ái—Minh triết Thiên Liêng (Năng lượng đó là trọng tâm của cấp bậc thứ bảy và cao nhất — tốt đỉnh của hành tinh này), và liên quan đến mối quan hệ với Đấng Christ Vũ trụ — trong trường hợp này, là Đấng Hiện Tồn truyền qua ngôi sao Sirius (mặc dù có nhiều cách khác và vĩ đại hơn để nhận thức được Đấng Christ Vũ trụ).

12. CS Tây Tạng kết thúc đoạn văn với một linh thị bao gồm nhất:

"As each state is entered the horizon enlarges, the vista extends, and the comprehension includes more and more, until the expansion reaches a point where the self embraces all selves, including all that is "moving and unmoving," as phrased by an ancient Scripture."

Mỗi lần đi vào tâm thái mới thì chân trời nới rộng, tầm mắt mở mang, và sự thông hiểu bao quát ngày càng nhiều cho đến khi sự mở rộng đạt mức cái ngã bao trùm mọi cái ngã khác, kể cả những gì "đang chuyển động và bất động," như lời một Thánh kinh xưa.

The possibility of identifying with wholeness is offered. In Rule IX for Disciples and Initiates, it is said, “*Let the group know there are no other selves*”. Eventually this knowledge is consummated in the consciousness of the advanced initiate. Further, the initiate consciousness embraces the “unmoving” worlds of the Fixed Design within the World of Being, and the “moving” worlds of the World of Becoming. An inward understanding of the ‘solar-systemic-absolute’ and the ‘solar-systemic-relative’ are balanced, the archetypal worlds and the worlds of manifestation are seen in their creative interplay. An entirely new and vastly deeper understanding of the life process dawns. The illumined initiate then realized that for the majority of his divine pilgrimage (as the questing projection of the monad) he/she has been confined to the ‘cave of ignorance’, Self-banished from the Fire of Reality.

Khả năng đồng nhất với tổng Thể được đưa ra. Trong Quy luật IX dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ, có nói, “*Hãy cho cả nhóm biết rằng không có cái ngã nào khác*”. Cuối cùng kiến thức này được hoàn thành trong tâm thức của vị điểm đạo đồ cao cấp. Hơn nữa, tâm thức điểm đạo đồ bao gồm các thế giới “bất động” của Thiết kế Cố định bên trong Thế giới Hiện hữu, và các thế giới “chuyển động” của Thế giới Trở thành. Sự hiểu biết bên trong về ‘Thái dương hệ — hệ thống — tuyệt đối’ và ‘Thái dương hệ — hệ thống — tương đối’ được cân bằng, thế giới nguyên hình và thế giới biểu hiện được nhìn thấy trong sự tương tác sáng tạo của chúng. Một sự hiểu biết hoàn toàn mới và vô cùng sâu sắc về diễn tiến sự sống hé lộ. Sau đó, điểm đạo đồ được soi sáng nhận ra rằng trong phần lớn cuộc hành hương thiêng liêng của mình (như là sự phóng chiếu tìm kiếm của chân thân), anh ấy / cô ấy đã bị giam giữ trong ‘hang động của sự vô minh’, Tự trục xuất mình khỏi Lửa Thực Tại.

1. The Tibetan offers us nothing less than the opportunity to grow into the whole and, in a way, to *become* the whole (which, in esoteric fact, we already are — monadically).
2. The vista offered is vast, breathtaking, and challenging in the extreme. One gathers something of the magnitude of the initiatory process and its lengthy duration. Perhaps the sense of rush characteristic of the spiritually ambitious begins to fade as a more true and just appraisal of the tremendous demands of the task ahead begins to dawn. “There is no rush, no hurry, and yet there is no time to lose”.

1. CS Tây Tạng đưa ra cho chúng ta không có gì đặc biệt hơn là một cơ hội để phát triển thành toàn thể, và, theo một cách nào đó, để *trở thành* toàn thể (cái mà trên thực tế huyền bí, chúng ta đã là — về mặt chân thân).

2. Viễn cảnh được đưa ra rất rộng lớn, ngoạn mục và đầy thách thức ở mức độ khác nghiệt. Một người hiểu được một cái gì đó về tính trọng đại của quá trình điểm đạo và thời gian kéo dài của nó. Có lẽ cảm giác vội vàng đặc trưng của những người đầy tham vọng tinh thần bắt đầu mờ dần khi sự đánh giá đúng hơn và thích đáng hơn về những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ phía trước bắt đầu hé lộ. “Không hấp tấp, không vội vàng, và cũng không có thời gian bỏ phí”.

3. When identification with the “little self” ceases, rush ceases also, yet the initiate will ever press forward, realizing that his/her empowerment is sorely needed by the members of a struggling humanity — trapped upon a Cross from which they do not yet know how to liberate themselves — something he/she is, at last, learning to do.

3. Khi sự đồng nhất với “cái tôi nhỏ bé” chấm dứt, sự vội vã cũng chấm dứt, thế nhưng điểm đạo đồ sẽ luôn bị thúc giục để tiến về phía trước, nhận ra rằng quyền năng của mình là rất cần đối với các thành viên của một nhân loại đang vật lộn — bị mắc kẹt trên một Thập giá mà họ không biết cách giải phóng bản thân khỏi nó — điều mà, đến cuối cùng anh ấy / cô ấy sẽ học để làm.

4. The secret of liberation from the Cross is simple: utter service, utter obedience, and utter sacrifice. Service to the human race and to the planet; obedience to the spirit/soul which is obedient to the Divine Plan; and the utter sacrifice of all within the personality and soul vehicles which may inhibit the expression of the Divine Plan.

4. Bí quyết giải thoát khỏi Thập giá thì đơn giản: phụng sự hoàn toàn, tuân phục hoàn toàn, và hy sinh hoàn toàn. Phụng sự nhân loại và hành tinh; sự tuân phục đối với tinh thần / linh hồn là tuân theo Thiên cơ; và sự hy sinh hoàn toàn của mọi thứ bên trong các vận cụ phạm ngã và linh hồn mà vốn có thể ngăn cản sự thể hiện của Thiên cơ.

5. Perhaps if the theme of initiation has ever seemed somewhat ordinary in our estimation, we are now ready to adjust our perspective. Initiation is a tremendous process leading to tremendous results. We may have become familiar with the idea of initiation, and through that very familiarity, may have come to consider the whole theme as relatively commonplace. If this has happened, we should disabuse ourselves of such misconceptions immediately. Initiation is the “Great Work” — a monumental *labor* demanding of us all we have to give, and exacting every possible contribution to planetary welfare we can possibly make.

5. Có lẽ nếu chủ đề điểm đạo từng có vẻ hơi bình thường trong dự đoán của chúng ta, thì giờ đây chúng ta đã sẵn sàng điều chỉnh quan điểm của mình. Điểm đạo là một quá trình phi thường dẫn đến những kết quả phi thường. Chúng ta có thể đã trở nên quen thuộc với ý tưởng điểm đạo, và thông qua sự rất quen thuộc đó, có thể đã coi toàn bộ chủ đề là một điều tương đối phổ biến. Nếu điều này đã xảy ra, chúng ta nên loại bỏ những quan niệm sai lầm đó ngay lập tức. Điểm đạo là “Công việc Vĩ đại” — một *sự lao động* to lớn đòi hỏi chúng ta phải cống hiến tất cả những gì có thể, và thực hiện mọi đóng góp có thể có cho phúc lợi hành tinh mà chúng ta có thể thực hiện.

6. As we mature spiritually, we can only approach the whole subject with utmost seriousness and even solemnity. Too much is at stake for a lighthearted or frivolous approach (although a good sense of humor is necessary and affords a sense of proportion to anyone treading the Path of Initiation).

6. Khi trưởng thành về mặt tinh thần, chúng ta chỉ có thể tiếp cận toàn bộ chủ đề này với sự hết sức nghiêm túc và thậm chí trang trọng nhất. Quá nhiều thứ sẽ bị lâm nguy với một cách tiếp cận dễ dãi hoặc hời hợt (mặc dù một khiếu hài hước là cần thiết và mang lại ý thức tương xứng với bất kỳ ai đang bước vào Con đường Điểm đạo).

7. The Ancient Mysteries are returning. Their time of restoration is increasingly upon us. Those who realize the true nature of the opportunities presented to them are in a better position to take advantage of those opportunities. Indeed let us take advantage of the presented initiatory opportunities — not for the sake of our own personal welfare, but for humanity's sake, for the sake of the Divine Plan, and most of all, "For the Christ's sake, and the glory of His Name".

7. Những Huyền Nhiệm Cổ Đại đang trở lại. Thời gian phục hồi của chúng ngày càng phụ thuộc vào chúng ta. Những người nhận ra bản chất thực sự của các cơ hội được trao cho họ sẽ ở một vị trí tốt hơn để tận dụng các cơ hội đó. Thật vậy, chúng ta hãy tận dụng những cơ hội điểm đạo được đưa đến — không phải vì lợi ích cá nhân của chúng ta, mà vì lợi ích của nhân loại, vì lợi ích của Thiên cơ, và hơn hết, "Vì lợi ích của Đấng Christ, và sự vinh quang của Danh Ngài".

Initiation involves ceremony. It is this aspect that has been emphasised in the minds of men, perhaps a little to the exclusion of the true significance. Primarily it involves the capacity to see, hear, and comprehend, and to synthesise and correlate knowledge. It does not necessarily involve the development of the psychic faculties, but it does entail the inner comprehension that sees the value underlying the form, and recognises the purpose of pervading circumstances. It is the capacity that senses the lesson to be learnt from any given occurrence and event, and that by means of these comprehensions and recognitions effects an hourly, weekly, [Page 15] yearly growth and expansion. This process of gradual expansion — the result of the definite effort and strenuous right thinking and living of the aspirant himself and not of some occult teacher performing an occult rite — leads to what one might term a crisis.

Điểm Đạo hàm ý nghi lễ. Chính khía cạnh này đã được chú trọng trong thể trí của con người, có lẽ là một lượng nhỏ để loại trừ ý nghĩa đích thực. Chủ yếu thì nó hàm ý năng lực thấy, nghe và hiểu, và tổng hợp, và liên kết kiến thức với nhau. Tất nhiên

Điểm Đạo không hàm ý việc phát triển các quan năng thần thông, mà nó đòi hỏi phải có sự thấu hiểu nội tâm để nhìn thấy giá trị nằm dưới hình tướng, và nhận thức mục đích của các tình huống ở khắp nơi. Đó là năng lực cảm nhận bài học phải được học từ bất kỳ diễn biến và sự kiện nào được đưa ra, và nhờ các thấu hiểu, nhận thức này, nó tạo ra một sự tăng trưởng và mở rộng hằng giờ, hằng tuần, [15] hằng năm. Tiến trình mở rộng dần dần này – kết quả của sự nỗ lực rõ rệt, và việc suy tư và sinh hoạt tích cực, chân chính của chính người tìm đạo, chứ không phải việc thực hiện một nghi thức huyền bí của một huấn sư huyền bí nào đó – dẫn tới điều mà người ta có thể gọi là một bước ngoặt (khủng hoảng).

1. Ceremony is a purposeful, planned, and ordered sequence of actions (both objective and subjective) intended to lead to the accomplishment of certain results — usually the evocation of a serious atmosphere that impresses the consciousnesses of the participants with energy patterns of consequence. In a ceremony the actions performed (whether on the physical, mental, or even higher planes) are serious (solemn), deliberate, and chosen. Very little, if anything, is left to chance or spontaneity. The structure or pattern of the proceedings is known from the first and carefully followed so that the anticipated results will almost certainly follow.

1. Nghi lễ là một chuỗi hành động có mục đích, có kế hoạch và có trật tự (cả khách quan và chủ quan) nhằm dẫn đến việc đạt được những kết quả nhất định — thường là việc gọi lên một bầu không khí nghiêm túc gây ấn tượng với tâm thức của những người tham gia bằng các kiểu mẫu năng lượng trọng đại. Trong một buổi lễ, các hành động được trình diễn (cho dù trên cõi hồng trần, trí tuệ, hoặc thậm chí cao hơn) nghiêm trang (trang trọng), có chủ ý và được lựa chọn. Rất ít, nếu có bất cứ điều gì, được để mặc cho sự tình cờ hoặc tự phát. Cấu trúc hoặc khuôn mẫu/ mô hình của cách tiến hành được biết trước ngay từ đầu và được tuân thủ cẩn thận để các kết quả đã dự đoán trước gần như chắc chắn sẽ theo sau.

1. As ceremonies are presently approached by modern humanity, the more subjective aspects of ceremonial work are insufficiently emphasized and the minds of the ‘performers’ are often focussed more upon right external enactment rather than upon the causative dynamic and inner meaning. The consciousness of most human beings is still quite objectively focussed, and, for that reason, physical plane happenings and events seem more ‘real’ than their subjective counterparts.

1. Khi các nghi lễ hiện đang được tiếp cận bởi nhân loại hiện đại, các khía cạnh chủ quan hơn của hoạt động nghi lễ không được nhấn mạnh một cách đầy đủ và cái trí của “những người trình diễn” thường tập trung nhiều hơn vào sự thể hiện đúng bên ngoài hơn là dựa vào động lực nguyên nhân và ý nghĩa bên trong. Tâm thức của hầu hết nhân loại vẫn tập trung một cách khá khách quan, và vì

lý do đó, các diễn biến và sự kiện trên cõi hồng trần dường như 'thực' hơn so với các diễn biến tương ứng bên trong chủ quan của họ.

2. It is interesting to realize, however, that the deeper processes of initiation are *not* ceremonial — strictly speaking. The initiation process becomes, if anything, progressively less formal as the process progresses, and the “higher” initiations are comparatively non-ceremonial. Only the first and second initiations (both of them, “initiations of the threshold”) are destined to be enacted in external ceremonies on the physical plane.

2. Tuy nhiên, thật thú vị khi nhận ra rằng những tiến trình sâu hơn của điểm đạo *không phải* là nghi lễ — nói một cách nghiêm túc. Tiến trình điểm đạo, nếu có, dần dần trở nên ít hình thức hơn khi tiến trình tiếp diễn, và những cuộc điểm đạo "cao hơn" tương đối không mang tính nghi lễ. Chỉ có những cuộc điểm đạo đầu tiên và thứ hai (cả hai đều là “cuộc điểm đạo ngưỡng”) được dự định để thực hiện các nghi lễ bên ngoài trên cõi hồng trần.

3. True ceremonies of initiation are, of course, *impressive* in the occult sense, and therefore extremely important. They would not exist were they not a vital confirmation and stabilization of the process of spiritual growth. But, as the minds of aspirants and disciples becomes more subjectively focussed, any excessive emphasis upon the outer, ceremonial aspect of initiation will be wisely reduced. Such an emphasis is parallel to the emphasis upon outer purification (the physical disciplines, etc.) rather than the purification of the psychological nature. These misguided emphases are all a result of a materialistic bias in the consciousness of modern man. But a death blow has been struck at materialism, and with it the undue emphasis upon matter and form will wane.

3. Tất nhiên, các nghi lễ điểm đạo thực sự gây *ấn tượng* theo nghĩa huyền bí, và do đó cực kỳ quan trọng. Chúng sẽ không tồn tại nếu chúng không phải là sự xác nhận và sự làm ổn định quan trọng của quá trình phát triển tâm linh. Nhưng, khi thể trí của những người chí nguyện và đệ tử trở nên tập trung ở bên trong (nội tâm) hơn, bất kỳ sự chú trọng quá mức nào đến khía cạnh nghi lễ bên ngoài của việc điểm đạo sẽ được giảm bớt một cách sáng suốt. Sự nhấn mạnh như vậy tương tự với việc nhấn mạnh vào sự thanh lọc bên ngoài (các kỉ luật thể xác, v.v.) hơn là sự thanh lọc bản chất tâm lý. Tất cả những quan điểm sai lầm này đều là kết quả của một sự thiên lệch mang tính vật chất trong tâm thức của con người hiện đại. Nhưng một đòn chí mạng đã giáng vào chủ nghĩa duy vật, và với nó, sự chú trọng quá mức vào vật chất và hình tướng sẽ suy yếu.

4. Growth of psychic faculty may or may not accompany initiation. More important is insight, comprehension, and the ability to synthesize and correlate knowledge. We can see that initiation confers a growing sense of integration and wholeness; it is, in a way, a method for ‘reassembling the

world — psycho-spiritually' (thus overcoming the sense of separation and separativeness).

4. Sự phát triển của năng lực ngoại cảm có thể có hoặc không đi kèm với việc điếm đạo. Quan trọng hơn là tri kiến, thấu hiểu, bao quát, khả năng tổng hợp và phối hợp kiến thức. Chúng ta có thể thấy rằng điếm đạo mang lại ý thức hợp nhất và tổng thể ngày càng tăng; theo một cách nào đó, nó là một phương pháp để 'tập hợp lại thế giới — về mặt tâm lý-tinh thần' (do đó vượt qua ý thức chia rẽ và tách biệt).

5. The Teachers of the race consider that the psychic faculties may act as a deterrent to real spiritual progress if awakened before the third initiation, at which point the *higher* psychic faculties (focussed in the ajna center rather than the solar plexus) begin to demonstrate, and control of the lower psychic faculties (which are still useful) is more easily accomplished.

5. Các Chân sư của nhân loại cho rằng các năng lực ngoại cảm có thể hoạt động như một sự ngăn cản sự tiến bộ tâm linh thực sự nếu được đánh thức trước lần điếm đạo thứ ba, lúc đó các năng lực ngoại cảm *cao hơn* (tập trung ở trung tâm ajna chứ không phải tầng thái dương) bắt đầu thể hiện, và việc kiểm soát các năng lực ngoại cảm thấp hơn (vẫn còn hữu ích) được thực hiện dễ dàng hơn.

6. Comprehension of value behind the form (the gift of Venus) and recognition of the purpose pervading circumstance (the result of the growth of the esoteric sense) are the real indicators that initiation is being achieved. Note the emphasis on *process*, for initiation is not achieved suddenly. The *event* of initiation is the culmination of a long process of spiritual development.

7. The disciple engaged in training for initiation is constantly *learning*. This means that he/she is constantly *harvesting value from experience* (again, a Venusian process).

6. Sự hiểu biết về giá trị đằng sau hình tướng (món quà của Kim tinh) và sự thừa nhận về mục đích thâm nhập khắp các hoàn cảnh (kết quả của sự phát triển của giác quan bí truyền) là những chỉ dẫn thực sự rằng việc điếm đạo đang đạt được. Lưu ý sự nhấn mạnh vào *quá trình*, vì điếm đạo không đạt được một cách đột ngột. *Sự kiện* điếm đạo là đỉnh điểm của một quá trình phát triển tinh thần lâu dài.

7. Đệ tử tham gia vào việc huấn luyện cho điếm đạo không ngừng *học hỏi*. Điều này có nghĩa là anh ấy / cô ấy liên tục *thu hoạch giá trị từ kinh nghiệm* (một lần nữa, một quá trình thuộc Kim tinh).

8. Expansion of consciousness (and with it, on the level of form, the expansion of the aura) is the goal; it is a goal which naturally comes under the influence of the planet of expansion — Jupiter.

9. The expansion is to be a *steady* process. It does not only occur only from year to year, but even from week to week or hour to hour. The Tibetan is calling for a high degree of vigilance, so that precious hours and minutes will not be lost. Many initiates-in-training waste much time, even though theoretically convinced that “time is of the essence” and that they are “busy in the work”.

8. Sự mở rộng của tâm thức (và cùng với nó, trên cấp độ hình tượng, sự mở rộng của hào quang) là mục tiêu; nó là một mục tiêu tự nhiên đến dưới ảnh hưởng của hành tinh của sự mở rộng — Mộc tinh.

9. Việc mở rộng là một quá trình *ổn định*. Nó không chỉ xảy ra từ năm này sang năm khác, mà còn thậm chí từ tuần này sang tuần khác hoặc giờ này sang giờ khác. Chân sư Tây Tạng đang kêu gọi một sự cảnh giác cao độ để không bị mất đi những giờ phút quý giá. Nhiều điểm đạo đồ—đang trong—huấn luyện lãng phí nhiều thời gian, mặc dù đã tin về lý thuyết rằng “thời gian là cốt yếu” và rằng họ “bận rộn với công việc”.

10. The Tibetan is very direct when He says the following:

“This process of gradual expansion — the result of the definite effort and strenuous right thinking and living of the aspirant himself and not of some occult teacher performing an occult rite — leads to what one might term a crisis”.

Responsibility is placed squarely upon the candidate for initiation. No candidate is initiated (ceremonially, by a hierarchical Hierophant) until he/she is *Self*-initiated in the psycho spiritual sense.

10 Chân sư Tây Tạng rất thẳng thắn khi Ngài nói những điều sau:

“Tiến trình mở rộng dần dần này — kết quả của sự nỗ lực rõ rệt, và việc suy tư và sinh hoạt tích cực, chân chính của chính người chí nguyện, chứ không phải việc thực hiện một nghi thức huyền bí của một huấn sư huyền bí nào đó — dẫn tới điều mà người ta có thể gọi là một bước ngoặt”.

Trách nhiệm được đặt lên vai ứng cử viên điểm đạo. Không có ứng cử viên nào được điểm đạo (theo nghi thức, bởi một Đấng điểm đạo của Thánh đoàn) cho đến khi anh ta / cô ta đã *Tự điểm đạo* theo nghĩa tâm lý tinh thần.

11. The process calls for definite effort, strenuous right thinking, and rigorously applied living. Two astrological signs much associated with the first three initiations are Scorpio and Capricorn — ruled respectively by Mars and Saturn both exoterically and esoterically. Taken in combination, these signs and planets produce in the aspirant the tendency towards strenuous labor. They are hardly signs and planets of passivity, and no aspirant who simply ‘waits for the Initiator’ will find himself/herself standing before that Initiator. Again, training for initiation must be *Self*-initiated. We have the Rules

(reliable); we have the Laws (which cannot be evaded). The rest is up to us. The Master, seeing our *correct* and *strenuous* effort, will not be unsupportive.

11. Quá trình này đòi hỏi sự nỗ lực rõ ràng, suy nghĩ đúng đắn tích cực, và áp dụng nghiêm túc vào lối sống. Hai dấu hiệu chiêm tinh liên quan nhiều đến ba lần điểm đạo đầu tiên là Hồ Cáp và Ma Kết — lần lượt được cai quản bởi Hỏa tinh và Thổ tinh cả về mặt ngoại môn và nội môn. Kết hợp với nhau, những dấu hiệu và hành tinh này tạo ra trong người chí nguyện xu hướng làm việc tích cực. Chúng hầu như không phải là những dấu hiệu và hành tinh thụ động, và không có người chí nguyện nào chỉ đơn giản ‘đợi Đấng Điểm đạo’ và sẽ thấy mình đứng trước Đấng Điểm đạo đó. Một lần nữa, việc huấn luyện để điểm đạo phải là *Tự-điểm đạo*. Chúng ta có các Quy Luật (đáng tin cậy); chúng ta có các Định Luật (không thể trốn tránh). Phần còn lại là tùy thuộc vào chúng ta. Chân Sư, nhìn thấy nỗ lực *đúng đắn* và *tích cực* của chúng ta, sẽ không thể không ủng hộ.

12. The paragraph ends with a notation of the effects of gradual initiatory expansion; it will lead to crisis. When consciousness expands, old patterns are seen for what they are, and their continuation is no longer desired or tolerated. The will-to-change becomes very strong, and this places the comfortable habit-patterns of our personality under stress.

12. Đoạn văn kết thúc với một lời chú thích về tác động của việc mở rộng điểm đạo dần dần; nó sẽ dẫn đến khủng hoảng. Khi tâm thức mở rộng, các khuôn mẫu cũ được nhìn thấy đúng với bản chất của chúng, và sự tiếp tục của chúng không còn được mong muốn hoặc chấp nhận. Ý chí-để-thay đổi trở nên rất mạnh mẽ, và điều này khiến các kiểu mẫu-thói quen thoải mái của phạm ngã chúng ta bị căng thẳng.

At this crisis, which necessitates the aid of a Master, a definite act of initiation is performed, which (acting on a particular centre) produces a result on some one body. It keys the atoms to a certain pitch, and enables a new rate of rhythm to be attained.

Ở bước ngoặt này, vốn cần có sự giúp đỡ của một Chân Sư, một động tác điểm đạo nhất định được thực hiện, (tác động vào một luân xa cụ thể) tạo ra một kết quả ở một thể nào đó. Nó nâng âm điệu của các nguyên tử đến một cao độ nhất định, và giúp đạt đến một tốc độ nhịp điệu mới.

1. We are always to use *all* the resources (internal and external) at our disposal before we can expect the help of a Master. So often concerted help from ‘above’ comes “at the eleventh hour” when the candidate’s own resources have been selflessly exhausted.

1. Chúng ta luôn sử dụng *tất cả* các nguồn lực (bên trong và bên ngoài) theo ý của mình trước khi chúng ta có thể mong đợi sự trợ giúp của một Chân sư. Vì

vậy, sự trợ giúp có sự phối hợp thường xuyên từ "phía trên" đến "vào giờ thứ mười một" khi các nguồn lực của chính ứng cử viên đã cạn kiệt một cách vô kể.

2. When the *process* of initiation is correctly Self-initiated and pursued by the aspirant/disciple, an *act* of initiation can be lawfully performed by a Master or Hierophant. The Master can assist with the transference and/or stabilization of energy necessitated to complete the Self-initiated expansion of consciousness. The definite *act* of initiation stabilizes the expansion (which has been occurring for a long time preceding the hierarchical *event* called "initiation") and makes the gains of that lengthy process a permanent acquisition, something that the newly initiated one can always rely upon as stable and readily accessible.

2. Khi *quá trình* điểm đạo được người chí nguyện/đệ tử Tự-khởi xướng và theo đuổi một cách đúng đắn, một *hành động* điểm đạo có thể được thực hiện một cách đúng luật bởi một Chân sư hoặc Đấng Điểm đạo. Chân sư có thể hỗ trợ việc chuyển dịch và / hoặc ổn định năng lượng cần thiết để hoàn thành sự mở rộng tâm thức Tự-khởi xướng. *Hành động* rõ ràng đó của điểm đạo làm ổn định sự mở rộng (đã xảy ra trong một thời gian dài trước *sự kiện* được gọi là "điểm đạo" của Thánh đoàn) và làm cho lợi ích của quá trình kéo dài đó trở thành một quá trình thu nhận lâu dài, điều mà người mới được điểm đạo luôn có thể dựa vào như là ổn định và tiếp cận dễ dàng.

3. There is always a "next step ahead". There is a precise *science* of initiation, and the act of initiation performed by the Master or Hierophant ensures the permanent achievement of that next step. Such a step can be considered a repolarization of consciousness within a new center of activity, and the stabilization of new potentialities of consciousness.

3. Luôn luôn có một "bước tiếp theo ở phía trước". Có một *khoa học* chính xác về điểm đạo, và hành động điểm đạo được thực hiện bởi Chân sư hoặc Đấng Điểm Đạo đảm bảo thành tựu lâu dài của bước tiếp theo đó. Một bước như vậy có thể được coi là sự tái phân cực của tâm thức trong một trung tâm hoạt động mới, và sự ổn định các tiềm năng mới của tâm thức.

4. For instance, during the initiatory process, energy in the etheric body may be oscillating between the solar plexus and the heart. The aspirant works strenuously to promote the elevation of the energy, helping (through the practice of inclusive love-wisdom) the heart center to gain dominance over the solar plexus. The Initiator then applies the Rod of initiation in a specific way to the heart center, helping to strengthen that center with respect to the solar plexus — in effect, helping to stabilize a *new relationship* between these two centers. The emotional body will then be beneficially affected by this definite *act* of initiation, and (with respect to the candidates psychological functioning) love and compassion will more easily take the place of desire and selfishness.

4. Ví dụ, trong quá trình điểm đạo, năng lượng trong thể dĩ thái có thể dao động giữa luân xa tầng thái dương và luân xa tim. Người chí nguyện làm việc tích cực để thúc đẩy sự dâng cao của năng lượng, giúp (thông qua việc thực hành của bác ái-minh triết mang tính bao gồm) luân xa tim giành được sự thống trị đối với luân xa tầng thái dương. Sau đó, Đấng Điểm đạo áp dụng Quyền trượng điểm đạo theo một cách cụ thể vào luân xa tim, giúp tăng sức mạnh của luân xa đó đối với luân xa tầng thái dương — hiệu quả là giúp ổn định *mối quan hệ mới* giữa hai luân xa này. Khi đó, thể cảm dục sẽ được ảnh hưởng một cách có lợi bởi *hành động* điểm đạo rõ ràng này, và (đối với hoạt động tâm lý của các ứng viên) tình thương và lòng trắc ẩn sẽ dễ dàng thay thế cho ham muốn và ích kỷ.

5. The act of initiation is concerned with changing vibration and rhythm in various vehicles of the candidate. The general initiatory approach leads toward increasing the vibratory frequency of the atoms in the chakra or vehicle to which the attention of the Initiator is directed. Probably, in relation to the atoms within any chakra or personality vehicle, there are certain cyclic energy flows or pulsations; the rhythm of these flows is also affected by the application of the Rod, and they are changed according to precise cyclic rhythms the nature of which are known to the Initiator.

5. Hành động điểm đạo liên quan đến việc thay đổi rung động và nhịp điệu trên các vận cụ khác nhau của ứng viên. Phương pháp điểm đạo nói chung dẫn đến việc tăng tần số rung động của các nguyên tử trong luân xa hoặc vận cụ mà sự chú ý của Đấng điểm đạo hướng đến. Có thể có một số dòng năng lượng hoặc rung động tuần hoàn nhất định liên quan đến các nguyên tử trong bất kỳ luân xa hoặc vận cụ phạm ngã nào; nhịp điệu của những dòng này cũng bị ảnh hưởng bởi ứng dụng của Quyền Trượng, và chúng được thay đổi theo nhịp điệu tuần hoàn chính xác mà bản chất của nó đã được Đấng Điểm đạo biết đến.

6. Note that, from this perspective, initiation is a *quasi-musical* process. The factors of pitch and rhythm are key to the musical process. No doubt, in the overall process of initiation, changes of melody and the refinement of harmony are also involved. Initiation is surely, from the musical point of view, a process of harmonization. Each human being is to sound forth correctly and beautifully, within the “solar sonata” of our Solar Logos. If one has heard the *average* children’s orchestra, one knows how far they have to go before sounding like the New York Philharmonic. The initiatory process gradually brings all instrumentalists (and, collectively, the orchestra) to this quality of sounding.

6. Lưu ý rằng, từ quan điểm này, điểm đạo là một quá trình *gần giống như - âm nhạc*. Các yếu tố ca độ và nhịp điệu là chìa khóa của quá trình âm nhạc. Không nghi ngờ gì nữa, trong quá trình điểm đạo nói chung, những thay đổi của giai điệu và sự tinh chỉnh của hòa âm cũng có liên quan. Từ quan điểm âm nhạc, điểm đạo chắc chắn là một quá trình hòa hợp. Mỗi con người phải phát ra âm thanh một cách chính xác và đẹp đẽ, trong “bản sonata thái dương” của Thái

dương Thượng đế của chúng ta. Nếu một người đã nghe dàn nhạc của trẻ em *bình thường*, người ta biết họ phải cố gắng bao nhiêu trước khi nghe như New York Philharmonic. Quá trình điểm đạo dần dần đưa tất cả các nhạc công (và tập thể chung dàn nhạc) đạt đến chất lượng âm thanh này.

This ceremony of initiation marks a point of attainment. It does not bring about attainment, as is so often the misconception. It simply marks the recognition by the watching Teachers of the race of a definite point in evolution reached by the pupil, and gives two things: —

Nghi lễ điểm đạo này đánh dấu một mức độ thành đạt. Nó không mang lại sự thành đạt như thường bị hiểu sai như thế. Nó chỉ đánh dấu sự công nhận của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng người đệ tử đã đạt đến một trình độ tiến hóa nào đó, và cho y hai điều:--

1. The important truth is restated. We attain through the medium of our own efforts, and that attainment is then acknowledged or recognized. Initiation is an “earned right” and an ‘earned *rite*’.
2. The misconception that initiation brings about attainment is rampant among spiritual aspirants (largely because of spiritual dependency and laziness). They always seem to believe that they can *be initiated* according to the will of the Teacher — regardless of what they do or how they have prepared.

1. Sự thật quan trọng được trình bày lại. Chúng ta đạt được thông qua trung gian của những nỗ lực của chính mình, và thành tựu này sau đó được thừa nhận hoặc công nhận. Điểm đạo là một “quyền đạt được” và một “*nghi thức đạt được*”.

2. Quan niệm sai lầm rằng điểm đạo mang lại thành tựu đang phổ biến trong những người chí nguyện tinh thần (phần lớn là vì sự phụ thuộc tinh thần và sự lười biếng). Họ dường như luôn tin rằng họ có thể *được điểm đạo* theo ý định của Huấn sư — bất kể họ làm gì hoặc họ đã chuẩn bị như thế nào.

3. The Teachers do, indeed, watch, and there are a number of degrees of vigilant Watchers. The Master relies upon reports from lesser initiates who, however, are greater in development than the ones they supervise.
4. The Teachers are eager for the students to make progress simply because reliable workers are needed in the massive task of human and planetary redemption. There is no worry that one’s heightening vibration will go unnoticed ‘above’. When a certain vibratory level is achieved, the law demands recognition by those who are in a spiritual position to affirm, confirm and stabilize that level of achievement.

3. Các Huấn sư quả thực có quan sát, và có một số lượng cấp bậc những Người giám sát cẩn mật. Chân sư dựa vào các báo cáo từ những điểm đạo đồ thấp

hơn, tuy nhiên, những người này đang ở một bậc phát triển cao hơn những người mà họ giám sát.

4. Các Huấn sư mong muốn môn sinh tiến bộ đơn giản vì cần có những nhân lực đáng tin cậy trong nhiệm vụ to lớn để cứu chuộc nhân loại và hành tinh. Không cần lo lắng rằng rung động tăng cao của một người sẽ không được chú ý ở "bên trên". Khi đạt được một mức rung động nhất định, luật đòi hỏi sự công nhận bởi những người ở một vị trí tinh thần để khẳng định, xác nhận và ổn định mức độ thành tựu đó.

5. On the other hand, no amount of importunity will capture the Master's attention if a prematurely demanding aspirant has not fulfilled the necessary requirements. There is both exactitude and justice in this process.

5. Mặt khác, không có sự nhũng nhĩu nào sẽ thu hút được sự chú ý của Chân sư nếu một người chí nguyện đòi hỏi một cách vội vã mà chưa hoàn thành các yêu cầu cần thiết. Có cả tính đúng đắn và công bằng trong quá trình này.

(The ceremony of initiation, which is an "act of initiation" gives ...) An expansion of consciousness that admits the personality into the wisdom attained by the Ego, and in the higher initiations into the consciousness of the Monad.

(Nghỉ lễ điểm đạo này đánh dấu một mức độ thành đạt. Nó không mang lại sự thành đạt như thường bị hiểu sai như thế. Nó chỉ đánh dấu sự công nhận của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng người đệ tử đã đạt đến một trình độ tiến hóa nào đó, và cho y hai điều:--)

1. Một sự mở rộng tâm thức cho phép phàm ngã nhập vào minh triết mà Chân Nhân đạt được, và trong các cuộc điểm đạo cao, là vào tâm thức của Chân Thần.

~~This ceremony of initiation marks a point of attainment. It does not bring about attainment, as is so often the misconception. It simply marks the recognition by the watching Teachers of the race of a definite point in evolution reached by the pupil, and gives two things:—~~

~~Nghỉ lễ điểm đạo này đánh dấu một mức độ thành đạt. Nó không mang lại sự thành đạt như thường bị hiểu sai như thế. Nó chỉ đánh dấu sự công nhận của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng người đệ tử đã đạt đến một trình độ tiến hóa nào đó, và cho y hai điều:--~~

1. Consciousness expands until the personality is admitted into the wisdom attained by the Ego. Which Ego? The Ego considered as the consciousness

within the causal body (i.e., the human soul, elevated to the status of Ego because functioning uninhibitedly through the causal body)? Or the Ego considered as the Solar Angel, itself?

1. Tâm thức mở rộng cho đến khi phàm ngã được nhập vào minh triết mà Chân ngã đạt được. Chân ngã nào? Chân ngã được coi là tâm thức bên trong thể nguyên nhân (tức là linh hồn con người, được nâng lên vị thế Chân ngã vì hoạt động một cách không bị ngăn trở thông qua thể nguyên nhân)? Hay bản thân Chân ngã được coi như là Thái dương Thiên thần?

2. Perhaps both views of the meaning of “Ego” are true to a degree. Through any one personality, the human soul cannot express or even understand all of value that has been acquired over many incarnations. But as initiation is approached, increasingly more of the ‘subjective causal treasury’ is made available to the personality consciousness. During the period of the third and fourth initiations, the soul-infused personality is capable of expressing a great deal of the content of the causal body, and becomes, “a man for all seasons” (a truly universal Aquarian, a genius).

2. Có lẽ cả hai quan điểm về ý nghĩa của “Chân ngã” đều đúng ở một mức độ nào đó. Thông qua bất kỳ một phàm ngã nào, linh hồn con người (‘nhân hồn’) không thể thể hiện hoặc thậm chí hiểu được tất cả giá trị đã có được qua nhiều lần hóa thân. Nhưng khi sự điểm đạo được tiếp cận, ngày càng có nhiều ‘kho tàng nhân thể bên trong’ được cung cấp cho tâm thức phàm ngã. Trong khoảng thời gian điểm đạo từ thứ ba đến thứ tư, phàm ngã được linh hồn-thấm nhập có khả năng thể hiện rất nhiều nội dung của thể nguyên nhân, và trở thành, “một người tài năng và thành công ở nhiều lĩnh vực” (một người Bảo Bình phổ quát thực sự, một thiên tài).

3. The initiatory process gradually raises us to the “feet of the Solar Angel”. The Solar Angel is a “returning Nirvani from a previous Mahamanvantara”. There is no way that a human being can presently understand and express *all* that a Solar Angel is. The Solar Angel and the human being are entirely different orders of life, and a great developmental gulf lies between them. But at least *something* of the consciousness of this “Higher Ego” can be accessed and made manifest through the personality. The Solar Angel wishes to *give* to its personality. The results of the human soul’s Self-applied training during the initiation process makes this giving increasingly possible because the personality’s spiritual receptivity has become sufficient. Thus, Self-initiated initiatory training makes the personality fit to *receive, hold and express* a portion of the quality and potency of the Solar Angel.

3. Quá trình điểm đạo dần dần nâng chúng ta đến “bàn chân của Thái dương Thiên thần”. Thái dương Thiên thần là một “Nirvani trở lại từ Mahamanvantara trước đây”. Không có cách nào mà một con người hiện nay có thể hiểu và thể hiện được *tất cả* những gì mà một Thái dương Thiên thần là. Thái dương Thiên

thần và con người là những cấp bậc sự sống hoàn toàn khác nhau, và có một hố sâu phát triển to lớn nằm giữa họ. Nhưng ít nhất có một *cái gì đó* của tâm thức “Chân Ngã Cao hơn” này có thể được tiếp cận và thể hiện thông qua phạm ngã. Thái dương Thiên thần mong muốn *ban cho* phạm ngã của nó. Kết quả của quá trình linh hồn con người tự rèn luyện trong quá trình điếm đạo làm cho việc ban tặng này ngày càng khả thi vì khả năng tiếp nhận tinh thần của phạm ngã đã trở nên đầy đủ. Vì vậy, việc rèn luyện điếm đạo Tự thân làm cho phạm ngã phù hợp để *tiếp nhận, nắm giữ và thể hiện* một phần phẩm chất và năng lực của Thái dương Thiên thần.

4. Note that it is “Wisdom” that is attained, and Wisdom always relates to the eternal verities, to the knowledge of things as the *Logos* sees them — whichever *Logos* it may be. As spirit/triads we are part of a *Logos*, and thus can learn to see, understand and apply with Wisdom.

4. Lưu ý rằng đó là “Minh triết” thu đạt được, và Minh triết luôn liên quan đến những chân lý vĩnh cửu, với kiến thức của sự vật như *Thượng đế* thấy chúng— dù cho đó có thể là bất kỳ *Thượng đế* nào. Như là tinh thần / tam nguyên tinh thần, chúng ta là một phần của *Thượng đế*, và do đó có thể học cách thấy, hiểu và vận dụng Minh triết.

5. As monads we are *already* highly accomplished in ways not easily understood by the personality consciousness. We *already* have stores of knowledge from the cosmo-historical experiences of the monad (experiences which occurred *before* the monad became involved in Earth’s redemptive process). As well, the monad has the continual awareness of *oneness*.

5. Như là các chân thần, chúng ta *đã đạt* được thành tựu cao theo những cách mà tâm thức phạm ngã không dễ dàng hiểu được. Chúng ta *đã* có kho kiến thức từ những trải nghiệm lịch sử-vũ trụ của chân thần (những trải nghiệm xảy ra *trước khi* chân thần tham gia vào quá trình cứu chuộc trên Trái đất). Đồng thời, chân thần có nhận thức liên tục về tính *duy nhất*.

6. The higher initiations admit the soul-infused personality into that which the monad *knows* and *is*. In a way, we are thereby admitted into the ‘Presence of Ourselves’. We are restored to our own higher nature, which is so powerful that the relatively fragile emanation of that higher nature (which is called the “personality”) could not withstand the Presence of that higher nature without initiatory training and experience. The first aspect of the divinity is the *last* to emerge into manifestation.

7. Through the process of initiation, we grow into what we already *are*.

6. Các cuộc điếm đạo cao hơn thu nhận phạm ngã được linh hồn-thẩm nhập vào cái mà chân thần *biết* và đang *là*. Theo một cách nào đó, chúng ta được nhận vào ‘Đấng Hiện diện của Chính mình’. Chúng ta được phục hồi về bản chất cao hơn của chính mình, cái mạnh mẽ đến nỗi sự phát xạ tương đối mỏng manh của bản chất cao hơn (được gọi là “phạm ngã”) không thể chịu được Đấng Hiện

diện với bản chất cao hơn đó nếu không có sự huấn luyện và kinh nghiệm điếm đạo. Khía cạnh đầu tiên của thiên tính là khía cạnh *cuối cùng* xuất hiện biểu lộ.

7. Thông qua quá trình điếm đạo, chúng ta phát triển thành những gì chúng ta đã là.

2. A brief period of enlightenment wherein the initiate sees that portion of the Path that lies ahead to be trodden, and wherein he shares consciously in the great plan of evolution.

2. Một khoảng thời gian giác ngộ ngắn ngủi, trong đó điếm đạo đồ nhìn thấy giai đoạn sắp tới của Thánh đạo phải bước lên, và trong đó y hữu thức tham dự vào kế hoạch tiến hóa vĩ đại.

1. There is always a next step ahead. The Solar/Angel knows what this step should be, and even the human soul, when liberated (during sleep) and more fully (at the death of the personality) into its causal body on the higher mental plane, knows much more than it normally does when confined to its own, normal personality consciousness — consciousness predominantly limited by the physical brain.

1. Luôn có một bước tiếp theo ở phía trước. Thái dương Thiên thần biết bước này phải như thế nào, và ngay cả linh hồn con người, khi được giải phóng (trong khi ngủ) và hoàn toàn hơn (vào lúc phạm ngã chết) vào thể nguyên nhân của nó trên cõi thượng trí, vốn biết nhiều hơn bình thường khi bị giới hạn trong tâm thức phạm ngã thông thường của chính nó — tâm thức chủ yếu bị giới hạn bởi não bộ vật lý.

2. It is not good to see *too far* ahead, because this could easily destroy the necessary concentration on the present 'area of sacrificial confinement'. The Solar Angel is practical (as is the Initiator).

3. We need to see far enough ahead to give ourselves a firm sense of direction and the incentive to move in that direction. "Where there is no vision the people perish". Where there is *too much* vision, the people may not attend to their present duties.

2. Không nên nhìn *quá xa* về phía trước, bởi vì điều này có thể dễ dàng phá hủy sự tập trung cần thiết trên 'khu vực giới hạn sự hy sinh' hiện tại. Thái dương Thiên thần là thực tế (Đấng Điếm đạo cũng vậy).

3. Chúng ta cần nhìn thấy đủ xa để tạo cho mình một định hướng vững chắc và động lực để đi theo hướng đó. "Nơi nào không có tầm nhìn, con người sẽ lụi tàn". Ở những nơi có *quá nhiều* tầm nhìn, con người có thể không thực hiện các bổn phận hiện tại của họ.

4. The personality consciousness, for the most part, forgets what has been 'seen' during the initiation ceremony, but some pattern of guidance remains in the background, and serves as a kind of "inner monitor" to correct missteps and divergences from the intended path.

4. Tâm thức phàm ngã phần lớn quên đi những gì đã 'nhìn thấy' trong buổi lễ điểm đạo, nhưng một số mô hình hướng dẫn vẫn còn trong kinh nghiệm, và đóng vai trò như một kiểu "giám sát bên trong" để điều chỉnh những bước đi sai và lệch hướng khỏi con đường đã định.

5. So many of us are internally guided by that which we cannot quite remember in detail. Perhaps, in the highest moments of our meditation we may raise into states of sufficient vibratory frequency to re-apprehend that which has already been inwardly shown to us. At such moments our conviction as to our destiny is greatly affirmed, and we seem to know, spiritually, what we are doing and where we are going.

5. Rất nhiều người trong chúng ta được hướng dẫn bên trong bởi điều mà chúng ta không thể nhớ chi tiết. Có lẽ, trong những khoảnh khắc cao nhất của thiền định, chúng ta có thể nâng lên vào trạng thái có tần số rung động đủ để hiểu lại điều đã được hiển thị bên trong cho chúng ta. Vào những thời điểm đó, niềm tin của chúng ta về số phận của mình được khẳng định rất nhiều, và chúng ta dường như biết, về mặt tinh thần, chúng ta đang làm gì và chúng ta sẽ đi đâu.

After initiation, the work to be done consists largely in making that expansion of consciousness part of the equipment for the practical use of the personality, and in mastering that portion of the path that has yet to be traversed.

Sau khi điểm đạo, công việc cần thiết chủ yếu là phải làm sao cho việc mở rộng tâm thức ấy thành một phần lợi thế cho việc sử dụng thực tế của phàm ngã, và trong việc chủ trì phần đó của thánh đạo còn chưa được vượt qua.

1. Initiation is a bestowal of quality and power. The bestowal occurs on the higher mental plane and resonates with particular lunar vehicles depending upon which initiation is undergone.
2. The quality and power, however, have to be "worked into" the substance of the lower vehicles, and this takes time. The Tibetan has suggested that it might take 14 years, or about half a Saturn cycle.

"When a man starts out to follow the path of occult meditation, it takes well-nigh fourteen years to rebuild the subtle bodies, and incidentally the physical." (LOM 130)

1. Điểm đạo là sự ban tặng phẩm chất và quyền năng. Sự ban tặng xảy ra trên cõi thượng trí và cộng hưởng với các vận cụ nguyệt tinh cụ thể tùy thuộc vào cuộc điểm đạo được trải qua.

2. Tuy nhiên, phẩm chất và quyền năng phải được "thêm vào" chất liệu của các thể thấp hơn, và điều này cần thời gian. Chân sư Tây Tạng cho rằng có thể mất 14 năm, hoặc khoảng nửa chu kỳ Thổ tinh.

"Khi một người bắt đầu đi theo con đường thiên huyền bí, phải mất mười bốn năm để xây dựng lại cơ thể vi tế, và nhân tiện cả thể chất." (LOM 130)

1. Revelation is one thing; hard work follows revelation, just as it preceded it.
2. Spiritual practicality is the goal. Each initiate strives to be a practical mystic (which is a practicing, serving occultist with an open heart and illumined mind).

1. Sự mặc khải là một chuyện; làm việc chăm chỉ phải theo sau sự mặc khải, giống như trước đó nó vẫn thế.

2. Sự thực tế tinh thần là mục tiêu. Mỗi điểm đạo đồ cố gắng để trở thành một nhà thần bí thực tế (là một nhà huyền bí thực hành, phụng sự với một trái tim rộng mở và trí tuệ được soi sáng).

3. On the Path of Initiation it pays to know exactly what we are doing and to pursue our duties with unending patience. The more mature we are spiritually, the more we are capable of doing this.

3. Trên Con đường Điểm đạo, thật đáng giá để biết chính xác những gì chúng ta đang làm và theo đuổi nhiệm vụ của mình với sự kiên nhẫn không ngừng nghỉ. Càng trưởng thành về mặt tinh thần, chúng ta càng có nhiều khả năng làm điều này.

The place and effect of Initiation

The ceremony of initiation takes place on the three higher sub-planes of the mental plane, and on the three higher planes, according to the initiation. The five-pointed star, at the initiations on the mental plane, flashes out above [Page 16] the head of the initiate. This concerns the first initiations which are undergone in the causal vehicle. It has been said that the first two initiations take place upon the astral plane, but this is incorrect, and the statement has given rise to a misunderstanding. They are felt profoundly in connection with the astral and physical bodies and the lower mental, and affect their control. The chief effect being felt in those bodies the initiate may interpret them as having taken place on the planes concerned, as the vividness of the effect and the stimulation of the first two initiations work out largely in the astral body. But it must ever be remembered that the major initiations are taken in the causal body or — dissociated from that body — on the buddhic plane or atmic plane.

Nơi chốn và hiệu quả của điểm đạo

Lễ điểm đạo diễn ra trên ba phân cảnh cao của cõi trí, và trên ba cõi cao hơn, tùy theo cuộc điểm đạo. Ở các cuộc điểm đạo trên cõi trí, ngôi sao năm cánh chiếu sáng bên trên [16] đầu của điểm đạo đồ. Điều này liên quan đến các cuộc điểm đạo đầu tiên được trải qua trong thể nguyên nhân. Người ta đã nói rằng hai cuộc điểm đạo đầu tiên diễn ra trên cõi cảm dục, nhưng điều này không đúng, và phát biểu này đã gây ra một sự hiểu lầm. Hai cuộc điểm đạo này được cảm nhận sâu sắc liên quan đến thể cảm dục và thể xác, và thể hạ trí, và ảnh hưởng việc kiểm soát chúng. Ảnh hưởng chủ yếu được cảm thấy trong các thể này, nên điểm đạo đồ có thể giải thích chúng như đã xảy ra trên các cõi có liên quan, vì tính chất sống động của hiệu quả và sự kích thích của hai cuộc điểm đạo đầu tiên thể hiện phần lớn trong thể cảm dục. Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng các cuộc điểm đạo chính được diễn ra trong thể nguyên nhân, hoặc – bị tách ra khỏi thể đó – trên cõi bồ đề hay cõi niết bàn (atmic).

The Tibetan clears up some misconceptions concerning the 'location' of the initiation ceremony. The actual location is the higher three subplanes of the mental plane. The lower planes of the personality (and the vehicles composed of the matter-force of those planes) are affected according to the particular initiation and the particular subplane of the higher mental plane upon which that initiation occurred. It is easy to see how the misinterpretation can arise that initiations are taken *in* particular vehicles of the personality, since the major effect is *felt* in those vehicles.

Chân sư Tây Tạng làm sáng tỏ một số quan niệm sai lầm liên quan đến "địa điểm" của buổi lễ điểm đạo. Vị trí thực tế là ba cõi phụ cao của cõi trí. Các cõi thấp hơn của phàm ngã (và các vận cụ cấu tạo bởi lực vật chất của các cõi đó) bị ảnh hưởng tùy theo cuộc điểm đạo cụ thể và cõi phụ cụ thể của cõi thượng trí nơi mà diễn ra cuộc điểm đạo đó. Có thể dễ dàng nhận thấy cách hiểu sai có thể phát sinh rằng việc điểm đạo được thực hiện *trong* các vận cụ cụ thể của phàm ngã, vì tác động chính được *cảm nhận* ở những vận cụ đó.

1. The flashing forth of the star is particularly associated with the first three initiations. At the third initiation the initiate definitely sees the star. At the first two initiations, the star may shine forth, but it is not the specific registration of the initiation who, instead, "sees the light". Perhaps at these first two initiations the "star" is 'above' rather than 'before' the initiate.

1. Sự lóe sáng của ngôi sao đặc biệt liên quan đến ba lần điểm đạo đầu tiên. Ở lần điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ chắc chắn *nhìn thấy* ngôi sao. Ở hai lần điểm đạo đầu tiên, ngôi sao có thể tỏa sáng, nhưng đó không phải là sự ghi nhận cụ thể của điểm đạo đồ "nhìn thấy ánh sáng". Có lẽ, ở hai lần điểm đạo đầu tiên, "ngôi sao" nằm ở 'phía trên' hơn là 'trước' điểm đạo đồ.

2. The first initiation affects the control of the etheric-physical body. Does it occur on the third subplane of the mental plane? We are told that after initiation the causal body of the initiate is refocussed on the second subplane

of the higher mental plane. Analogy suggests that the second initiation occurs on the second subplane of the higher mental plane and the third initiation on the first subplane. We will have to study elsewhere in the Teaching to confirm this thought.

2. Cuộc điểm đạo đầu tiên ảnh hưởng đến sự kiểm soát của cơ thể vật lý-dĩ thái. Nó có xảy ra trên cõi phụ thứ ba của cõi trí hay không? Chúng ta được biết rằng sau khi điểm đạo, thể nguyên nhân của điểm đạo đã được tái tập trung vào cõi phụ thứ hai của cõi thượng trí. Sự tương tự gợi ý rằng cuộc điểm đạo thứ hai xảy ra trên cõi phụ thứ hai của cõi thượng trí và cuộc điểm đạo thứ ba trên cõi phụ thứ nhất. Chúng ta sẽ phải nghiên cứu những chỗ khác trong Giáo lý để xác nhận tư tưởng này.

3. Initiations higher than the third, are taken outside the confines of the causal body. At the fourth initiation the causal body reaches fulfillment, is ripe for destruction. Buddhist apprehension is confirmed at that degree, so at least some association with the buddhic plane during that particular initiation process (the fourth) is required.
4. The fifth initiation corresponds to atma, and so an atmic focus is most probably part of that initiatory event.

3. Điểm đạo cao hơn lần thứ ba, được thực hiện ngoài giới hạn của thể nguyên nhân. Ở lần điểm đạo thứ tư, thể nguyên nhân đạt đến sự viên mãn, đã chín muồi để phá hủy. Sự hiểu biết bồ đề được xác nhận ở mức độ đó, vì vậy bắt buộc phải có ít nhất một số kết nối với cõi bồ đề trong quá trình điểm đạo cụ thể đó (cuộc điểm đạo thứ tư).

4. Cuộc điểm đạo thứ năm tương ứng với cõi atma, và do đó, một sự tập trung vào cõi atmic có lẽ là một phần của sự kiện điểm đạo này.

At the final two initiations which set a man free from the three worlds, and enable him to function in the body of vitality of the Logos and wield that force, the initiate becomes the five-pointed star and it descends upon him, merges in him, and he is seen at its very centre. This descent is brought about by the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the Planetary Logos of which he is a part, and this consciously. The two initiations called the sixth and seventh take place on the buddhic and atmic planes; the five-pointed star "blazes forth from within itself," as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters within the flame.

Ở hai cuộc điểm đạo sau cùng giải thoát con người ra khỏi tam giới, giúp y có thể hoạt động trong thể sinh lực của Thượng Đế, và vận dụng mãnh lực đó, điểm đạo đã trở thành ngôi sao năm cánh, nó giáng xuống trên y, hợp nhất trong y, và y được thấy ở ngay trung tâm của nó. Sự giáng xuống này được mang lại bởi tác động của Đấng Điểm Đạo, Ngài vận dụng Quyền Trượng, và đặt một người tiếp xúc với trung tâm trong Cơ Thể của Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó, và y ý thức

điều này. Hai cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy diễn ra trên cõi Bồ đề và Niết bàn, ngôi sao năm cánh “cháy sáng rực từ bên trong chính nó”, nói theo cụm từ nội môn, và trở thành ngôi sao bảy cánh: nó giáng xuống trên điểm đạo đồ và y nhập vào trong ngọn lửa.

1. Some of the results of the fourth and fifth initiations are here discussed. They are here called “the final two initiations” although they are only relatively final. Four more initiations are possible. But for the program which, through initiation, makes a man a Master of the Wisdom, they are sufficiently final to be considered as such.

1. Một số kết quả của cuộc điểm đạo thứ tư và thứ năm được thảo luận ở đây. Ở đây chúng được gọi là “hai cuộc điểm đạo cuối cùng” mặc dù chúng chỉ là cuối cùng một cách tương đối. Có thể có thêm bốn cuộc điểm đạo nữa. Nhưng đối với chương trình mà, thông qua việc điểm đạo, biến một người trở thành một Chân sư Minh triết, thì chúng cũng đủ để được coi là cuối cùng như vậy.

2. The dynamics of the “star of initiation” are discussed. Not only does a man see the star, as he does at the third initiation, but he *becomes* the star. A Master of the Wisdom *is* a perfected five-pointed star. He has become a mature and masterful representative of the Fifth Kingdom of Nature.
3. The “descent of the star” of initiation is a process which facilitates an act of *identification*. The advanced initiate is consciously growing into the life, consciousness and body of Sanat Kumara (one of Whose symbols is the five-pointed star).

2. Các động lực của “ngôi sao điểm đạo” đã được thảo luận. Một người không chỉ *nhìn thấy* ngôi sao, như khi anh ta thấy ở lần điểm đạo thứ ba, mà còn *trở thành* ngôi sao. Vị Chân sư Minh triết là một ngôi sao năm-cánh hoàn thiện. Vị ấy đã trở thành một đại diện trưởng thành và bậc thầy của Giới Thứ Năm.

3. Sự “giáng xuống của ngôi sao” của việc điểm đạo là một quá trình tạo điều kiện cho một hành động *đồng hóa*. Vị điểm đạo đồ bậc cao đang phát triển một cách có ý thức vào sự sống, tâm thức và cơ thể của Đấng Sanat Kumara (một trong những biểu tượng của Đấng là ngôi sao năm-cánh).

4. Each human being, as a monad, is a part of one of the centers of the Planetary Logos. Perhaps the major monadic ray gives the clue concerning *which* center. There would then be a threefold choice, and the Master of the Wisdom, for instance, could discover Himself to be a cell within either the throat, heart or head center of the Planetary Being. The ajna center is also to be considered. It is unlikely that human units would be aspects of the lower centers of the Planetary Logos.

4. Mỗi con người, như một chân thân, là một phần của một trong những trung tâm của Hành tinh Thượng đế. Có lẽ cung chân thân chính cho manh mối liên quan đến trung tâm nào. Sau đó sẽ có ba sự lựa chọn, chẳng hạn như Chân sư Minh triết, có

thể phát hiện ra chính Ngài là một tế bào trong cỗ hợng, trái tim hoặc trung tâm đầu của Hành tinh Thượng đế. Trung tâm ajna cũng được xem xét. Không chắc rằng các đơn vị nhân loại sẽ là các khía cạnh của các trung tâm thấp hơn của Hành tinh Thượng đế.

5. In order to keep a proportional perspective, it should be realized that the Fifth Creative *Hierarchy* (the Solar Angels) is more advanced than the Fifth *Kingdom* of Nature. Members of the Fifth Creative Hierarchy have already passed through the fifth and sixth kingdoms of nature (or equivalent kingdoms) in other Mahamanvantaras. Some probably have entered the seventh kingdom (the kingdom of Solar Lives).

5. Để giữ một quan điểm tỉ lệ, cần nhận ra rằng *Huyền giai* Sáng tạo thứ Năm (các Thái dương Thiên thần) tiên tiến hơn *Giới Tự nhiên* Thứ năm. Các thành viên của *Huyền giai* Sáng tạo thứ Năm đã đi qua các giới tự nhiên thứ năm và thứ sáu (hoặc các giới tương đương) ở các Mahamanvantaras khác. Một số có thể đã vào giới thứ bảy (giới của Sự sống Thái dương).

6. The “body of vitality” of the Solar Logos is the four higher ethers of the cosmic physical plane — our normal buddhic, atmic, monadic and logocic systemic planes. An initiate of the fourth and fifth degrees has really begun (from the Solar Logocic perspective) to *live* and so it is fitting that he/she be transferred into the body of vitality of the greater Life.

6. “Thể sinh lực” của Thái dương Thượng đế là bốn cõi phụ dĩ thái cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ — các cõi hệ thống bồ đề, atmic, chân thần và cõi thượng đế (ND: cõi tối đại niết bàn) thông thường của chúng ta. Một điểm đạo đồ ở cấp độ thứ tư và thứ năm đã thực sự bắt đầu (từ quan điểm Thái dương Thượng đế) để *sống* và vì vậy thật phù hợp khi anh ta / cô ta được chuyển vào thể sinh lực của Sự sống lớn hơn.

7. Although the fourth and fifth initiations are correlated with the buddhic and atmic access, we learn that the sixth and seventh initiations actually “take place” on the buddhic and atmic planes, respectively. The fourth and sixth initiations are related as are the fifth and seventh. Probably, the difference in the manner of relation of the fourth and sixth initiations to the buddhic plane, and the difference in the manner of relation of the fifth and seventh initiations to the atmic plane, relates to the *degree of mastery* of the plane achieved by the initiate. While a fourth degree initiate is increasingly polarized upon the buddhic plane, a sixth degree initiate would be a complete *master* of that plane and be able to wield its energies almost automatically. While a fifth degree initiate is increasingly polarized upon the atmic plane, a seventh degree initiate would be a complete master of the atmic plane and be able to wield its energies almost automatically.

7. Mặc dù cuộc điểm đạo thứ tư và thứ năm tương quan với sự tiếp cận tới cõi bồ đề và atmic, chúng ta biết rằng cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy thực sự “diễn ra” trên cõi bồ đề và atmic, một cách tương ứng. Cuộc Điểm đạo thứ tư và thứ sáu có liên quan với nhau như cuộc điểm đạo thứ năm và thứ bảy. Có thể, sự khác biệt về cách thức liên hệ của cuộc điểm đạo thứ tư và thứ sáu với cõi bồ đề, và sự khác biệt về cách thức liên hệ của cuộc điểm đạo thứ năm và thứ bảy với cõi atmic, liên quan đến *mức độ làm chủ* cõi giới đạt được của điểm đạo đó. Trong khi điểm đạo bậc bốn ngày càng phân cực trên cõi bồ đề, thì vị điểm đạo đồ bậc sáu sẽ là một *bậc thầy* hoàn thiện của cõi đó và có thể sử dụng năng lượng của nó gần như tự động. Trong khi điểm đạo bậc năm ngày càng phân cực trên cõi atmic, thì điểm đạo đồ bậc bảy sẽ là người làm chủ hoàn toàn cõi atmic và có thể sử dụng năng lượng của nó gần như tự động.

8. The following thoughts from A Treatise on Cosmic Fire are relevant to our discussion:

“When man has attained the consciousness of the buddhic plane, he has raised his consciousness to that of the Heavenly Man in whose body he is a cell. This is achieved at the fourth Initiation, the liberating initiation. At the fifth Initiation he ascends with the Heavenly Man on to the fifth plane (from the human standpoint), the atmic, and at the sixth he has dominated the second cosmic ether and has monadic consciousness and continuity of function. At the seventh Initiation he dominates the entire sphere of matter contained in the lowest cosmic plane, escapes from all etheric contact, and functions on the cosmic astral plane.” (TCF 121)

8. Những suy nghĩ sau đây từ cuốn Luận về lửa càn khôn (A Treatise on Cosmic Fire) có liên quan đến cuộc thảo luận của chúng ta:

“Khi con người đã đạt đến tâm thức của cõi Bồ đề, thì y đã nâng tâm thức của y đến tâm thức của Thiên Nhân (Hành Tinh Thượng Đế) mà trong cơ thể của Ngài, y là một tế bào. Điều này được thành đạt vào cuộc điểm đạo thứ tư, cuộc điểm đạo giải thoát (the liberating initiation). Vào cuộc điểm đạo thứ năm, cùng với Thiên Nhân, người vượt lên cõi thứ năm (theo quan điểm nhân loại) tức cõi Niết bàn và vào cuộc điểm đạo thứ sáu, người chế ngự được chất dĩ thái vũ trụ thứ hai và có được tâm thức chân thần (monadic consciousness) cùng sự liên tục trong chức năng. Vào cuộc điểm đạo bảy, Ngài chế ngự toàn thể lĩnh vực vật chất được chứa trong cõi vũ trụ thấp nhất, thoát khỏi mọi sự tiếp xúc dĩ thái và hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ. (TCF 121)

”For instance, an adept can work with forms and force within [Page 451] the ring-pass-not of his own planetary Logos within the three worlds, within the ring-pass-not of the polar opposite of his Logos, or within the ring-pass-not of three planetary Logoi who form a systemic triangle. He cannot exhibit this power in the higher planes nor within the spheres of the synthesising and neutral schemes. After the sixth Initiation his power extends to the two planes beyond the three worlds, the buddhic and the atmic, and within the spheres of the entire Brahma aspect as we visualise it as the totality of the schemes of the five Kumaras who are Brahma. At

the seventh Initiation he has power on all the seven planes and within the entire number of schemes; all the Sacred Words are then his and he can work in matter of all grades, sound all notes, and control all types of force. He stands ready then to guide the life to regions outside the solar sphere of influence.” (TCF 450-451)

“Thí dụ, một vị La hán (adept) có thể tác động với các hình hài và mãnh lực bên trong vòng giới hạn của riêng Đức Hành Tinh Thượng Đế của vị đó trong tam giới, bên trong vòng-giới-hạn của đối cực của Thượng Đế của Ngài, hay là bên trong vòng-giới-hạn của 3 Đức Hành Tinh Thượng Đế đang hợp thành một tam giác của thái dương hệ. Vị La hán đó không thể đưa ra mãnh lực này trong các cõi cao cũng như không ở trong phạm vi của các hệ hành tinh tổng hợp và trung lập. Sau cuộc điểm đạo thứ 6, năng lực của Ngài trải rộng đến 2 cõi nằm ngoài 3 cõi thấp, là cõi Bồ đề và Niết Bàn, và bên trong phạm vi của toàn thể trạng thái Brahma khi chúng ta hình dung nó như là toàn thể các hệ thống của 5 vị Kumaras vốn là Brahma. Vào cuộc điểm đạo 7, Ngài có được huyền năng trên cả 7 cõi và trong toàn bộ số hệ hành tinh; mọi Linh Từ lúc bấy giờ thuộc về Ngài và Ngài có thể tác động trong vật chất thuộc mọi cấp, ngân lên mọi nốt và kiểm soát mọi loại thần lực. Lúc bấy giờ Ngài sẵn sàng dẫn dắt sự sống đến các vùng bên ngoài phạm vi ảnh hưởng của thái dương.” (TCF 450-451)

9. It cannot be denied that the sixth and seventh initiations (though sometimes associated with the buddhic and atmic planes) *also* have a definite connection to the monadic and logocic planes respectively. The Christ (now a seventh degree initiate in-process) is polarized upon the logocic plane. Of course, His power upon the atmic plane would be far greater than His power upon the logocic.

9. Không thể phủ nhận rằng cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy (mặc dù đôi khi được liên kết với các cõi bồ đề và atmic) *cũng* có một mối liên hệ xác định với cõi chân thần và thượng đế tương ứng. Đức Christ (hiện đang trong diễn trình của điểm đạo đồ bậc bảy) phân cực trên cõi Thượng đế. Tất nhiên, sức mạnh của Ngài trên cõi atmic sẽ lớn hơn nhiều so với sức mạnh của Ngài trên cõi Thượng đế.

10. Two initiations till higher than the fourth and fifth are discussed. The ‘location’ of these initiations has already been mentioned, and different possible perspectives noted. The dynamics of the five-pointed star related to the sixth and seventh initiations are, however, different from those at the fourth and fifth initiations. The five-pointed star “blazes forth from within itself”. It becomes a seven-pointed star (presumably at the seventh initiation). By analogy, would the initiate become a *six*-pointed star at the sixth initiation?

10. Hai cuộc điểm đạo cao hơn lần thứ tư và thứ năm đã được thảo luận. "Vị trí" của những cuộc điểm đạo này đã được đề cập và các quan điểm có thể khác nhau đã được ghi nhận. Tuy nhiên, động lực của ngôi sao năm cánh liên quan đến cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, khác với động lực đó ở cuộc điểm đạo thứ tư và thứ năm. Ngôi sao năm-cánh "rực sáng từ bên trong chính nó". Nó trở thành một ngôi sao bảy-cánh (có lẽ là ở lần điểm đạo thứ bảy). Tương tự như vậy, liệu điểm đạo đồ có trở thành ngôi sao *sáu*-cánh vào lần điểm đạo thứ sáu không?

11. In any case, during these later initiations, the star again descends upon the man and he enters into the flame. “Flame”, particularly, is mentioned now, and it seems that in doing so, we are referencing the “Sea of Fire”, an evocative name for the logic plane. We are all, as monads, “undetached sparks” suspended from the Flame by the finest thread of Fohat (cf. *SD I 45*). Such a “Flame” is really the ‘life-support system’ of the monad.

11. Dù thế nào, trong những lần điểm đạo về sau, ngôi sao lại giáng xuống hành giả và y đi vào ngọn lửa. Bây giờ, “Ngọn lửa” đặc biệt được đề cập, và có vẻ khi làm như vậy, chúng ta đang đề cập đến Biển lửa “Sea of Fire”, một cái tên gợi liên tưởng đến cõi thượng đế. Tất cả chúng ta, như là chân thân, “những tia lửa không thể tách rời” được treo từ Ngọn Lửa bởi sợi dây tế vi nhất của Fohat (xem *Giáo lý bí nhiệm I 45*). Một “Ngọn lửa” như vậy thực sự là “hệ thống hỗ trợ-sự sống” của chân thân.

Again, the four initiations, prior to that of the adept, mark respectively the attainment of certain proportions of atomic matter in the bodies — for instance, at the first initiation one-fourth atomic matter, at the second one-half atomic matter, at the third three-quarters atomic matter, and so on to the completion. Since buddhi is the unifying principle (or the welder of all), at the fifth initiation the [Page 17] adept lets the lower vehicles go, and stands in his buddhic sheath. He creates thence his body of manifestation.

Ngoài ra, bốn cuộc điểm đạo, trước cuộc điểm đạo của bậc Chân sư (adept), lần lượt đánh dấu sự đạt được những tỷ lệ vật chất nguyên tử nhất định trong các thể – chẳng hạn như, vào cuộc điểm đạo thứ nhất đạt được $\frac{1}{4}$ vật chất nguyên tử, vào cuộc điểm đạo thứ hai đạt được $\frac{1}{2}$, vào cuộc điểm đạo thứ ba đạt được $\frac{3}{4}$, và cứ thế cho đến mức hoàn toàn bằng vật chất nguyên tử. Vì bồ đề là nguyên khí thống nhất (hay tác nhân thống nhất tất cả) nên ở cuộc điểm đạo thứ năm, [17] vị Chân Sư bỏ đi các hiện thể thấp, và ở trong thể bồ đề của Ngài. Ngài tạo ra thể biểu lộ của Ngài từ đó.

1. Some of the interesting fifth-ray technicalities of the Ageless Wisdom are here given.
2. The more atomic matter to be found in the composition of a particular vehicle, the higher the vibratory level which that vehicle is capable of demonstrating and ‘holding’. Atomic matter is the most advanced type of matter to be found in any particular vehicle, and, as such, has a higher vibration than any of the other six types of matter also comprising that vehicle. Any particular vehicle is made of the seven types of matter found upon a given plane. Atomic matter is the highest type of matter found upon that plane, and is characteristic of the highest subplane of that plane, while the other six types of atoms relate to the other (and ‘lower’) six subplanes.

1. Một số chi tiết kỹ thuật cung năm thú vị của Minh triết Ngàn đời được đưa ra ở đây.

2. Càng nhiều vật chất nguyên tử được tìm thấy trong thành phần của một vận cụ cụ thể, thì mức độ rung động mà vận cụ đó có khả năng thể hiện và 'giữ' càng cao. Vật chất nguyên tử là loại vật chất tiên tiến nhất được tìm thấy trong bất kỳ vận cụ cụ thể nào, và do đó, có rung động cao hơn bất kỳ loại vật chất nào trong sáu loại vật chất khác cũng cấu thành vận cụ đó. Bất kỳ vận cụ cụ thể nào cũng được làm bằng bảy loại vật chất được tìm thấy trên một cõi giới nhất định. Vật chất nguyên tử là loại vật chất cao nhất được tìm thấy trên cõi giới đó, và là đặc trưng của cõi phụ cao nhất của cõi đó, trong khi sáu loại nguyên tử khác liên quan đến sáu cõi phụ khác (và 'thấp hơn').

3. At some point in preparation for the third initiation, a stage is reached in which a distinct majority of the matter in the lunar vehicles is *atomic* matter. The proportion of atomic matter to lesser types of matter will almost certainly not be the same in each of the three personality vehicles; the "lines of least resistance" for soul/spirit-energy-transmission are indicated by these differences in proportion. The greater the proportion of atomic matter in any particular vehicle, the greater the ease of transmitting the higher energy through that vehicle. This transmission is really a transference of vibration from a higher vibratory level to the vibratory level of the vehicle into which the transference is occurring.

3. Vào một thời điểm nào đó để chuẩn bị cho cuộc điểm đạo thứ ba, một giai đoạn đã đạt đến trong đó phần lớn vật chất trong các vận cụ nguyệt tinh là vật chất *nguyên tử*. Tỷ lệ vật chất nguyên tử so với các loại vật chất thấp hơn gần như chắc chắn sẽ không giống nhau trong mỗi vận cụ trong ba vận cụ phạm ngã; "các con đường dễ dàng nhất" cho sự truyền dẫn năng lượng linh hồn / tinh thần được biểu thị bằng những tỷ lệ khác biệt này. Tỷ lệ vật chất nguyên tử trong bất kỳ vận cụ cụ thể nào càng lớn thì càng dễ dàng truyền năng lượng cao hơn qua vận cụ đó. Sự truyền dẫn này thực sự là một sự truyền chuyển rung động từ mức độ rung động cao hơn đến mức độ rung động của vận cụ mà quá trình truyền chuyển đang xảy ra.

4. By the time the fourth initiation is reached, it can be presumed, by following the analogy presented above, that virtually *all* the matter in the vehicles is atomic matter. As a result, the vehicles are ready for relinquishment. They are perfected as far as they need to be and no longer need to come into being through the process of sexual-generation in the usual way. From that time forth (in some cases, but definitely from the time of achieving the fifth initiation), replicas of personality vehicles can be created through the power of Kriya shakti. The arhat/adept can create a Mayavirupa, or will-created body, originating through a magical, willful, imaginative process.

4. Vào thời điểm bắt đầu cuộc điểm đạo thứ tư, có thể cho rằng, bằng cách làm theo phép tương ứng đã trình bày ở trên, hầu như *tất cả* vật chất trong các vận

cụ là vật chất nguyên tử. Do đó, các vận cụ đã sẵn sàng để dỡ bỏ. Chúng đã được hoàn thiện ở mức độ cần thiết và không cần phải hình thành qua quá trình sinh ra theo cách thông thường. Kể từ thời điểm đó (trong một số trường hợp, nhưng chắc chắn là từ khi đạt được điểm đạo thứ năm), bản sao của các vận cụ phàm ngã có thể được tạo ra thông qua quyền năng Kriya shakti. Vị la hán / vị cao đồ lão luyện có thể tạo ra Mayavirupa, hoặc cơ thể được tạo ra bởi ý chí, bắt nguồn từ một quá trình huyền thuật, có chủ tâm, tưởng tượng.

5. We see from the text that the achievement of the fourth initiation, though correlated with the buddhic plane, does not give the initiate complete freedom upon the buddhi plane. This freedom is achieved at the fifth initiation when the adept lets his lower vehicles go and can stand free in his buddhi sheath. The fourth initiation is a kind of “no-man’s land”, betwixt and between, on neither the Fixed Cross or the Cardinal Cross. By the time of the fourth initiation, one has perfected the lunar form, but has not stabilized his/her polarization upon the buddhic plane completely. At the fifth initiation this is achieved, and atmic polarization is well in process.

5. Chúng ta thấy từ đoạn văn rằng sự thành tựu của cuộc điểm đạo thứ tư, mặc dù liên quan với cõi bồ đề, nhưng không cho điểm đạo đồ hoàn toàn tự do trên cõi bồ đề. Sự tự do này đạt được ở lần điểm đạo thứ năm khi vị chân sư để cho các vận cụ thấp hơn của mình ra đi và có thể đứng tự do trong vỏ bọc bồ đề của mình. Cuộc điểm đạo thứ tư là một loại “vùng không người”, nửa nọ nửa kia, không phải Thập giá Cố định cũng không phải Thập giá Chủ yếu. Vào thời điểm của cuộc điểm đạo thứ tư, một người đã hoàn thiện hình thể nguyệt tinh, nhưng vẫn chưa ổn định hoàn toàn sự phân cực của mình trên cõi bồ đề. Ở lần điểm đạo thứ năm, điều này đã đạt được, và quá trình phân cực trên cõi atmic đang diễn ra tốt đẹp.

Each initiation gives more control on the rays, if one may so express it, although this does not adequately convey the idea. Words so often mislead. At the fifth initiation, when the adept stands Master in the three worlds, He controls more or less (according to His line of development) the five rays that are specially manifesting at the time He takes the initiation. At the sixth initiation, if He takes the higher degree, He gains power on another ray, and at the seventh initiation He wields power on all the rays. The sixth initiation marks the point of attainment of the Christ, and brings the synthetic ray of the system under His control. We need to remember that initiation gives the initiate power on the rays, and not power over the rays, for this marks a very definite difference. Every initiate has, of course, for his primary or spiritual ray one of the three major rays, and the ray of his Monad is the one on which he at length gains power. The love ray, or the synthetic ray of the system, is the final one achieved.

Có thể nói mỗi cuộc điểm đạo ban cho sự kiểm soát nhiều hơn trên (on) các cung, dù rằng cách diễn đạt này không đầy đủ ý nghĩa. Ngôn từ rất thường gây nhầm lẫn. Ở cuộc điểm đạo thứ năm, khi vị Đạo đồ trở thành Chân Sư (Master) trong tam giới, Ngài đã ít nhiều chế ngự (tùy theo đường lối phát triển của Ngài) năm cung đang biểu lộ đặc biệt vào lúc Ngài được điểm đạo. Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, – nếu Ngài được điểm đạo cấp cao hơn – Ngài sẽ có quyền năng đối với một cung khác, và ở cuộc điểm đạo thứ bảy, Ngài có quyền năng vận dụng tất cả các cung. Cuộc điểm đạo thứ sáu đánh dấu trình độ thành đạt Christ, và mang cung tổng hợp của thái dương hệ vào dưới sự kiểm soát của Ngài. Chúng ta cần nên nhớ rằng cuộc điểm đạo ban cho điểm đạo đồ quyền năng trên (on) các cung chứ không phải quyền năng ảnh hưởng đến (over) các cung, vì điều này đánh dấu sự khác biệt rất rõ ràng. Tất nhiên là mỗi điểm đạo đồ đều có cung nguyên thủy hay cung tinh thần là một trong ba cung chính, và cung Chân Thần là cung mà sau một thời gian lâu dài y mới đạt được quyền năng của nó. Cung bác ái, hay cung tổng hợp của thái dương hệ, là cung cuối cùng y đạt được.

1. The Tibetan speaks of increasing and progressive “control on the rays” as the initiation process proceeds. As is so often the case, He warns against the misleading nature of words. In many of His writings, He seems acutely sensitive to this possibility.

1. Chân sư Tây Tạng nói về “sự chế ngự trên các cung” ngày càng tăng và tiến triển khi quá trình điểm đạo tiếp tục. Như thường lệ, Ngài cảnh báo bản chất gây hiểu lầm của ngôn từ. Trong nhiều tác phẩm của Ngài, Ngài dường như nhạy cảm sâu sắc với khả năng này.

2. What can be meant by “control on the rays”? Perhaps the ability to tune into the energy of a ray and *wield* it positively. The initiate is not *controlling the ray* per se, but is intelligently, powerfully and lovingly able to express himself through processes correlated with a given ray. The ray is present. The initiate did not generate it or originate it. He simply uses it.

2. “Chế ngự trên các cung” có thể có nghĩa là gì? Có lẽ là khả năng hoà nhập vào năng lượng của một cung và *vận dụng* nó một cách tích cực. Điểm đạo đồ không *kiểm soát cung*, mà có khả năng biểu lộ bản thân một cách thông minh, mạnh mẽ và yêu thương thông qua các quá trình liên quan với một cung nhất định. Cung là hiện hữu. Điểm đạo đồ không sinh ra nó hoặc hình thành nó. Ngài chỉ đơn giản là sử dụng nó.

3. At the present point in planetary history, there are five rays in expression at any one time (and, from a more rigorous perspective, really only four — correlating with the *four* of the *fourth* round) On page 26 of *Esoteric*

Psychology, Vol. I, D.K. says: "You will see that four rays are in manifestation at this time — the second, third, fifth, and seventh".

3. Vào thời điểm hiện tại trong lịch sử hành tinh, có năm cung biểu hiện cùng một lúc (và, từ một quan điểm khắt khe hơn, thực sự chỉ có bốn—liên quan với số *bốn* trong vòng tuần hoàn *thứ tư*) Trên trang 26 của *Tâm lý học nội môn, Vol. I*, Chân sư D.K. nói rằng: "*Bạn sẽ thấy rằng bốn cung đang biểu hiện vào lúc này — cung hai, ba, năm và bảy*".

4. Thus, presently, the second, third, fifth and seventh ray are *definitely* in expression. The sixth is waning rapidly and the fourth has not yet emerged. The first ray is not really in incarnation. For practical purposes, we must consider that the sixth ray (because of its evident power and the presence of so many souls upon it) is still in incarnation, though without about a hundred years this will not be case, and the fourth ray will be numbered among the five. If either the sixth or fourth ray is added to the four rays which are definitely manifesting, there will appear the *five* rays of which D.K. writes.

4. Như vậy, hiện tại, cung hai, ba, năm và bảy *chắc chắn* là đang trong biểu lộ. Cung sáu đang suy yếu nhanh chóng và cung bốn vẫn chưa xuất hiện. Cung một không thực sự đang nhập thể. Đối với các mục đích thực tế, chúng ta phải xem xét rằng cung sáu (vì sức mạnh hiển nhiên của nó và sự hiện diện của rất nhiều linh hồn của nó) vẫn còn đang nhập thể, mặc dù điều này sẽ không còn trong khoảng một trăm năm nữa, và cung bốn sẽ được liệt kê trong năm cung. Nếu thêm cung sáu hoặc cung bốn vào bốn cung chắc chắn đang biểu hiện thì sẽ xuất hiện *năm* cung mà Chân sư D.K. viết.

5. So are *four* such rays in manifestation, or are there *five*? At present because of impending ray-entries and ray-withdrawals there are definitely *four*. But, following the year 2025, when the fourth ray is predicted to enter, there will be as definitely *five*. The cycle of the fourth ray is, however, different and is entering in relation to its Monad, so perhaps its presence must be considered differently from the presence of the other rays which seem to be manifesting by means of a different type of ray cycle.

"The fourth ray will come into manifestation before many generations have passed, but only from the angle of its incarnating Monad, and not from the angle of its active Ashram." (EXH 581)

5. Vậy có *bốn* cung đang biểu lộ, hay có *năm*? Hiện tại bởi vì việc cung-đi vào và cung-đi ra sắp xảy ra nên chắc chắn có *bốn*. Nhưng, sau năm 2025, khi cung bốn được dự đoán đi vào, chắc chắn sẽ có *năm* cung. Tuy nhiên, chu kỳ của cung bốn là khác và việc đang đi vào liên quan đến Chân thần của nó, vì vậy có lẽ sự hiện diện của nó phải được xem xét khác với sự hiện diện của các cung khác mà dường như đang biểu hiện bằng một loại chu kỳ cung khác nhau.

"Cung bốn sẽ xuất hiện trước khi nhiều thế hệ trôi qua, nhưng chỉ từ góc độ của Chân thần hóa thân của nó, chứ không phải từ góc độ của Ashram đang hoạt động của nó." (EXH 581)

6. The Master of the Wisdom is Master *in* and *over* the three worlds; the three worlds of human evolution comprise the field of His *mastery*. This mastery is a dynamic different from the dynamic He evidences on the higher levels on which He is polarized (the buddhic and atmic planes), which dynamic is, in turn, different from the dynamic He evidences in relation to the still higher levels from which He draws support and sustenance (the monadic and logoc planes).

6. Chân sư Minh triết là Chân sư *trong* và *ngoài* tam giới; ba thế giới của sự tiến hóa của con người bao gồm phạm vi *làm chủ* của Ngài. Sự làm chủ này là một động lực khác với động lực mà Ngài chứng minh ở các cấp độ cao hơn mà ở đó Ngài phân cực (các cõi bồ đề và atmic). Động lực này, đến lượt nó, lại khác với động lực mà Ngài chứng minh liên quan đến các cấp độ còn cao hơn mà từ đó Ngài thu hút sự hỗ trợ và chất liệu (các cõi chân thân và thượng đế).

7. The numerical correlations (correlating the initiate's degree with a particular plane of a particular number, or with a particular number of rays) are exacting: the fifth degree initiate has control upon five rays, the sixth degree initiate upon six, and the seventh degree initiate upon seven — presumably, whether or not all six or seven rays are in incarnation. Initiates of the fifth, sixth and seventh degree necessarily also demonstrate characteristic activities which correlate with the processes of the fifth, sixth and seventh planes.

7. Các mối tương đồng về số (tương đồng cấp độ của điểm đạo đồ với một cõi cụ thể của một số cụ thể, hoặc với một con số cụ thể của các cung) là chính xác: điểm đạo bậc năm kiểm soát năm cung, điểm đạo bậc sáu kiểm soát sáu, và bậc bảy kiểm soát bảy — hoặc có phải, giả sử là tất cả sáu hoặc bảy cung đều đang biểu hiện. Các điểm đạo đồ bậc năm, sáu và bảy nhất thiết cũng thể hiện các hoạt động đặc trưng tương ứng với các quá trình trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

8. The phrase here written in connection with the sixth initiation — “if he takes the higher degree” — is both interesting and, perhaps, surprising. Apparently not all human beings are compelled to move on from the fifth degree directly to the sixth. Maybe other types of experiences (which are not initiatory experiences) intervene.
9. In this particular text, the Christ is said to be a sixth degree initiate. This is probably the case from one perspective — the fact that the Christ has not yet completed the seventh degree. But elsewhere He is definitely called a seventh degree initiate even though He still has much to accomplish before completing that later degree.

8. Cụm từ được viết ở đây liên quan đến cuộc điểm đạo bậc sáu — “nếu Ngài nhận cấp độ cao hơn” — vừa thú vị vừa có lẽ là đáng ngạc nhiên. Rõ ràng không phải tất cả mọi người đều bị buộc phải chuyển thẳng từ bậc năm lên bậc sáu. Có thể có các loại trải nghiệm khác xen vào (mà không phải là trải nghiệm điểm đạo).

9. Trong văn bản cụ thể này, Đấng Christ được cho là điểm đạo đồ bậc sáu. Đây có lẽ là trường hợp nhìn từ một góc độ — thực tế là Đức Christ vẫn *chưa* hoàn thành bậc bảy. Nhưng ở những nơi khác, Ngài chắc chắn được gọi là một điểm đạo đồ bậc bảy mặc dù Ngài vẫn còn nhiều việc phải thực hiện trước khi hoàn thành cấp độ đó.

10. The synthetic ray of our solar system is the second ray of Love-Wisdom. Interestingly, and paradoxically, the *second* ray rules the *seventh* initiation and not the *sixth* initiation — which is under the control of the third ray. Although it is easy to see how the sixth initiation correlates with the second ray (because the monad —‘reached’ in a new way at the sixth initiation — is located upon the second plane of the system — counting from above downwards), there seems to be a discrepancy, because the seventh initiation is definitely the one correlating most directly to the second ray.

10. Cung tổng hợp của thái dương hệ của chúng ta là cung hai Bác ái-Minh triết. Thật thú vị, và nghịch lý là cung *hai* cai quản cuộc điểm đạo thứ *bảy* chứ không phải cuộc điểm đạo thứ *sáu* — cuộc điểm đạo nằm dưới sự kiểm soát của cung ba. Mặc dù có thể dễ dàng thấy cuộc điểm đạo thứ sáu tương quan như thế nào với cung hai (vì chân thần – được ‘đạt đến’; ”theo một cách mới ở cuộc điểm đạo thứ sáu— nằm trên cõi thứ hai của hệ thống, tính từ trên xuống), đó dường như là một sự khác biệt, bởi vì cuộc điểm đạo thứ bảy chắc chắn là một cuộc điểm đạo liên quan trực tiếp nhất với cung hai.

11. The Tibetan makes the distinction between “power *on* the rays” and “power *over* the rays”. For the initiates of the fifth, sixth and seventh degrees, the kind of power available is definitely “power *on*” the rays. The rays, themselves, emanate from an entirely higher level than the one on which the initiate is functioning. Perhaps, initially, we can think of the rays as emanating from the Ray Lords in Shamballa, but even these Lords are receiving the rays from planetary Logoi, Who, Themselves, are receiving the rays from stellar Logoi, and so forth until the Sources of the rays become constellational. Finally (in relation to our local cosmic system) the rays can be said to originate within the One About Whom Naught May Be Said — though surely, this Great Being (as well) is not the ultimate Source of the ray.

11. Chân sư Tây Tạng phân biệt giữa "quyền năng *trên* các cung" và "quyền năng ảnh hưởng đến các cung". Đối với những điểm đạo đồ bậc năm, sáu và bảy, loại quyền năng sẵn có chắc chắn là "quyền năng *trên*" các cung. Các cung, bản thân chúng, bắt nguồn từ một cấp độ hoàn toàn cao hơn cấp độ cung mà điểm đạo đồ đang hoạt động. Có lẽ, ban đầu, chúng ta có thể nghĩ rằng các cung như bắt nguồn từ các Chúa tể Cung ở Shamballa, nhưng ngay cả các Chúa tể này cũng đang nhận các cung từ Hành tinh Thượng đế, những Đấng mà, bản thân các Ngài, cũng đang nhận các cung từ Chúa tể của các vì sao/tinh tò, và như vậy cho đến các Nguồn của các cung trở thành chòm sao. Cuối cùng (liên quan đến hệ thống vũ trụ của chúng ta) các cung có thể được cho là bắt nguồn từ bên trong Đấng không thể nghĩ

bàn (One About Whom Naught May Be Said) — mặc dù chắc chắn, Đấng Vĩ đại này (cũng như vậy) không phải là Nguồn cuối cùng của cung.

12. The ray of the monad is here called the “primary ray”, and is the one on which the initiate gains “power” — power of three possibly different kinds, or if the subrays of the monad are also considered, then power of seven possibly different kinds.
13. What is meant by the gaining of power? Probably it is the monadic ray, which at length becomes dominant over all the other rays and is the ray upon which the initiate makes his/her primary contribution in terms of the Planetary Life. On other rays, such as the personality or soul ray, skill and ability may be gained, but the gaining of power is a process still more intense. Probably at this stage of our evolutionary development, we have no notion of what the gaining of such power really means.

12. Cung chân thần ở đây được gọi là “cung nguyên thủy”, và là cung mà điểm đạo đồ có được “quyền năng” — quyền năng của ba loại có thể khác nhau, hoặc nếu các cung phụ của chân thần cũng được xem xét, thì quyền năng của bảy loại có thể khác nhau.

13. Việc giành được quyền năng có nghĩa là gì? Có thể đó là cung chân thần, cái mà cuối cùng trở nên ưu thế hơn tất cả các cung khác và là cung mà điểm đạo đồ tạo đóng góp chính của mình xét về mặt Sự sống Hành tinh. Đối với các cung khác, chẳng hạn như cung phạm ngã hoặc cung linh hồn, kỹ năng và khả năng có thể đạt được, nhưng việc đạt được quyền năng là một quá trình còn dữ dội hơn. Có lẽ ở giai đoạn phát triển tiến hóa này của chúng ta, chúng ta không có khái niệm về việc đạt được quyền năng như vậy thực sự có ý nghĩa gì.

14. No matter what may be the monadic ray, the final ray of achievement (following the sixth initiation) will be the “synthetic ray” — the ray of love wisdom. This is also the case even if the monadic ray is the second.
15. It is well to remember that all the seven rays are really subrays of the great synthetic Ray of Love-Wisdom. The God of our Solar System is (in *this* solar system) *Love*, and all the sons of men must achieve that Love as their primary and ultimate goal (ultimate, at least, within this solar system).

14. Bất kể cung chân thần có thể là gì, cung thành tựu cuối cùng (sau cuộc điểm đạo thứ sáu) sẽ là “cung tổng hợp” — cung của Minh triết-Bác ái. Đây cũng là trường hợp ngay cả khi cung chân thần là cung hai.

15. Nên nhớ rằng tất cả bảy cung đều thực sự là cung phụ của Cung Bác ái — Minh triết tổng hợp vĩ đại. Đấng Thượng đế của Thái dương Hệ chúng ta là (trong thái dương hệ này) *Bác ái*, và tất cả những người con của nhân loại phải đạt được Tình thương đó như là mục tiêu chính và cuối cùng của họ (cuối cùng, ít nhất, trong thái dương hệ này).

Those who pass away from the earth after the fifth initiation, or those who do not become Masters in physical incarnation, take their subsequent initiations elsewhere in the system. All are in the Logoic Consciousness. One great fact to be borne in mind is, that the initiations of the planet or of the solar system are but the preparatory initiations of admission into the greater Lodge on Sirius. We have the symbolism held for us fairly well in Masonry, and in combining the Masonic method with what we are told of the steps on the Path of Holiness we get an approximate picture.

Các vị rời Địa cầu sau cuộc điểm đạo thứ năm, hay là các vị không trở thành Chân Sư trong cuộc tái sinh trên cõi trần, thì nhận những cuộc điểm đạo kế tiếp ở các nơi khác trong thái dương hệ. Tất cả đều ở trong tâm thức của Thượng Đế. Một sự kiện trọng đại cần ghi nhớ là các cuộc điểm đạo của hành tinh hay của thái dương hệ, chỉ là những cuộc điểm đạo chuẩn bị cho việc thu nhận vào Huyền Giai vĩ đại hơn trên Sirius. Hội Tam Điểm đã giữ gìn khá cẩn mật các biểu tượng này, và khi phối hợp những phương pháp của Hội Tam Điểm với những điều đã truyền dạy cho chúng ta về các giai đoạn của Thánh đạo, chúng ta sẽ hình dung được gần đúng vấn đề.

Here we see that there are, indeed, alternatives other than passing sequentially from initiation to initiation — for example from the fifth to the sixth and thence to the seventh.

1. Usually, passage away from the Earth has been discussed as possible only after the *sixth* initiation. Perhaps in the year 1925, a few years after this book, *Initiation: Human and Solar*, was written, there was a general upgrading of the entire hierarchical system, and it became necessary to achieve the sixth degree before venturing forth on the Way of Higher Evolution.

Ở đây, chúng ta thấy rằng thực sự có những lựa chọn thay thế khác với việc đi tuần tự từ cuộc điểm đạo này đến cuộc điểm đạo khác — ví dụ từ cuộc điểm đạo năm đến sáu và từ đó đến bảy.

1. Thông thường, việc đi ra khỏi Địa cầu đã được thảo luận chỉ có thể sau cuộc điểm đạo *sáu*. Có lẽ vào năm 1925, một vài năm sau khi cuốn sách này, *Điểm đạo trong Nhân loại và Thái dương hệ*, được viết, có một sự nâng cấp chung của toàn bộ Thánh đoàn, và cần phải đạt được cấp độ thứ sáu trước khi mạo hiểm trên Con đường Tiến hóa Cao Siêu.

2. On the other hand, perhaps it is simply true that the sixth initiation (and those beyond) can be taken on other planets, and that the Great Decision (forming so vital a part of the Initiation of the Sixth Degree — the true “Ascension”) can be made on other planets as well as on the Earth. Presumably, however, the Path of Earth Service would not be one of the alternatives of such a

decision if taken elsewhere than on the Earth, for the Law of Economy would be violated if some initiates were to leave the Earth after the fifth degree, only to decide to return to it at and after the sixth to follow the Path of Earth Service.

2. Mặt khác, có lẽ sự thật đơn giản là cuộc điểm đạo thứ sáu (và những cuộc điểm đạo vượt xa hơn) có thể được thực hiện trên các hành tinh khác, và Quyết định Vĩ đại đó (tạo nên một phần quan trọng của Cuộc Điểm đạo Sáu — sự “Thăng lên” thật sự) có thể được thực hiện trên các hành tinh khác cũng như trên Địa cầu. Tuy nhiên, có lẽ là, Con đường Phụng sự Địa cầu sẽ không phải là một trong những lựa chọn thay thế cho một quyết định như vậy nếu được thực hiện ở nơi khác không phải trên Địa cầu, vì Định luật Tiết kiệm sẽ bị vi phạm nếu một số điểm đạo đồ rời khỏi Địa cầu sau bậc năm, chỉ để quyết định quay lại nó vào sau cuộc điểm đạo sáu để đi theo Con đường Phụng sự Địa cầu.

3. The thought that there are those become Masters, but who do not become Masters while in physical incarnation, makes one ponder concerning whether it is really possible to become a Master when not manifesting in physical incarnation. Usually, when initiation is discussed, the requirement seems to be the possession of a physical brain, but since reincarnation is *no longer necessitated after the fourth initiation*, it does seem possible that the degree of Master of the Wisdom could be attained in or out of physical incarnation.

3. Cái tư tưởng rằng có những người trở thành Chân sư, nhưng không trở thành Chân sư trong khi tái sinh ở cõi trần, khiến người ta phải suy ngẫm về việc liệu có thể thực sự trở thành một Chân sư khi đang không biểu lộ trong một cuộc tái sinh ở cõi trần hay không. Thông thường, khi cuộc điểm đạo được thảo luận, yêu cầu dường như là sở hữu một bộ não vật lý, nhưng vì việc tái sinh *không còn cần thiết sau lần điểm đạo thứ tư*, nên có vẻ như là có thể đạt được bậc Chân sư Minh triết trong hoặc ngoài cuộc tái sinh ở cõi trần.

4. The various alternative initiatory possibilities that the Tibetan presents are not the *only* possibilities for taking initiation; they are quite comprehensive not exhaustive. There are always unusual cases and remote possibilities, thus, it is wise for us to reserve judgment about the possibility or impossibility of following what to us seem improbable initiatory paths.

4. Các khả năng điểm đạo có thể lựa chọn khác nhau mà Chân sư Tây Tạng trình bày không phải là khả năng duy nhất cho việc điểm đạo; chúng khá toàn diện nhưng không gồm hết mọi khía cạnh. Luôn luôn có những trường hợp bất thường và những khả năng ‘xa xôi’ khó xảy ra, do đó, khôn ngoan là chúng ta nên để dành việc phán đoán về khả năng xảy ra hoặc không thể xảy ra theo những gì mà đối với chúng ta dường như là các con đường điểm đạo không chắc đã xảy ra.

5. Training for higher grades of spiritual work occurs not only the Earth. There are other planetary schools, many of which are occult, their true nature not yet revealed to man. Probably, as we fulfill our duties here on Earth, we will

direct ourselves to one or another of such schools within the solar system, where training will be received prior to 'travel' towards various stellar or constellational sources which correlate with the various Paths on the Way of Higher Evolution.

5. Việc đào tạo các cấp bậc công việc tinh thần cao hơn không chỉ xảy ra ở Trái đất. Có những trường hành tinh khác, nhiều trong số đó là huyền bí, bản chất thực sự của chúng vẫn chưa được tiết lộ cho con người. Có thể, khi chúng ta hoàn thành nhiệm vụ của mình ở đây trên Trái đất, chúng ta sẽ hướng mình đến một hoặc một trong những trường học như vậy trong thái dương hệ, nơi việc đào tạo sẽ được tiếp nhận trước khi 'du hành' tới các ngôi sao hoặc chòm sao khác nhau tương ứng với các Con đường khác nhau trên Con đường Tiến hóa Cao hơn.

6. We are then told that all initiations, whether taken on our planet or on others, are really preparatory to initiations which admit a man into the Great Lodge on Sirius. This, of course, would be especially the case concerning those 80% or so of humanity who 'tread' the way to that great star (or starry system).

6. Sau đó, chúng ta được thông báo rằng tất cả các cuộc điểm đạo, dù được thực hiện trên hành tinh của chúng ta hay trên hành tinh khác, thực sự là chuẩn bị cho những cuộc điểm đạo để/mà đưa một người vào Huyền giai Vĩ đại trên Sirius. Tất nhiên, đây sẽ là trường hợp đặc biệt liên quan đến khoảng 80% của những người trong nhân loại, vốn 'bước lên' con đường tới ngôi sao vĩ đại đó (hoặc hệ thống chòm sao).

7. The Tibetan hints at the value of the Masonic System for revealing much about the initiatory process and probably about the Path to Sirius (for the first initiation is the reflection of that initiation (namely, the fifth — either planetary or solar) in which a human being becomes an Entered Apprentice in the Sirian Lodge. The Sirian coloring of Masonry is definite and fundamental. The Masonic Initiation Process reflects the initiation process of our own Spiritual Hierarchy, and to some much lesser extent, the initiation process of the Blue Lodge (or "Great White Lodge") on Sirius.

7. Chân sư Tây Tạng gợi ý về giá trị của Hệ thống Tam điểm vì đã tiết lộ nhiều về quá trình điểm đạo và có lẽ là về Con đường tới Sirius (vì lần điểm đạo đầu tiên là sự phản ánh của cuộc điểm đạo đó (cụ thể là lần thứ năm — hành tinh hoặc thái dương [ND: cuộc điểm đạo cấp vũ trụ đầu tiên của con người) trong đó một con người trở thành một Tập sự Nhập môn trong Huyền giai Sirius. Màu Sirius của Hội Tam điểm là rõ ràng và cơ bản. Quá trình Điểm đạo của Hội Tam điểm phản ánh quá trình điểm đạo của Huyền giai Tinh thần của chính chúng ta, và ở một mức độ thấp hơn nhiều, quá trình điểm đạo của (Blue Lodge) Huyền giai Xanh (hoặc "Great White Lodge" "Đại Bạch Giai") trên Sirius.

8. Of course, not all human units are being prepared for admission to the Lodge on Sirius. There are other Paths — six or eight others, depending upon how

one counts. Those venturing to other destinations, however, get some training analogous to Sirian training (though on a lower level than the august training there possible), simply by passing through the series of initiations administered by our own Spiritual Hierarchy (its processes being a reflection of Sirian processes).

8. Tất nhiên, không phải tất cả các đơn vị nhân loại đều đang được chuẩn bị để nhập vào Huyền giai trên Sirius. Có các Con Đường khác — sáu hoặc tám Con Đường khác, tùy thuộc vào cách tính. Tuy nhiên, những người mạo hiểm đến các điểm đến khác, được đào tạo tương tự như cách đào tạo ở Sirius (mặc dù ở một mức thấp hơn so với sự đào tạo uy nghiêm có thể ở đó), đơn giản bằng cách vượt qua một loạt các cuộc điểm đạo do Thánh đoàn Tinh thần do chúng ta quản lý (các quá trình của nó là một phản ảnh của Quá trình Sirius).

Let us enlarge somewhat: —

The first four initiations of the solar system correspond to the four "initiations of the Threshold," prior to [Page 18] the first cosmic initiation. The fifth initiation corresponds to the first cosmic initiation, that of "entered apprentice" in Masonry; and makes a Master an "entered apprentice" of the Lodge on Sirius. The sixth initiation is analogous to the second degree in Masonry, whilst the seventh initiation makes the Adept a Master Mason of the Brotherhood on Sirius.

Chúng ta hãy mở rộng đôi chút:

Bốn cuộc điểm đạo đầu tiên của thái dương hệ tương ứng với “bốn cuộc điểm đạo ở Ngưỡng Cửa”, trước [18] cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất. Cuộc điểm đạo thứ năm tương ứng với lần điểm đạo thứ nhất cấp vũ trụ, cuộc điểm đạo “tập sự nhập môn” trong Hội Tam Điểm, khiến một vị Chân Sư thành một người “tập sự nhập môn” ("entered apprentice") vào Huyền Giai trên Sirius. Cuộc điểm đạo thứ sáu tương ứng với cấp hai trong Hội Tam Điểm, trong khi cuộc điểm đạo thứ bảy khiến Bậc Toàn Thiện (Adept) trở thành một Chân Sư Tam Điểm của Huyền Giai trên Sirius.;

1. Usually the first two planetary initiations are considered “initiations of the Threshold”, with the third initiation, the first solar initiation, being considered the first true initiation.

1. Thông thường hai cuộc điểm đạo hành tinh đầu tiên được coi là "các cuộc điểm đạo Ngưỡng", với cuộc điểm đạo thứ ba, cuộc điểm đạo thái dương thứ nhất, được coi là cuộc điểm đạo đầu tiên thực sự.

2. The Tibetan now enlarges the consideration, but one must read very carefully. It is easy to overlook the fact that He says “the first four initiations of *the solar system*” [italics MDR] are the “initiations of the Threshold”. The first four initiations of

the solar system may well be, and probably are, *solar initiations* and not planetary initiations at all. Thus these four initiations would begin with the third, and include the fourth, fifth, sixth, with only the seventh planetary initiations considered as a *true* initiation in the Sirian sense.

2. Chân sư Tây Tạng bây giờ mở rộng sự xem xét, nhưng ta phải đọc rất cẩn thận. Có thể dễ dàng bỏ qua thực tế rằng Ngài nói “bốn cuộc điểm đạo đầu tiên của *thái dương hệ*” [chữ nghiêng MDR] là “các cuộc điểm đạo Ngưỡng”. Bốn cuộc điểm đạo đầu tiên của thái dương hệ cũng có thể là, và có thể là, *các cuộc điểm đạo thái dương hệ* chứ không phải các cuộc điểm đạo hành tinh. Vì vậy, bốn cuộc điểm đạo này sẽ bắt đầu với cuộc điểm đạo thứ ba, và bao gồm các cuộc bốn, năm, sáu, chỉ cuộc điểm đạo hành tinh thứ bảy được coi là cuộc điểm đạo *thực sự* theo ý nghĩa của Sirius.

3. One must decide whether the fifth planetary initiation is to be considered the first “cosmic initiation” or whether it is the fifth *solar* initiation which is really the first “cosmic initiation”.

3. Ta phải quyết định xem cuộc điểm đạo hành tinh thứ năm có được coi là cuộc “điểm đạo vũ trụ” đầu tiên hay không hay cuộc điểm đạo *thái dương* thứ năm thực sự là cuộc “điểm đạo vũ trụ” đầu tiên.

4. The text in this book, *IHS*, make the latter option more plausible. But in *A Treatise on Cosmic Fire*, p. 384, we read the following: “Man has for objective five initiations, the first cosmic Initiation being his goal.” In relation to this sentence, we must discern whether the Tibetan has simply skipped the first two initiations of the Threshold, or whether He has included them. It is an important question, as our conclusions will be entirely different depending upon what He has done.

4. Với đoạn văn trong cuốn sách này, *Điểm Đạo Trong Nhân Loại Và Thái Dương Hệ*, làm cho lựa chọn thứ hai hợp lý hơn. Nhưng trong *Luận về Lựa chọn khôn*, tr. 384, chúng ta đọc thấy những điều sau: “Con người có năm cuộc điểm đạo chính, cuộc điểm đạo vũ trụ đầu tiên là mục tiêu của y.” Liên quan đến câu này, chúng ta phải phân biệt liệu Chân sư Tây Tạng đã đơn giản bỏ qua hai lần điểm đạo đầu tiên của Ngưỡng, hoặc liệu Ngài đã bao gồm chúng hay chưa. Đó là một câu hỏi quan trọng, vì kết luận của chúng ta sẽ hoàn toàn khác nhau tùy thuộc vào những gì Ngài đã làm.

5. The fifth initiation (whether planetary or solar) seems, here, to be considered as the first “cosmic” initiation. Yet we are told that the fifth initiation “corresponds” to the first cosmic initiation, making one wonder if the fifth initiation (whether planetary or solar) is a real “cosmic” initiation or only a *correspondence* to a cosmic initiation. Surely when speaking of cosmic initiations, the cosmic initiation of a Planetary Logos or Solar Logos, cannot be of the same order, scope and intensity as what is called the cosmic initiation of a human being.

5. Cuộc điểm đạo thứ năm (dù là hành tinh hay thái dương), ở đây, dường như được coi là cuộc điểm đạo “vũ trụ” đầu tiên. Tuy nhiên, chúng ta được biết rằng cuộc điểm đạo thứ năm “tương ứng” với cuộc điểm đạo vũ trụ đầu tiên, khiến ta tự hỏi liệu cuộc điểm đạo thứ năm (dù là hành tinh hay thái dương) là một cuộc điểm đạo “vũ trụ” thực sự hay chỉ là một sự *tương ứng* với cuộc điểm đạo vũ trụ. Chắc chắn khi nói về các cuộc điểm đạo vũ trụ, cuộc điểm đạo vũ trụ của một Hành tinh Thượng đế hay Thái dương Thượng đế, không thể có cùng thứ bậc, phạm vi và cường độ như cái được gọi là cuộc điểm đạo vũ trụ của một con người.

6. Studying page 384 of *A Treatise on Cosmic Fire*, inclines one to conclude that Planetary Logoi and Solar Logoi are passing through distinctly different series of initiations, each series including a different number of initiations — seven for a Planetary Logos and nine for a Solar Logos. If the nature of the cosmic initiations of Planetary Logoi and Solar Logoi are quite different from each other, then why should not the series of initiations through which a man passes be distinct from both the other series as well.

6. Nghiên cứu trang 384 của *Luận về Lửa cần khôn*, khiến cho ta có khuynh hướng kết luận rằng Hành tinh Thượng đế và Thái dương Thượng đế đang đi qua chuỗi các cuộc điểm đạo khác nhau rõ ràng, mỗi chuỗi bao gồm một số cuộc điểm đạo khác nhau — bảy cho một Hành tinh Thượng đế và chín cho một Thái dương Thượng đế. Nếu bản chất của các cuộc điểm đạo vũ trụ của Hành tinh Thượng đế và Thái dương Thượng đế khá là khác nhau, thì tại sao chuỗi các cuộc điểm đạo mà một người đi qua lại không nên khác biệt với cả hai chuỗi còn lại.

7. There is a danger in using such a word as “cosmic”, applying that word with insufficient discrimination to different levels of E/entities. The word may be used as blind, masking the differences of different things by calling them by the same name. If many Mahakalpa cycles ago a Planetary Logos was as a Master is now, there is no way (within our present solar system) that a Master can become as a Planetary Logos is *now*.

7. Có một sự nguy hiểm khi sử dụng một từ như “vũ trụ”, việc áp dụng từ đó mà không đủ phân biệt đối với các cấp độ khác nhau của các T/thực thể. Từ này có thể được dùng như bức màn che, che giấu sự khác biệt của những thứ khác nhau bằng cách gọi chúng bằng tên giống nhau. Nếu nhiều chu kỳ Mahakalpa trước đây, một Hành tinh Thượng đế đã là một Chân sư như bây giờ, thì không có cách nào (trong thái dương hệ hiện tại của chúng ta) mà một Chân sư có thể trở thành như một Hành tinh Thượng đế *bây giờ*.

8. Each Hierarchy has its own system of initiations — plants, animals, humans, various Creative Hierarchies, Planetary Logoi, Solar Logoi, etc. At a certain point of initiatory development the initiations experienced begin to be called “cosmic” initiations, but there is no reason to believe that all cosmic initiations to be experienced by different orders of B/beings are *parts of the same series of initiations*.

8. Mỗi Huyền giai có hệ thống điểm đạo riêng của nó — thực vật, động vật, con người, các Huyền giai sáng tạo khác nhau, các Hành tinh Thượng đế, các Thái dương Thượng đế, v.v. Tại một thời điểm nhất định của sự phát triển điểm đạo, những cuộc điểm đạo đã trải qua bắt đầu được gọi là những cuộc điểm đạo “vũ trụ”, nhưng không có lý do gì để tin rằng tất cả các cuộc điểm đạo vũ trụ được trải nghiệm bởi các thứ bậc khác nhau của các Đấng H/hiện tồn (Thực thể) đều là *những phần của cùng một chuỗi các cuộc điểm đạo*.

9. For instance, the first “cosmic initiation” of a human being is *not* (from this perspective) the same as the first cosmic initiation of a Planetary Logos, nor the same as the first cosmic initiation of a Solar Logos (which is different from *both* the two earlier kinds of *first* cosmic initiations). Some disentangling of the truly distinct nature of analogously-related series of initiations is necessary if a reasonably accurate understanding is to be achieved. The human series of *five* initiations; the planetary series of *seven* initiations; and the Solar Logos series of *nine* initiation are almost certainly *not* the same series, as these three types of Beings are members of different Hierarchies, and each Hierarchy has *its own* series of initiations.

9. Ví dụ, “cuộc điểm đạo vũ trụ” đầu tiên của một thực thể con người (từ quan điểm này) *không* giống như cuộc điểm đạo vũ trụ đầu tiên của một Hành tinh Thượng đế, cũng không giống như cuộc điểm đạo vũ trụ đầu tiên của một Thái dương Thượng đế (điều mà *khác* với cả hai loại điểm đạo vũ trụ *đầu tiên* trước đó). Cần thiết phải có một số tháo gỡ về bản chất khác biệt thực sự của các chuỗi điểm đạo tương tự-liên quan nếu muốn đạt được một sự hiểu biết chính xác hợp lý. Chuỗi *năm* cuộc điểm đạo của con người; chuỗi hành tinh gồm *bảy* cuộc điểm đạo; và chuỗi *chín* cuộc điểm đạo của Thái dương Thượng đế gần như chắc chắn *không* phải là cùng một chuỗi, vì ba loại Thực thể này là thành viên của các Huyền giai khác nhau và mỗi Huyền giai có một chuỗi các cuộc điểm đạo riêng *của nó*.

10. The Tibetan appears to give us the meaning of the fifth, sixth and seventh initiations in relation to the initiations administered by the Lodge on Sirius. If we are not careful, however, some discrepancies will arise — probably deriving from whether we consider these initiations planetary or solar. Let us assume that modern Masonry is a reasonable base from which to construct a useful analogy. Let us also, for the moment, speak in terms of *planetary* initiations.

10. Chân sư Tây Tạng hình như đưa cho chúng ta ý nghĩa của cuộc điểm đạo năm, sáu và bảy liên quan đến các cuộc điểm đạo được cai quản bởi Huyền giai trên Sirius. Tuy nhiên, nếu chúng ta không cẩn thận, một số sự không nhất quán sẽ phát sinh - có thể bắt nguồn từ việc chúng ta xem xét những cuộc điểm đạo này là thuộc hành tinh hay thái dương. Chúng ta hãy giả định rằng Hội Tam điểm hiện đại là một nền móng hợp lý để từ đó xây dựng một phép tương đồng hữu ích. Bây giờ chúng ta cũng hãy nói về các cuộc điểm đạo *hành tinh*.

One could think it reasonable that our fifth *planetary* initiation would be like the Entered Apprentice degree on Sirius, for it certainly is the beginning of a New Dispensation. Without too much difficulty, our sixth planetary initiation could then

be understood in relation to the second Masonic Degree or Fellow Craft (a kind of 'Monadic Fellowship' would have been attained. The seventh planetary initiation would then related to the *third degree*, the Master Mason Degree — and according to the information in the paragraph, would represent the attainment of the status of Master Mason on Sirius. While the progression seems analogically reasonable, it cannot be denied that the symbolism of the Master Mason degree relates specifically to the achievements of our fourth and fifth planetary initiations, and not to the third. It is the Masonic *Mark* Degree which relates to the third initiation, and not the Master Mason Degree at all. So perhaps the seventh planetary degree on Earth should refer to the Sirian "Mark" Degree, and initiations beyond the planetary seventh (the planetary eighth and ninth?) should refer to the Sirian Master Mason Degree, otherwise it would seem that the status of the seventh degree initiate of Earth (such as the Christ and Buddha are now becoming) is being exaggerated in relation to system of attainment on Sirius.

Ta có thể nghĩ hợp lý rằng cuộc điếm đạo *hành tinh* thứ năm của chúng ta sẽ giống như cấp độ Mới Gia nhập (Entered apprentice) trên Sirius, vì nó chắc chắn là sự bắt đầu của một Kỷ nguyên Mới. Không có quá nhiều khó khăn, cuộc điếm đạo hành tinh thứ sáu của chúng ta sau đó có thể được hiểu liên quan đến Cấp độ Tam điếm thứ hai hoặc thứ bậc Trung cấp (Fellow Craft) (một loại 'Học vị Chân thần') sẽ đạt được. Cuộc điếm đạo hành tinh thứ bảy sau đó sẽ liên quan đến *cấp độ thứ ba*, thứ bậc Cao cấp (Master Mason) — và theo thông tin trong đoạn văn, sẽ đại diện cho việc đạt được Thứ bậc cao cấp của Chân sư trên Sirius. Trong khi tiến trình này có vẻ hợp lý một cách tương đồng, không thể phủ nhận rằng biểu tượng của Thứ bậc cao cấp liên quan một cách cụ thể đến việc đạt được cuộc điếm đạo hành tinh thứ tư và thứ năm của chúng ta, chứ không phải thứ ba. Đó là Cấp độ Masonic *Mark* liên quan đến lần điếm đạo thứ ba, chứ hoàn toàn không phải Thứ bậc Cao cấp. Vì vậy, có lẽ cấp độ (ND: điếm đạo) hành tinh bậc bảy trên Địa cầu nên tham khảo đến Cấp độ Sirian "Mark", và các cuộc điếm đạo cao hơn cuộc điếm đạo hành tinh bậc bảy (điếm đạo hành tinh bậc tám và chín?) nên tham khảo Thứ bậc Cao cấp trên Sirius, nếu không thì sẽ thấy rằng vị thế của điếm đạo đồ bậc bảy của Trái đất (chẳng hạn như Đức Christ và Đức Phật hiện đang trở thành) đang được phóng đại liên quan đến hệ thống đạt được trên Sirius.

11. One way to interpret the Tibetan so as to avoid some of these problems is to consider the sixth initiation (mentioned here) as the *sixth solar* initiation, and thus the *eighth* planetary initiation. The seventh initiation discussed by the Tibetan would then be the seventh *solar* initiation, and thus the *ninth planetary* initiation. Were this the case, one who had taken the *seventh solar degree* could indeed (with no great violence to reasoning) be considered a Master Mason on the Lodge of Sirius.

11. Một cách mà Chân sư Tây Tạng giải thích để tránh một số vấn đề này là coi cuộc điếm đạo thứ sáu (được đề cập ở đây) là cuộc điếm đạo *thái dương thứ sáu*, và do đó cuộc điếm đạo hành tinh *thứ tám*. Cuộc điếm đạo thứ bảy mà Chân sư Tây Tạng thảo luận sau đó sẽ là cuộc điếm đạo *thái dương* thứ bảy, và do đó là cuộc điếm đạo *hành tinh thứ chín*. Nếu trường hợp này xảy ra, một người đã nhận

bậc điểm đạo thái dương thứ bảy thực sự có thể (không cần nhiều cường bức để suy luận) được coi là một Chân sư Tam điểm trên Huyền giai Sirius.

12. The words of the Tibetan must be studied closely and seriously, depending on the different contexts. Some of His writings are written for men and women of goodwill and first degree initiates; some are writings only for initiates of at least the third degree, and are therefore more detailed and technically closer to the truth. A Master Mason is symbolically a true Master (not just a transfigured initiate of the third degree); we must question whether an initiate of the *seventh planetary* initiation could really work as a Master in the Sirian Lodge or whether only an initiate of the *ninth planetary* initiation could do so.

13. Careful reading of the Tibetan's paragraph above alerts one to the possibility of subtle blinding, used perhaps to confuse the two systems of planetary and solar initiations.

12. Các từ ngữ của Chân sư Tây Tạng phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và nghiêm túc, tùy thuộc vào các ngữ cảnh khác nhau. Một số tác phẩm của Ngài được viết cho những người nam và nữ thiện chí và các điểm đạo đồ bậc một; một số là tác phẩm chỉ dành cho các điểm đạo đồ ít nhất là bậc ba, và do đó chi tiết hơn và gần với chân lý hơn về mặt kỹ thuật. Một Chân sư Thứ bậc cao cấp là một Chân sư thật sự về mặt tượng trưng (không chỉ là một điểm đạo đồ biến hình bậc ba); chúng ta phải đặt câu hỏi liệu một điểm đạo đồ của cuộc điểm đạo *hành tinh thứ bảy* có thể thực sự hoạt động như một Chân sư trong Huyền giai Sirius hay chỉ một điểm đạo đồ của cuộc điểm đạo *hành tinh thứ chín* mới có thể làm được như vậy.

13. Việc đọc cẩn thận đoạn văn của Chân sư Tây Tạng ở trên cảnh báo ta về khả năng bị che giấu một cách tinh vi, có lẽ được sử dụng để làm mờ hồ hai hệ thống điểm đạo hành tinh và thái dương.

A Master, therefore, is one who has taken the seventh planetary initiation, the fifth solar initiation, and the first Sirian or cosmic initiation

Như vậy, một Chân Sư là vị đã có bảy cuộc điểm đạo cấp hành tinh, năm cuộc điểm đạo cấp thái dương hệ, và cuộc điểm đạo thứ nhất của Sirius hay vũ trụ.

1. Here is a series of definitions which puts the degree of Master of the Wisdom into a larger than usual perspective. However there are some questions in this enumeration.
2. What sort of "Master" are we talking about? The usual Master has taken the fifth "planetary" initiation, not the seventh.

1. Đây là một loạt các định nghĩa đặt cấp độ của Chân sư Minh triết vào một quan điểm rộng hơn thông thường. Tuy nhiên, có một số câu hỏi trong bản liệt kê này.

2. Chúng ta đang nói đến hạng/kiểu “Chân sư” nào? Chân sư thông thường đã nhận cuộc điểm đạo “hành tinh” thứ năm, không phải lần thứ bảy.

3. If the Tibetan means by “Master”, not a Master of the Wisdom, but a Master Mason on Sirius, then what He says is understandable, but not otherwise — at least not easily.

4. The fifth *solar* initiation makes of a man not a Master of the Wisdom, but an Initiate of the Resurrection (the planetary seventh degree)

3. Nét ý của Chân sư Tây Tạng là “Chân sư”, không phải là Chân sư Minh triết, mà là một Chân sư Tam điểm trên Sirius, thì những gì Ngài nói có thể hiểu được, nếu không phải vậy — thì ít nhất cũng không dễ để hiểu được.

4. Cuộc điểm đạo *thái dương* thứ năm làm cho một người không phải là một Chân sư Minh triết, mà là một Điểm đạo đồ phục sinh (bậc điểm đạo hành tinh thứ bảy).

5. The seventh planetary initiation is, indeed, the usual seventh initiation — the Resurrection, now being taken (over many years) by the Christ and the Buddha.

6. The fifth solar initiation is equivalent to the seventh planetary initiation. The fifth solar initiation is the degree of in which the true Resurrection is experienced.

5. Cuộc điểm đạo hành tinh thứ bảy, thực sự là cuộc điểm đạo thứ bảy thông thường — sự Phục sinh, hiện đang được thực hiện (trong nhiều năm) bởi Đức Christ và Đức Phật.

6. Cuộc điểm đạo thái dương thứ năm tương đương với cuộc điểm đạo hành tinh thứ bảy. Cuộc điểm đạo thái dương thứ năm là cấp bậc mà sự Phục sinh thực sự được trải nghiệm.

7. So, the main thing to decide in relation to the sentence under consideration is the nature of the type of “Master” here referenced. Is the “Master” a traditional Master of the Wisdom? Or is the “Master” here referenced, a higher type of Master — i.e., one Who has taken the seventh planetary initiation and the fifth solar initiation, and is hence, what we could call, a ‘Resurrected Master’ (or Chohan of the seventh planetary degree).

7. Vì vậy, điều chính cần quyết định liên quan đến câu đang xem xét là bản chất của kiểu “Chân sư” được nhắc ở đây. “Chân sư” có phải là một Chân sư Minh triết truyền thống không? Hay là “Chân sư” được nhắc đến ở đây là, một kiểu Chân sư cao hơn — tức là một Đấng đã nhận cuộc điểm đạo hành tinh bậc bảy và cuộc điểm đạo thái dương bậc năm, và do đó, chúng ta có thể gọi là một ‘Chân sư Phục sinh’ (hay Chohan của điểm đạo hành tinh bậc bảy).

8. OR — elevating the status of “Master” — shall we return to the previous paragraph and interpret a true Master Mason as one who has taken not

the *fifth solar* initiation, but the *seventh solar* initiation (and hence, the *ninth planetary* initiation)?

8. HOẶC — nâng cao vị thế của “Chân sư” — chúng ta sẽ quay lại đoạn trước và giải thích một Chân sư Tam điểm có phải thực sự như một người đã không nhận cuộc điểm đạo *thái dương thứ năm* mà là cuộc điểm đạo *thái dương thứ bảy* (và do đó, cuộc điểm đạo *hành tinh thứ chín*) ?

9. A casual reading of the preceding two paragraphs written by the Tibetan may seem to present no problem in interpretation. A closer reading reveals the problems, which are not easily reconciled at this point; some sort of blinding is likely.

10. Master D.K. can be among the most subtle of writers, writing in such a way as to arouse no notice of the unusual in the eyes of the unwary — yet, much that is unusual may lie hidden ‘behind’ and ‘within’ the apparently usual.

9. Đọc một cách bình thường hai đoạn do Chân sư Tây Tạng viết trước có thể dường như không thấy có vấn đề gì trong việc diễn giải. Đọc một cách kỹ hơn thì thấy bộc lộ những vấn đề mà không dễ được nhất trí ở điểm này; một số kiểu có thể như gây hỏa mù.

10. Chân sư D.K. có thể là một trong những tác giả tinh tế nhất, viết theo cách như để không gọi lên sự chú ý đến những điều bất thường trong mắt những người không thận trọng — tuy nhiên, nhiều điều bất thường có thể nằm ẩn ‘đằng sau’ và ‘bên trong’ những điều hiển nhiên là bình thường.

At-one-ment, the result of initiation

A point that we need to grasp is that each successive initiation brings about a more complete unification of the personality and the Ego, and on higher levels still, with the Monad. The whole evolution of the human spirit is a progressive at-one-ment. In the at-one-ment between the Ego and the personality lies hid the mystery of the Christian doctrine of the Atonement. One unification takes place at the moment of individualisation, when man becomes a conscious rational entity, in contradistinction to the animals. As evolution proceeds successive at-one-ments occur.

Sự Nhất Quán, Kết quả của Điểm Đạo

Một điểm chúng ta cần phải thấu triệt là mỗi cuộc điểm đạo kế tiếp đều mang lại một sự thống nhất hoàn toàn hơn của phàm ngã và Chân Nhân, và trên các cấp độ cao hơn nữa, là với Chân Thần. Toàn bộ cuộc tiến hóa của tinh thần con người là một sự nhất quán ngày càng tăng tiến. Trong sự nhất quán (at-one-ment) giữa Chân Ngã và Phàm ngã có ẩn bí nhiệm của Thiên Chúa Giáo về sự Chuộc Tội. Một sự

thống nhất xảy ra vào lúc biệt ngã hóa, khi con người trở thành một thực thể hữu thức, có lý trí, khác với loài vật. Khi cuộc tiến hóa tiếp diễn, những sự nhất quán kế tiếp nhau xảy ra.

1. This paragraph focuses upon the concept and process of at-one-ment which has been misinterpreted by Christian theology and framed in terms of guilt-ridden “atonement”.
2. Unifications are at-one-ments, and they take place primarily under the second and fourth rays. The fourth ray, particularly, is the ray of at-one-ment. It also is expressed in relation to the Law of Sacrifice (the first Law of the Soul). From this perspective, sacrifice brings about at-one-ment.

1. Đoạn này tập trung vào khái niệm và quá trình của sự nhất quán đã bị thuyết thần học thuộc Thiên Chúa giáo giải thích sai và được đóng khung theo nghĩa mặc cảm-tội lỗi “Sự Chuộc tội”.

2. Những sự hợp nhất là những sự nhất quán, và chúng diễn ra chủ yếu dưới cung hai và bốn. Đặc biệt, cung bốn là cung của sự nhất quán. Nó cũng được thể hiện trong mối quan hệ với Luật Hy sinh (Luật đầu tiên của Linh hồn). Từ quan điểm này, sự hy sinh mang lại sự nhất quán.

3. The Christina doctrine of Atonement is here considered a mystery. Perhaps an understanding of the Law of Sacrifice, of the higher dynamics of the fourth ray, and of the meaning of at-one-ment would make it something less of a mystery, though a mystery may still remain (for the Mystery of the Solar Angels is involved in the at-oning process).

3. Học thuyết của Thiên Chúa giáo về Sự Chuộc tội được coi là một bí ẩn ở đây. Có lẽ một sự thấu hiểu về Luật Hy sinh, về động lực cao hơn của cung bốn và ý nghĩa của sự hợp nhất sẽ khiến nó trở nên ít bí ẩn hơn, mặc dù một bí ẩn có thể vẫn còn (với Bí ẩn của các Đấng Thái dương Thiên thần liên quan đến/được bao hàm trong tiến trình hợp nhất (at-one-ing)).

4. Individualization is a major unification between a Solar-Angelically-created center on the higher mental plane and the human personality vehicles. When individualization first occurs, a real human personality does not yet exist, because the mental unit (implanted at the time of individualization) has not reached sufficient potency to distinguish the newly-self-aware animal man of the period as a distinct individual.

4. Biệt ngã hóa là một sự hợp nhất chính giữa một trung tâm Thái dương-Thiên thần được tạo ra trên cõi thượng trí và các vận cụ phàm ngã của con người. Khi thoát đầu sự biệt ngã hóa xuất hiện, một phàm ngã thực sự của con người vẫn còn chưa tồn tại, bởi vì đơn vị trí tuệ (được cấy ghép vào thời điểm biệt ngã hóa) chưa đạt đủ hiệu lực để phân biệt người thú mới-tự-nhận thức của thời kỳ đó như một cá thể riêng biệt.

5. Every unification of vehicle with vehicle, of chakra with chakra is a kind of at-one-ment. The first major at-one-ing program has for its objective the full union of soul and personality, creating the fully soul-infused personality by the time of the fourth initiation.
6. The second major at-one-ing program has for its objective full union of the monad with the soul-infused personality — creating at length full monadic infusion — the true “union of heaven and earth”.

5. Mỗi sự hợp nhất của vận cụ với vận cụ , của luân xa với luân xa là một kiểu của sự nhất quán. Chương trình hợp nhất (at-one-ing) chính đầu tiên có mục tiêu là sự hợp nhất đầy đủ giữa linh hồn và phàm ngã, tạo ra phàm ngã được linh hồn-thấm nhập hoàn toàn ở thời điểm cuộc điểm đạo bậc bốn.

6. Chương trình hợp nhất (at-one-ing) chính thứ hai có mục tiêu là sự hợp nhất hoàn toàn của chân thần với phàm ngã được linh hồn-thấm nhập — cuối cùng sẽ tạo ra sự truyền hoàn toàn của chân thần — “sự hợp nhất giữa thiên đường và trái đất” thực sự.

7. In contradistinction, however, the conventional Atonement requires Christ-Jesus as an intermediary, otherwise the “fallen nature” of man can never be united to God the Father.

7. Tuy nhiên, ngược lại, Sự Chuộc tội thông thường đòi hỏi Đức Christ- Giê-su như một người trung gian, nếu không “bản chất sa ngã” của con người không bao giờ có thể hợp nhất được với Đức Chúa Cha.

8. The at-one-ment is similar in one way to the Atonement — an intermediary is required, but is it not Christ-Jesus; rather, it is the Solar Angel, Who bridged between the lunar nature (ignorant, but not sinfully “fallen”) and the higher triadal/monadic nature of man which is “divinity within ” man — “God Immanent” and not “God Transcendent”. The Solar Angel creates the possibility of uniting the “inner divinity” with the “outer personal man”. There is no guilt. There is no unworthiness. There are simply different orders of lives which are not easy to reconcile because they function according to widely contrasting laws. The at-one-ment takes *time, intelligence, love, skill in action and spiritual will*, but is inevitable if the ministrations of the Solar Angel are accepted and employed. There is no damnation and there is no need for intermediary priests to ensure the success of an Atonement. All proceeds according to law, and success, in most cases, is certain. An at-one-ment between the highest and lowest aspects of the human being proceeds as an altogether psychologically healthier process than the Atonement which is rooted in an erroneous sense of man’s unworthiness, and a conviction of the impossibility of acceptance by Deity without the intervention of a saving intermediary — *other than oneself*.

8. Sự nhất quán theo một cách nào đó tương tự với Sự Chuộc tội - cần phải có một trung gian, nhưng đó không phải là Đức Christ-Jesus; đúng hơn, đó là Đấng Thái dương Thiên thần, Người bắc cầu giữa bản chất nguyệt tinh (vô minh, nhưng

không “sa ngã” một cách đầy tội lỗi) và bản chất tam thượng thể / chân thân cao hơn của con người là “thiên tính bên trong” con người - “Thượng đế Nội tại” chứ không phải “Thượng đế Siêu việt”. Đấng Thái dương Thiên thần tạo ra khả năng hợp nhất “thiên tính bên trong” với “con người bên ngoài”. Không có tội lỗi. Không có sự không xứng đáng. Đơn giản là có những trật tự sự sống khác nhau không dễ dung hòa vì chúng vận hành theo những luật tương phản phổ quát. Sự nhất quán cần có *thời gian, trí thông minh, tình thương, kỹ năng hành động và ý chí tinh thần*, nhưng là điều chắc chắn xảy ra nếu những sự cứu chuộc của Đấng Thái dương Thiên thần được chấp nhận và thực hiện. Không có sự chỉ trích nghiêm khắc/sự nguyên rủa và không cần đến các linh mục trung gian để đảm bảo sự thành công của một Sự Chuộc Tội. Tất cả đều tiếp diễn tuân theo luật, và sự thành công, trong hầu hết các trường hợp, là chắc chắn. Một sự nhất quán giữa các khía cạnh cao nhất và thấp nhất của con người tiếp diễn như một quá trình hoàn toàn lành mạnh về mặt tâm lý hơn so với Sự Chuộc tội bắt nguồn từ một ý thức sai lầm về sự không xứng đáng của con người và một sự tin chắc về sự không thể chấp nhận được bởi Thượng đế mà không có sự can thiệp của một trung gian cứu chuộc - *khác với chính họ*.

At-one-ment on all levels — emotional, intuitional, spiritual and Divine — consists in conscious, continuous functioning. In all cases it is preceded by a burning, through the medium of the inner fire, and by the destruction, through sacrifice, of all that separates. The approach to unity is through destruction of the lower, and of all that forms a barrier. Take, in illustration, the web that separates the etheric body and the emotional. When that web has been burned away by the inner fire the communication between the bodies of the personality becomes continuous and complete, and the three lower vehicles function as one. You [Page 19] have a somewhat analogous situation on the higher levels, though the parallel cannot be pushed to detail. The intuition corresponds to the emotional, and the four higher levels of the mental plane to the etheric. In the destruction of the causal body at the time of the fourth initiation (called symbolically "the Crucifixion") you have a process analogous to the burning of the web that leads to the unification of the bodies of the personality. The disintegration that is a part of the arhat initiation leads to unity between the Ego and the Monad, expressing itself in the Triad. It is the perfect at-one-ment.

Sự nhất quán trên mọi cấp độ – xúc cảm, trực giác, tinh thần và Thiêng liêng – cốt ở sự hoạt động liên tục, hữu thức. Trong mọi trường hợp, trước đó luôn luôn có sự đốt cháy, bởi ngọn lửa nội tâm, và sự hủy diệt, qua sự hy sinh, tất cả các yếu tố chia rẽ. Chúng ta tiến đến sự hợp nhất bằng cách hủy diệt những gì thấp thỏi, và tất cả những gì tạo thành chướng ngại. Để minh giải, hãy xét tấm mạng ngăn cách thể dĩ thái và thể tình cảm. Khi tấm mạng này đã bị đốt cháy bởi ngọn lửa nội tại, sự liên giao giữa các thể của phạm ngã trở nên liên tục, toàn diện, và ba thể hoạt

động như một. Trên các mức độ cao hơn, chúng ta [19] cũng có tình trạng hơi tương tự, dù rằng không giống trong từng chi tiết. Cõi trực giác (bồ đề) tương ứng với cõi xúc cảm, và bốn phân cảnh cao của cõi trí tương ứng với thể dĩ thái. Việc hủy diệt thể nguyên nhân ở cuộc điểm đạo thứ tư (gọi theo khoa biểu tượng là “Thập Giá Hình”) là một tiến trình tương tự với sự đốt cháy tấm mạng, đưa đến việc thống nhất các thể của phàm ngã. Sự tan rã này là một phần của cuộc điểm đạo bậc La Hán, và đưa đến sự hợp nhất giữa Chân Nhân và Chân Thần, tự biểu lộ trong Tam Thượng Thể. Đó là sự nhất quán hoàn hảo.

1. Progressive at-one-ments are here discussed, and all the successive higher planes are, at one point or another in the advancing process, involved.
2. The process of the “burning ground” preceding every initiation is referenced and its importance established. Without the fire of the burning ground, that which separates one aspect of man from another would continue its separative and thwarting obstructiveness.

1. Những sự nhất quán tăng dần được thảo luận ở đây và tất cả các cõi cao hơn kế tiếp, tại điểm này hay điểm khác trong quá trình thăng tiến, được bao gồm.

2. Quá trình của “vùng đất cháy” trước mỗi cuộc điểm đạo đều được tham chiếu và tầm quan trọng của nó được thiết lập. Nếu không có ngọn lửa của vùng đất cháy, thứ vốn chia cách một khía cạnh của con người với một khía cạnh khác sẽ tiếp tục việc chia cách và cản trở của nó.

3. An analogy is offered: the burning of the etheric web separating the etheric from the emotional body permits complete astral experience within the physical personality consciousness. The four higher subplanes of the mental plane are then likened to the four levels of the etheric body, and the buddhic vehicle on the plane of intuition is likened to the astral/emotional body. A higher type of burning (later in the initiatory process) permits the intuition to infuse the mind, just as the lower burning permitted the contents of the astral body to enter the etheric and physical subplanes and be registered in the normal brain consciousness.

3. Một phép tương đồng được đưa ra: việc đốt cháy mạng ngăn dĩ thái vốn tách thể dĩ thái khỏi thể cảm xúc cho phép trải nghiệm cảm dục hoàn toàn trong tâm thức phàm ngã vật lý. Sau đó, bốn cõi phụ cao hơn của cõi trí được ví như bốn cấp độ của thể dĩ thái, và vận cụ bồ đề trên cõi trực giác được ví như thể cảm dục / cảm xúc. Kiểu đốt cháy cao hơn (sau này trong quá trình điểm đạo) cho phép trực giác xâm nhập vào cái trí, giống như việc đốt cháy thấp hơn cho phép chất liệu của thể cảm dục đi vào các cõi phụ dĩ thái và vật lý và được ghi vào ý thức não bộ thông thường.

4. The key sentence is the following:

“In the destruction of the causal body at the time of the fourth initiation (called symbolically ‘the Crucifixion’) you have a process analogous to the burning of the web that leads to the unification of the bodies of the personality.”

The conclusion is that the burning ignited by the inner fire is a destructive process which unifies separated vehicles, dimensions, chakras, etc.

4. Câu then chốt là như sau:

“Trong sự phá hủy thể nguyên nhân vào thời điểm cuộc điểm đạo thứ tư (được gọi một cách tượng trưng là ‘Sự Đóng Đinh’), bạn có một quá trình tương đồng như việc đốt cháy mạng ngăn dẫn đến sự hợp nhất của các thể của phàm ngã.”

Kết luận là sự đốt cháy do ngọn lửa bên trong kích hoạt là một quá trình phá hủy vốn để hợp nhất các vận cụ, chiều kích, luân xa, v.v.

5. One of the highest types of at-one-ments is then mentioned — the at-one-ment of the monad (expressing through the spiritual triad) with the Ego/soul. In fact the Ego/soul is, *essentially*, the spiritual triad, and assumes this role once the ‘shroud of the soul’ (the causal body/Egoic Lotus) is destroyed so as by fire at the fourth degree.

5. Sau đó, một trong những kiểu cao nhất của sự nhất quán được đề cập — sự nhất quán của chân thần (biểu lộ thông qua tam nguyên tinh thần) với Chân ngã / linh hồn. Trên thực tế, về bản chất, Chân ngã/linh hồn là tam nguyên tinh thần, và đảm nhận vai trò này khi ‘màn che của linh hồn’ (thể nguyên nhân/ hoa sen chân ngã) bị phá hủy bởi ngọn lửa ở cấp [ND: điểm đạo] bốn.

6. Thus, we learn that when the inner fire is released, and when we are forced onto any of the various burning grounds which precede the various initiations, a cycle of greater freedom lies immediately ahead IF we can endure and pass through the burning — allowing it to perform and complete its work. Pain is not all bad; in fact it may indicate a process of liberation underway. It is spiritually profitable to be informed of the true nature of this fiery process — as difficult as it may seem to the comfort-loving personality.

6. Do đó, chúng ta học được rằng khi ngọn lửa bên trong được giải phóng, và khi chúng ta bị buộc vào bất kỳ vùng đất cháy nào trước các cuộc điểm đạo khác nhau, thì một vòng tự do lớn hơn nằm ngay phía trước NẾU chúng ta có thể chịu đựng và vượt qua sự đốt cháy đó — cho phép nó thực hiện và hoàn thành công việc của mình. Nỗi đau không phải hoàn toàn là xấu; trên thực tế, nó có thể cho thấy một quá trình giải phóng đang diễn ra. Sự có lợi về mặt tinh thần khi được cho biết về bản chất thực sự của quá trình bốc cháy này — có vẻ như tương đương với khó khăn của phàm ngã thích thoải mái.

The whole process is therefore for the purpose of making man consciously one: —

- First: With himself, and those in incarnation with him.
- Second: With his higher Self, and thus with all selves.
- Third: With his Spirit, or "Father in Heaven," and thus with all Monads.
- Fourth: With the Logos, the Three in One and the One in Three.

Như vậy, toàn thể tiến trình này có mục đích làm cho hành giả hữu thức hợp nhất:

Thứ nhất, với chính y, và với những người đang lâm phạm với y.

Thứ hai, với Chân Ngã của y, và do đó, với mọi Chân Ngã.

Thứ ba, với Tinh thần của y, hay "Cha Trên Trời", và như vậy với mọi Chân Thần.

Thứ tư, với Thượng Đế, Đấng Ba trong Một và Đấng Một trong Ba.

1. The progressive attainment of *Oneness* is here elucidated.
2. Man, at first, is divided even within himself. The internecine warfare within his own vehicles must first be overcome. An internal peace must prevail before he can experience peace and oneness with his fellow human beings presently in incarnation with him.

1. Sự thành tựu tăng dần của Nhất thể ở đây được làm sáng tỏ.

2. Con người, lúc đầu, bị chia rẽ ngay cả trong chính mình. Trước tiên phải vượt qua cuộc chiến sinh tử giữa các vận cụ của chính mình. Một sự hòa bình nội tại phải chiếm ưu thế trước khi y có thể trải nghiệm sự hòa bình và đồng nhất với những người hiện đang lâm phạm cùng với y.

3. The next at-one-ment requires the fusion of soul and personality, which makes possible the recognition that all 'others' are, essentially, souls as well, and, thus, essentially at-one with him — *as a soul*. The Law of Magnetic Impulse (the second Law of the Soul) is at work.

3. Sự nhất quán tiếp theo đòi hỏi sự hợp nhất giữa linh hồn và phàm ngã, điều này có thể giúp nhận ra rằng tất cả 'những người khác', về cơ bản cũng là các linh hồn, và do đó, về cơ bản là-một với y — *như một linh hồn*. Định luật Xung động Từ tính (Định luật thứ hai của Linh hồn) đang hoạt động.

4. The third at-one-ment is with his Spirit and, thus, with all Spirit/Monads. The true nature of spirit is homogeneous oneness. One who discovers the nature of 'his own!' spirit discovers that there is only *One* Spirit. Finding one's own deep center is to find that it is really *all* centers.

4. Sự nhất quán thứ 3 là với Tinh Thần của y và, do đó, sẽ là với mọi Tinh thần/Chân thần. Bản chất thực sự của tinh thần là tính nhất thể đồng nhất. Một người khám phá ra bản chất tinh thần 'của chính mình!' thì phát hiện ra rằng có duy nhất *Một* Tinh thần. Sự tìm thấy một trung tâm sâu sắc của ai đó là để thấy rằng trung tâm đó thật sự là *mọi* trung tâm.

5. A final at-one-ment (in this phase of a seemingly endless developmental process) is the at-one-ment with the One in Whom We Live and Move and Have Our Being — the Logos (the Planetary Logos, but especially the Solar Logos). A completed oneness/wholeness is the result, and the three major aspects of Divinity are mysteriously resolved into One. That there is a fourth phase is important, indicating that monadic fusion is but a step upon the Way towards a still greater, deeper and more encompassing fusion involving the great Gods of our planetary and solar systems.

5. Sự nhất quán cuối cùng (trong giai đoạn này của một quá trình phát triển dường như vô tận) là sự nhất quán với Đấng mà trong Ngài Chúng ta sống, Chuyển động và Hiện tồn — Thượng Đế (Đấng Hành Tinh Thượng Đế, nhưng đặc biệt là Đấng Thái Dương Thượng Đế). Kết quả là một nhất thể / toàn thể được thành toàn, và ba khía cạnh chính của Thượng Đế được kết hợp một cách bí ẩn thành Đấng Duy Nhất. Có một giai đoạn thứ tư rất quan trọng, cho thấy rằng sự hợp nhất với chân thần chỉ là một bước trên Con đường hướng tới sự hợp nhất còn lớn hơn, sâu hơn và bao trùm hơn liên quan đến các vị Thượng Đế vĩ đại của các hệ thống hành tinh và thái dương của chúng ta.

Man becomes a conscious human being through the instrumentality of the Lords of the Flame, through Their enduring sacrifice.

Man becomes a conscious Ego, with the consciousness of the higher Self, at the third initiation, through the instrumentality of the Masters and of the Christ, and through Their sacrifice in taking physical incarnation for the helping of the world.

Man unites with the Monad at the fifth initiation, through the instrumentality of the Lord of the World, the Solitary Watcher, the Great Sacrifice.

Man becomes one with the Logos through the instrumentality of One about Whom naught may be said.

Hành giả trở thành một con người có ý thức, nhờ phương tiện (instrumentality) của các Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame), qua sự hy sinh bền bỉ của các Ngài.

Hành giả trở thành một Chân Nhân hữu thức, với tâm thức của Chân Ngã ở cuộc điểm đạo thứ ba, nhờ phương tiện của Chân Sư và của Đức Christ, và sự hy sinh của các Ngài trong việc lấy xác phàm để giúp đỡ thế gian.

Hành giả hợp nhất với Chân Thần vào cuộc điểm đạo thứ năm, nhờ phương tiện của vị Chúa Tể Thế Gian, Đấng Trông Nom Cô Độc, Đấng Đại Hy Sinh.

Hành giả trở nên hợp nhất với Thượng Đế nhờ phương tiện của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

1. Finally, the whole history of human evolution is set forth. All the great 'Players' are mentioned in relation to the role They play.

2. The Lords of the Flame (Solar Angels, Agnishvattas) started the process, creating the human being and sustaining it by means of an enduring Self-sacrifice requiring millions of years of supervision of the human They had created.

1. Cuối cùng, toàn bộ lịch sử tiến hóa của loài người được đặt ra. Tất cả những 'Người chơi' vĩ đại đều được nhắc đến trong mối liên quan đến vai trò của Họ.

2. Các Hỏa tinh quân (Solar Angels, Agnishvattas) đã bắt đầu quá trình, tạo ra loài người và duy trì nó bằng một sự Tự-hy sinh bền bỉ đòi hỏi hàng triệu năm giám sát con người mà Họ đã tạo ra.

3. While man accesses the Ego/soul all through millions of years of development, he does not *become a conscious soul or Ego* until the third degree. The Masters of the Wisdom and the Christ have made this attainment possible for human beings. By means of Their continuous sacrificial incarnations, the Christ and the Masters have aided many human beings in the lengthy process of preparation which culminates in the taking of the third degree (at which point a human being actually becomes *human*.) Another more technical form of spiritual assistance is seen in the process internal *occult sponsorship* of would-be-initiate during the actual initiation ceremony. Man *becomes* the Ego at this third step because he *identifies as an Ego*. The energy and quality of the Solar Angel are infusing him pervasively and his own garnered causal quality is flowing through his personality system.

3. Trong khi con người tiếp cận với Chân ngã/linh hồn qua hàng triệu năm phát triển, y không trở thành một linh hồn ý thức hoặc Chân ngã cho đến điểm đạo bậc ba. Các Chân sư Minh triết và Đấng Christ đã làm cho con người có thể đạt được điều này. Bằng phương tiện là những cuộc tái sinh hy sinh liên tục của các Ngài, Đấng Christ và các Chân sư đã hỗ trợ nhiều thực thể nhân loại trong quá trình chuẩn bị lâu dài mà đỉnh cao là việc đạt được điểm đạo bậc ba (lúc đó một thực thể nhân loại thực sự trở thành con người). Một hình thức kỹ thuật khác của sự hỗ trợ tinh thần được thấy trong quá trình *yếm trợ huyền bí* bên trong của người-sẽ-trở-thành điểm đạo đồ trong lễ điểm đạo thực sự. Con người trở thành Chân ngã ở bước thứ ba này bởi vì y *đồng nhất/coi mình như là một Chân ngã*. Năng lượng và phẩm chất của Đấng Thái dương Thiên thần đang thấm nhập tỏa khắp trong y và phẩm tính của thể nguyên nhân thu được của chính y đang chảy qua hệ thống phàm ngã của y.

4. Finally, a most occult statement is offered.

"Man becomes one with the Logos through the instrumentality of One about Whom naught may be said."

This indicates a process beyond even the sixth degree (the point at which a man steps into full monadic awareness). Perhaps, this oneness with the Logos is the result of the seventh initiation, but if so, why would "One greater than the Logos" be required to be instrumental?

In clarifying this sentence, much depends on Whom we denominate the "One About Whom Naught May Be Said". Is this great Being the Logos of the Sirian System of Seven Suns? It is unlikely that this great Being is simply the Logos of the Star Sirius, as that Being (considered alone) is but a *Cosmic* Logos and cannot be called "the One About Whom Naught May Be Said". Perhaps, however, that Being can be meaningfully called "One About Whom Naught May Be Said".

4. Cuối cùng, một tuyên bố huyền bí nhất được đưa ra.

"Con người trở thành một với Thượng đế thông qua công cụ của Đấng không thể nói bàn."

Điều này cho thấy một quá trình thậm chí còn vượt qua cấp độ thứ sáu (thời điểm mà một người bước vào nhận thức chân thần đầy đủ). Có lẽ, sự hợp nhất này với Thượng đế là kết quả của lần điểm đạo thứ bảy, nhưng nếu vậy, tại sao "Một Đấng lớn hơn Thượng đế" lại được yêu cầu là công cụ?

Khi làm rõ câu này, phần lớn phụ thuộc vào Đấng mà chúng ta gọi tên là "Đấng Không Thể Nói Bàn". Liệu đây có phải là Đấng Thượng đế vĩ đại của Hệ thống Sirius bao gồm Bảy Thái dương hệ không? Đấng vĩ đại này có thể không chỉ đơn giản là Thượng đế của Sao Sirius, vì Bản thể đó (được coi là một mình) là một Thượng đế *Vũ trụ* và không thể được gọi là "một Đấng Không Thể Nói Bàn". Tuy nhiên, có lẽ, Đấng đó có thể được gọi một cách đầy đủ ý nghĩa là "Đấng Không Thể Nói Bàn".

Or is the Being who assists with becoming one with the Solar Logos, in fact, the true "OAWNMBS" — a great Constellational Logos including the Ten Major Constellations (Great Bear, Orion, Draco, etc.)

The latter choice seems too high. Further, even the intervention of the Logos of the Sirian System seems very high, if the requirement is simply to make the initiate "one with the Solar Logos".

Such an at-one-ing *would*, however, be within the capability of the Logos of the *star* Sirius, Who represents a higher chakra within Entirety of the Sirian Logos expressing through Seven Suns, than does our Solar Logos.

Hay Đấng mà đã hỗ trợ trở thành một với Đấng Thái dương Thượng đế, trên thực tế, là "OAWNMBS" thực sự — một Thượng đế của Chòm sao vĩ đại bao gồm Mười Chòm sao Chính (Great Bear, Orion, Draco, v.v.)

Sự lựa chọn thứ hai có vẻ quá cao. Hơn nữa, ngay cả sự can thiệp của Thượng đế của Hệ thống Sirius cũng có vẻ rất cao, nếu yêu cầu chỉ đơn giản là làm cho điểm đạo đồ thành “một với Thái dương Thượng đế”.

Tuy nhiên, sự hợp nhất như vậy sẽ nằm trong khả năng của Thượng đế của sao Sirius, Đấng đại diện cho một luân xa cao hơn bên trong Đấng Thượng đế Sirius Toàn vẹn biểu hiện qua Bảy Thái dương hệ, hơn là Thái dương Thượng đế của chúng ta.

The seventh initiation brings very close identification with the Solar Logos. The Planetary Logos (not Sanat Kumara) administers this initiation, but no doubt the Solar Logos stands behind the Planetary Logos, just as the Planetary Logos stood behind Sanat Kumara in the administration of the third, fourth and fifth planetary initiations over which Sanat Kumara officiated as the Hierophant.

Lần điểm đạo thứ bảy mang lại sự đồng nhất rất gần với Thái dương Thượng đế. Hành tinh Thượng đế (không phải Sanat Kumara) quản lý cuộc điểm đạo này, nhưng không nghi ngờ gì nữa, Thái dương Thượng đế đứng sau Hành tinh Thượng đế, cũng như Hành tinh Thượng đế đứng sau Sanat Kumara trong việc quản lý các cuộc điểm đạo hành tinh thứ ba, thứ tư và thứ năm mà Sanat Kumara đã chủ trì với tư cách là Đấng điểm đạo.

How the Solar Logos might be involved in such an initiation as the seventh we are not told. If, in addition, a Being greater than the Solar Logos is also involved in helping the initiate to become “one with the Logos”, there is also no indication regarding how this might happen. Clearly, we would be dealing with the secrets of some of the very highest initiations possible to man. Of these, we can really know nothing; only speculation is possible, and may even be inadvisable.

Làm thế nào mà Thái dương Thượng đế có thể tham gia vào một cuộc điểm đạo như là cuộc thứ bảy mà chúng ta không được cho biết. Ngoài ra, nếu một Đấng vĩ đại hơn Thái dương Thượng đế cũng tham gia vào việc giúp điểm đạo đồ trở thành “một với Thượng đế”, thì cũng không có dấu hiệu nào về việc điều này có thể xảy ra như thế nào. Rõ ràng, chúng ta sẽ giải quyết những bí mật của một số cuộc điểm đạo cao nhất có thể đối với con người. Trong số này, chúng ta có thể thực sự không biết gì; chỉ có thể là suy đoán, và thậm chí là không nên làm như thế.

5. If, perhaps, we think that oneness with the Solar Logos (often called, simply, “the Logos” rather than the “Planetary Logos”) cannot be fully achieved at the *seventh* initiation, and instead requires perhaps the gifts of the *ninth* initiation (releasing the initiate from the cosmic physical plane), then we would have added reason for thinking that a Being *higher* than the Logos (such as the Cosmic Logos of the star Sirius) might be instrumental in administering (or at least, supporting) this last of the planetary initiations.

5. Nếu, có lẽ, chúng ta nghĩ rằng sự hợp nhất với Thái dương Thượng đế (thường được gọi đơn giản là “Thượng đế” hơn là “Hành tinh Thượng đế”) không thể đạt

được hoàn toàn ở cuộc điếm đạo *thứ bảy*, và thay vào đó, có lẽ cần những món quà của cuộc điếm đạo *thứ chín* (giải phóng điếm đạo đồ khỏi cõi hồng trần vũ trụ), sau đó chúng ta sẽ có thêm lý do để nghĩ rằng một Đấng *cao hơn* Thượng đế (chẳng hạn như Thượng đế Vũ trụ của sao Sirius) có thể là công cụ quản lý (hoặc ít nhất, hỗ trợ) cuộc cuối cùng này của những cuộc điếm đạo hành tinh.

6. But, should we wish to think about the possible participation of still higher Beings as instrumental in or 'behind' the ninth initiation — should we seek to justify the participation of the Logos of the Seven Suns of the Sirian System (higher than the Cosmic Logos of the *star* Sirius) or, higher still, the participation of the Logos called the "One About Whom Naught May Be Said" in that final (for us) initiatory process which might be the one making a man "one with the Logos", we would have to possess a supremely clear sense of human, planetary, solar, and cosmic *proportion*. A very advanced faculty of *comparison* would be required of us, and I believe none of us has the ability to see into such matters with the necessary sense of comparison and proportion.

6. Nhưng, nếu chúng ta muốn nghĩ về việc có thể tham gia của những Đấng cao hơn đó như là công cụ trong hoặc 'đằng sau' cuộc điếm đạo thứ chín - chúng ta liệu có nên tìm cách chứng minh cho sự tham gia của Thượng đế của Bảy Thái dương hệ thuộc Hệ thống Sirius (cao hơn Thượng đế Vũ trụ của sao Sirius) hoặc cao hơn nữa, sự tham gia của Thượng đế được gọi là "Đấng Không Thể Nói Bàn" trong quá trình điếm đạo cuối cùng (đối với chúng ta), quá trình có thể làm cho một con người là "một với Thượng đế", chúng ta sẽ phải có một ý thức cực kỳ rõ ràng về *tỷ lệ* con người, hành tinh, thái dương và vũ trụ. Chúng ta cần phải có một năng lực *so sánh* cao cấp, và tôi tin rằng không ai trong chúng ta có khả năng nhìn những vấn đề như vậy với ý thức cần thiết về so sánh và tỷ lệ.

7. The Tibetan's words are simple; the last sentence given by him is apparently straightforward. But the mysteries are many and deep, and not at all easily solved.

8. This rather detailed analysis has been meant to open the inquiry. We must all ponder deeply on these abstruse matters (preferably, together as a group) if we hope to lift, even a little, the veil shrouding these profound mysteries.

7. Các từ ngữ của Chân sư Tây Tạng thật đơn giản; câu cuối cùng được Ngài đưa ra rõ ràng là thẳng thắn. Nhưng những bí ẩn thì rất nhiều và sâu sắc, và không dễ gì giải đáp được.

8. Phân tích khá chi tiết này nhằm mở ra cuộc khám phá. Tất cả chúng ta phải suy ngẫm sâu sắc về những vấn đề trừu tượng này (tốt nhất là cùng nhau như một nhóm) nếu chúng ta hy vọng vén lên, dù chỉ một chút, bức màn che phủ những bí ẩn sâu xa này.